

Diễn đàn Thị trường Trái phiếu Doanh nghiệp Việt Nam 2026

**Củng cố Niềm tin, tính Minh bạch
và phát triển Cơ sở hạ tầng
cho mục tiêu Tăng trưởng Bền vững**

Thứ Năm, ngày 2/4/2026 | Hà Nội, Việt Nam



Diễn đàn Thị trường Trái phiếu Doanh nghiệp Việt Nam 2026

 Thứ Năm, ngày 2/4/2026

 Hà Nội, Việt Nam

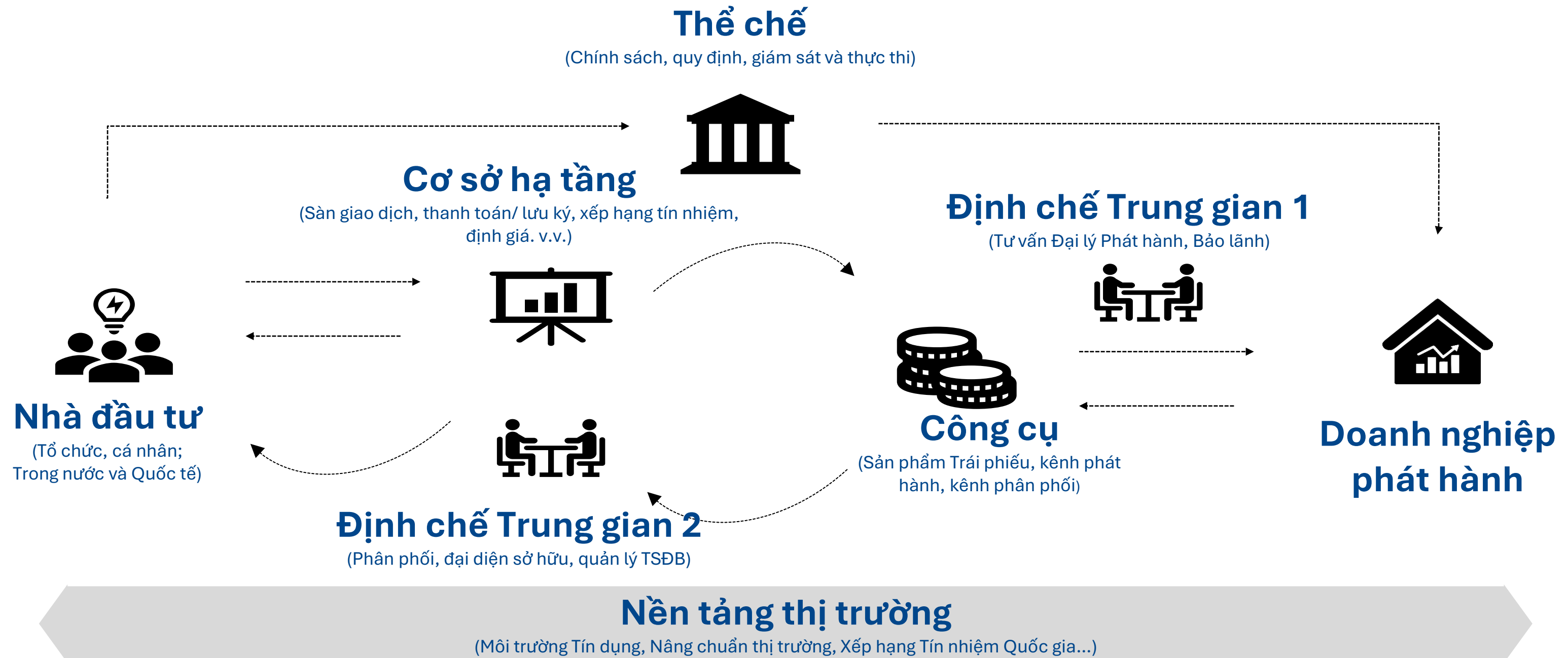
Diễn giả

Ông Nguyễn Quang Thuận

Chủ tịch FiinGroup & FiinRatings

Cách tiếp cận về Phát triển Thị trường TPDN Việt Nam

Mô hình vận hành thị trường TPDN:



Nguồn: FiinRatings.

Ghi chú: Mô hình này được FiinRatings xây dựng nhằm mục đích mang tính mô phỏng và minh họa và do vậy có thể không phản ánh hết các cấu phần vận hành của thị trường TPDN của Việt Nam.

Diễn đàn Thị trường Trái phiếu Doanh nghiệp Việt Nam 2026

 Thứ Năm, ngày 2/4/2026

 Hà Nội, Việt Nam

Triển vọng Tăng trưởng của Việt Nam,
Nhu cầu vốn và Khả năng đáp ứng
của Hệ thống Ngân hàng



Diễn giả

Ông Kim Eng Tan

Giám đốc Xếp hạng Tín nhiệm
Quốc gia Châu Á - Thái Bình Dương,
S&P Global Ratings



Diễn giả

Ông Nguyễn Anh Quân

Giám đốc Xếp hạng
Khối Định chế Tài chính,
FiinRatings

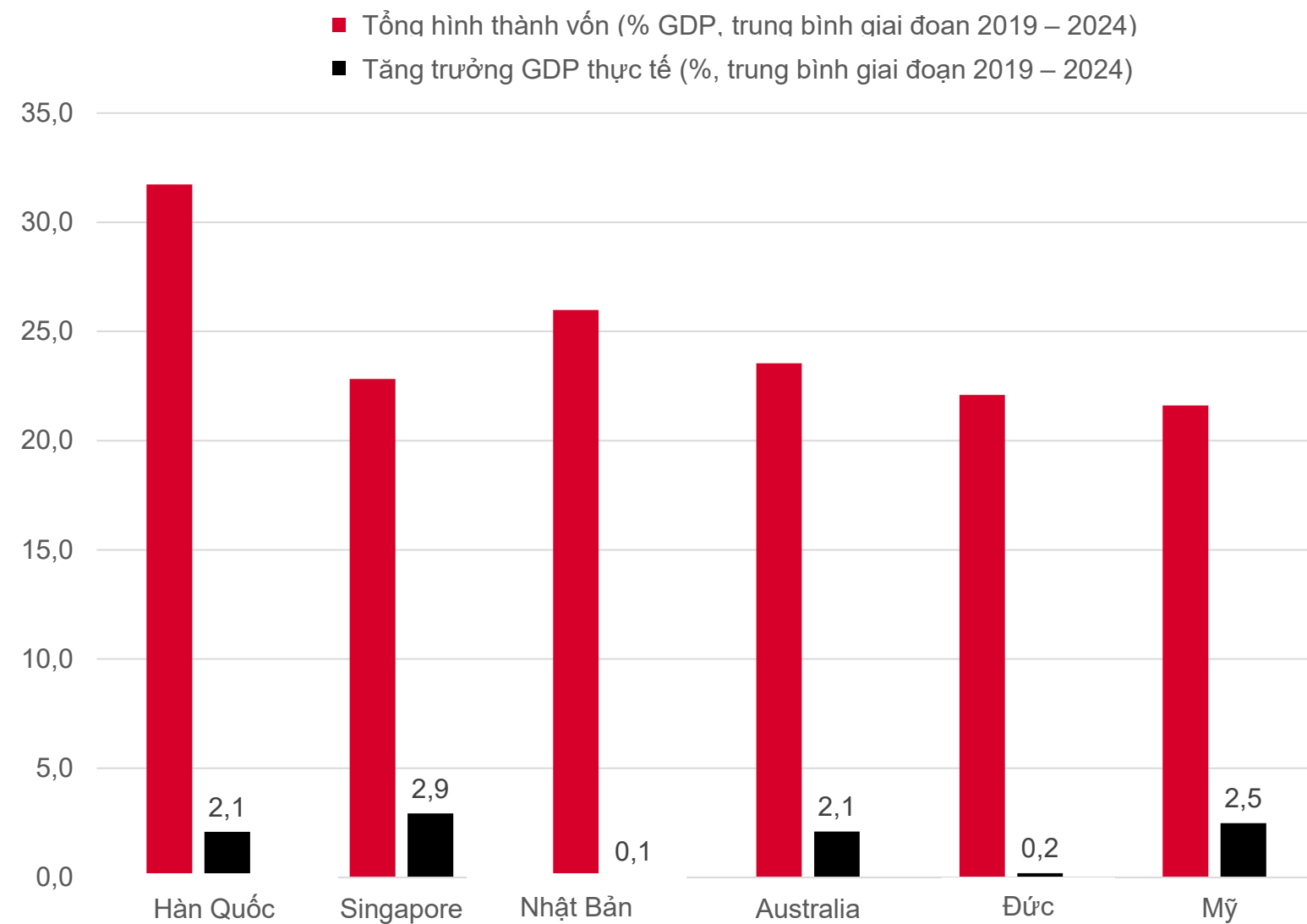
Nội dung

- 01 | Kế hoạch tăng trưởng của Việt Nam và dự địa tài khóa từ góc nhìn xếp hạng tín nhiệm quốc gia**
- 02 | Nhu cầu nguồn vốn để duy trì tăng trưởng kinh tế**
- 03 | Triển vọng ngành ngân hàng: cân bằng giữa tăng trưởng tín dụng và ổn định hệ thống ngành**

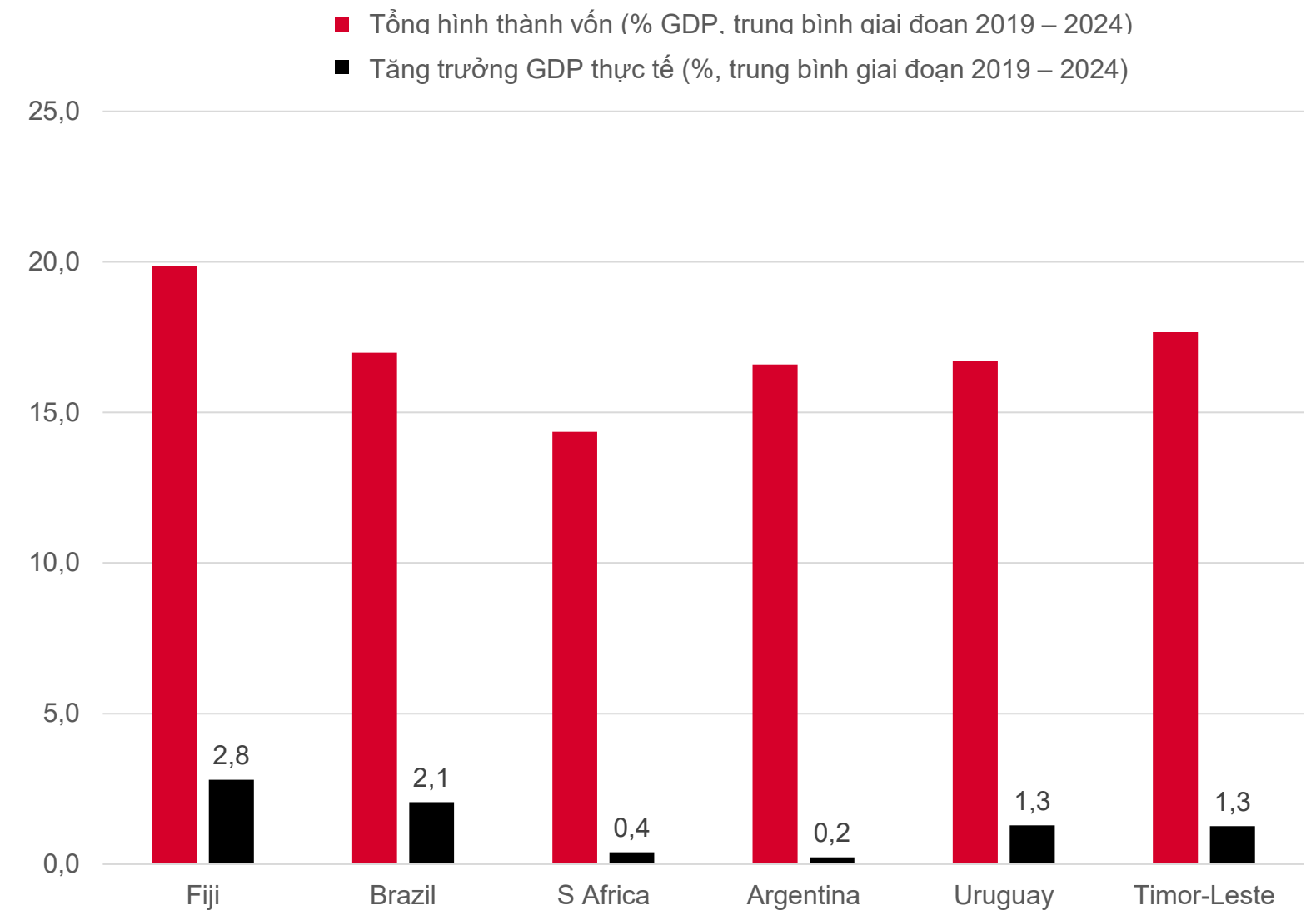


Tăng trưởng và Đầu tư không thể tách rời ở mọi mức thu nhập

Các nền kinh tế có thu nhập cao vẫn duy trì tỷ lệ đầu tư trên 20% GDP



Các nền kinh tế thu nhập thấp và tăng trưởng chậm thường có tỷ lệ đầu tư thấp

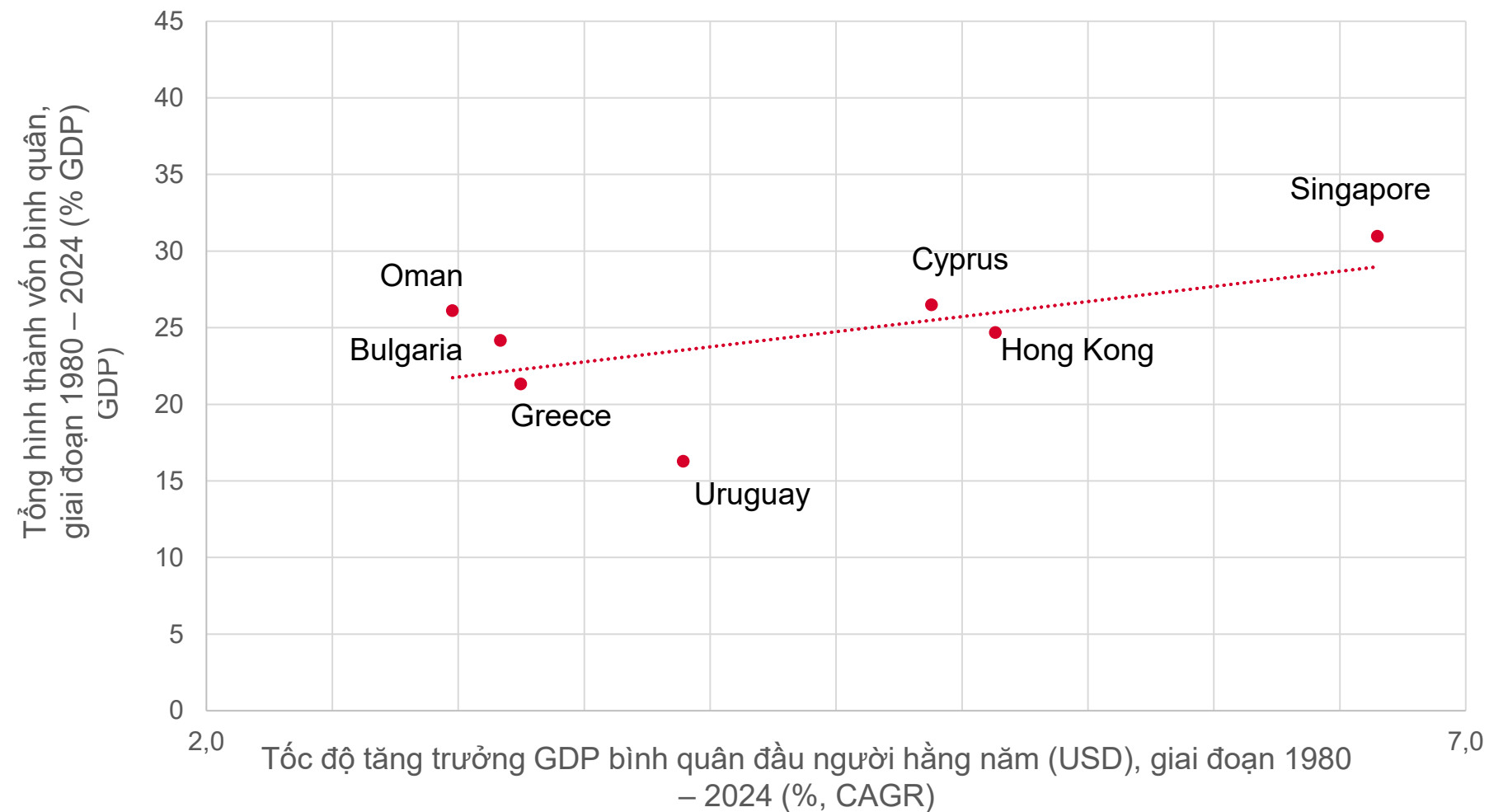


Nguồn: IMF. World Economic Outlook (WEO), <https://data.imf.org/en/datasets/IMF.RES:WEO>. Truy cập vào 30/03/2026.

Tỷ lệ đầu tư cao có mối tương quan chặt chẽ hơn với tăng trưởng kinh tế ở các nền kinh tế có mức thu nhập thấp

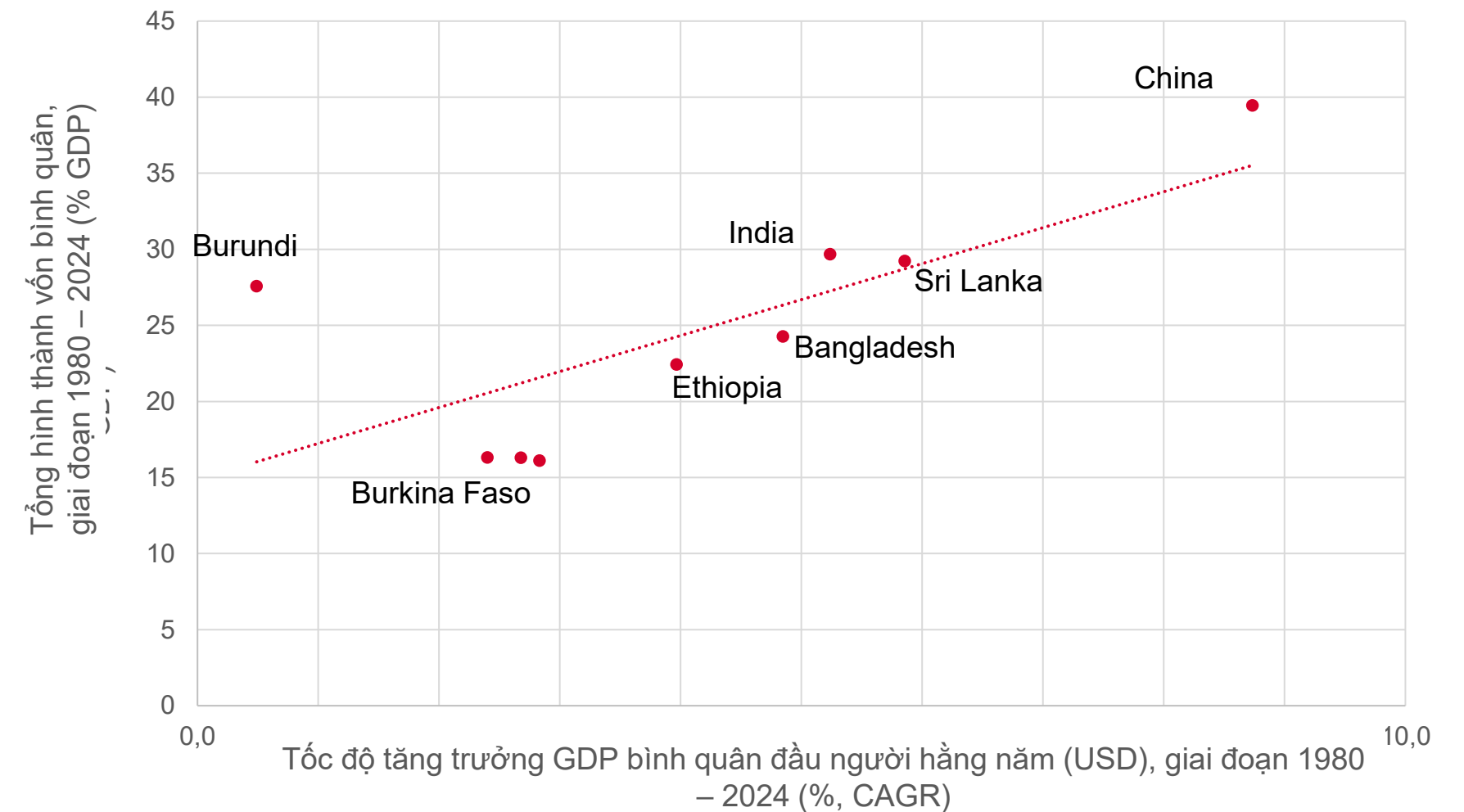
Những nền kinh tế có GDP bình quân đầu người khoảng 4.000 – 6.000 USD năm 1980

Economies with per-capita GDP of around US\$4,000-6,000 in 1980



Những nền kinh tế có GDP bình quân đầu người khoảng 200 – 500 USD năm 1980

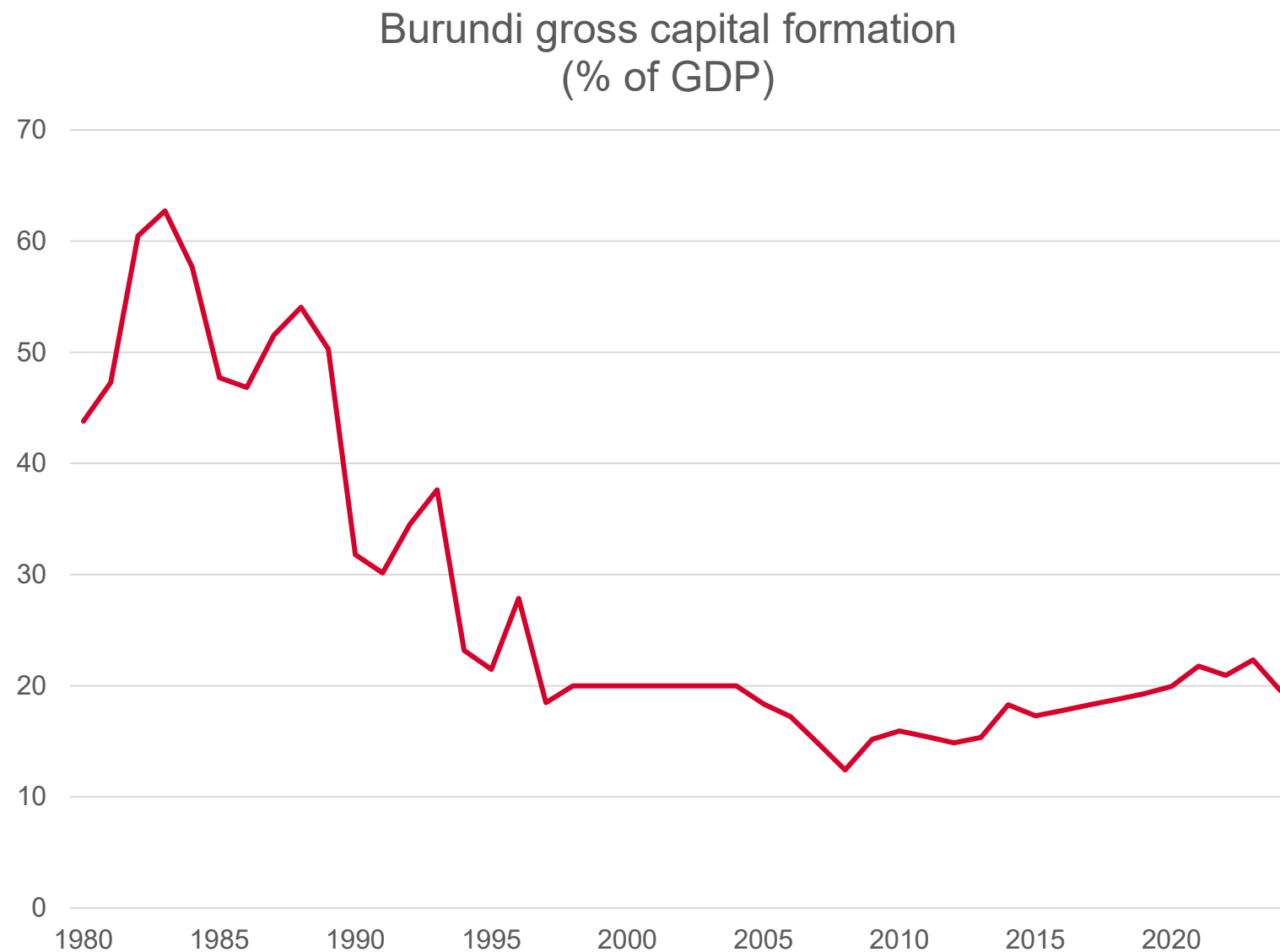
Economies with per-capita GDP of around US\$200-500 in 1980



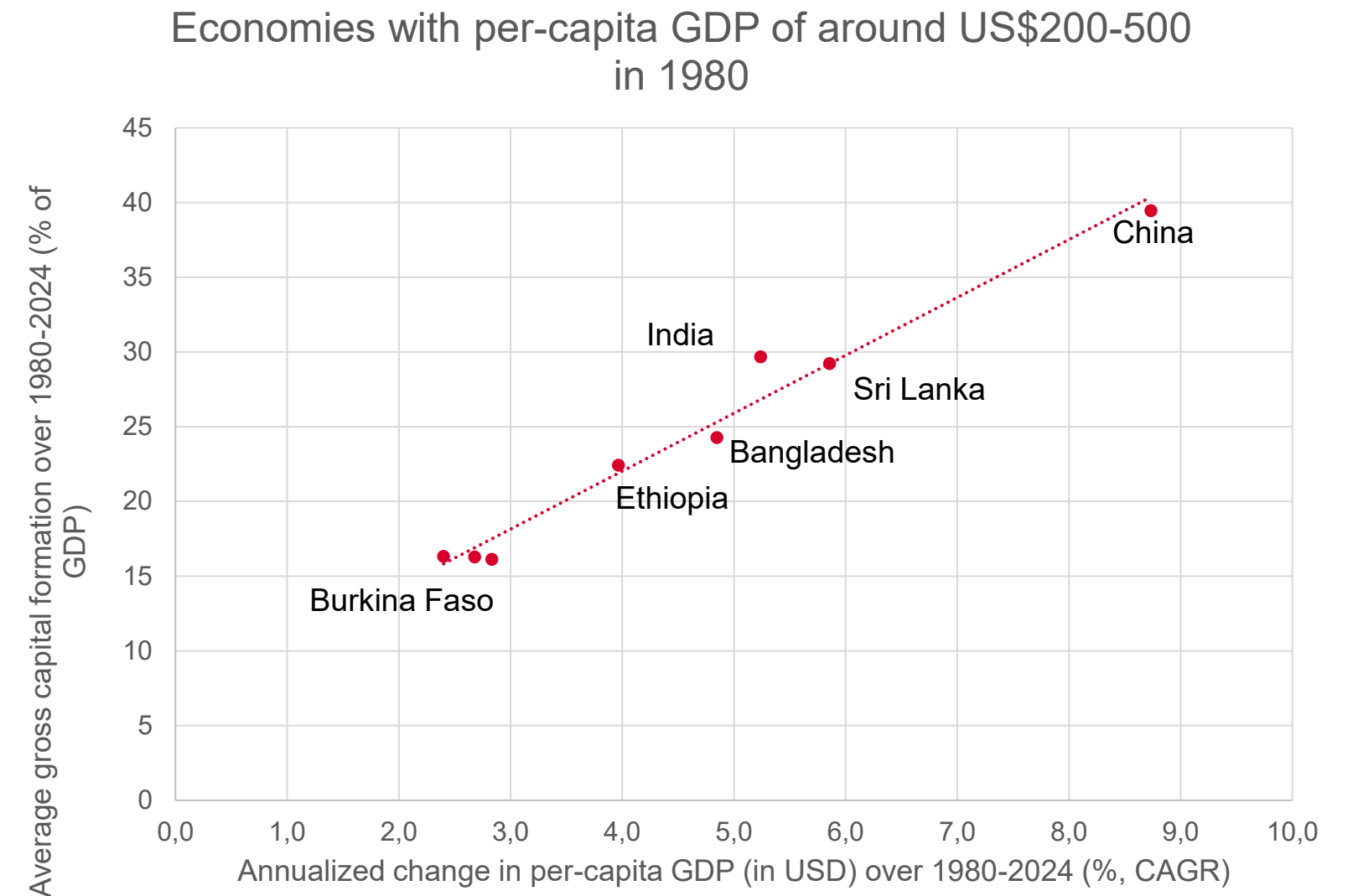
Nguồn: IMF. World Economic Outlook (WEO), <https://data.imf.org/en/datasets/IMF.RES:WEO>. Truy cập vào 30/03/2026.

Mối tương quan trở nên mạnh mẽ hơn đối với các nền kinh tế thu nhập thấp khi loại bỏ một giá trị ngoại lai (Outlier)

Tổng hình thành vốn của Burundi (% GDP)



Những nền kinh tế có GDP bình quân đầu người khoảng 200 – 500 USD năm 1980



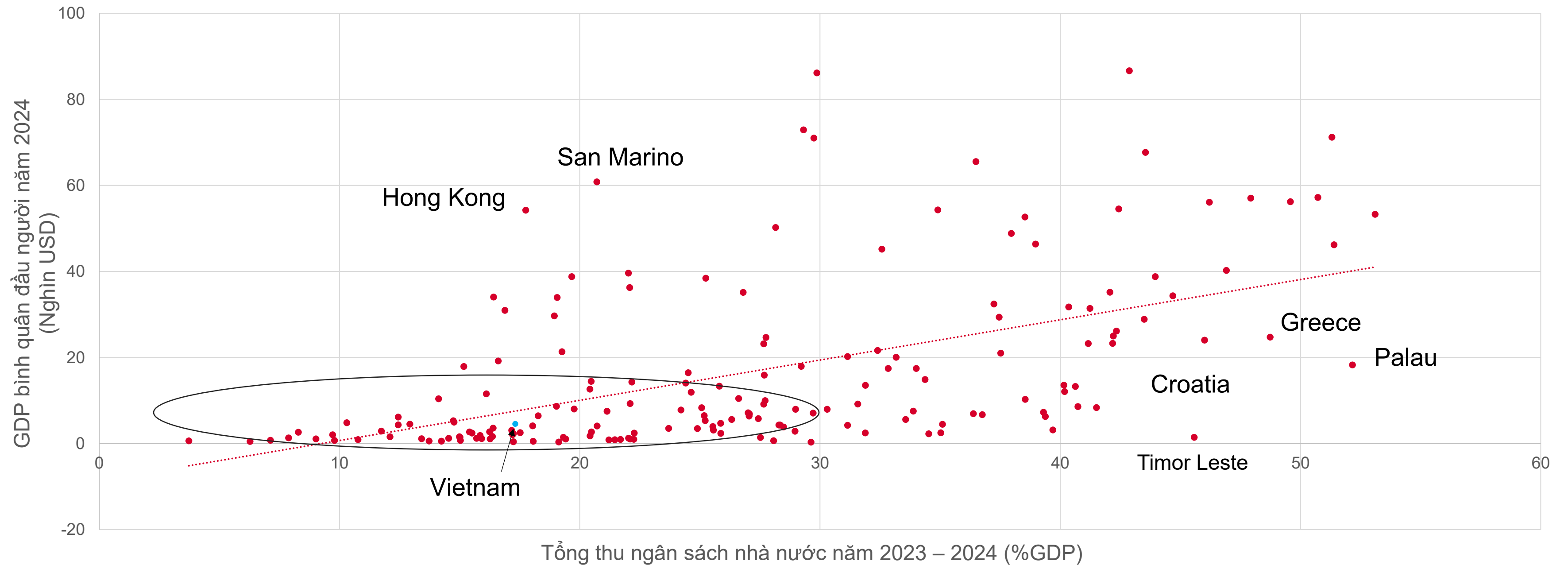
Nguồn: IMF. World Economic Outlook (WEO), <https://data.imf.org/en/datasets/IMF.RES:WEO>. Truy cập vào 30/03/2026.

Khả năng hấp thụ là yếu tố then chốt ở những nền kinh tế có mức thu nhập cao hơn



- Thiếu cơ sở hạ tầng và vốn là những trở ngại lớn đối với việc phát triển kinh tế ở những nền kinh tế có mức thu nhập thấp nhất.
- Khi cơ sở hạ tầng và vốn của một nền kinh tế được cải thiện, mức độ tăng trưởng kinh tế thu được từ các khoản đầu tư mới sẽ ngày càng phụ thuộc vào việc các khoản này có được đầu tư vào đúng dự án hay không.
- Các yếu tố liên quan đến quản trị như: luật pháp, quy định, tính dự đoán của các phán quyết pháp lý, giúp tăng tốc độ thực hiện các quyết định kinh doanh trở nên quan trọng hơn.
- Cải thiện môi trường thể chế, nâng cao tính dự đoán và minh bạch chính sách cũng là yếu tố then chốt mà chúng tôi xem xét cho sự thay đổi trong Xếp hạng tín nhiệm quốc gia của Việt Nam trong tương lai.

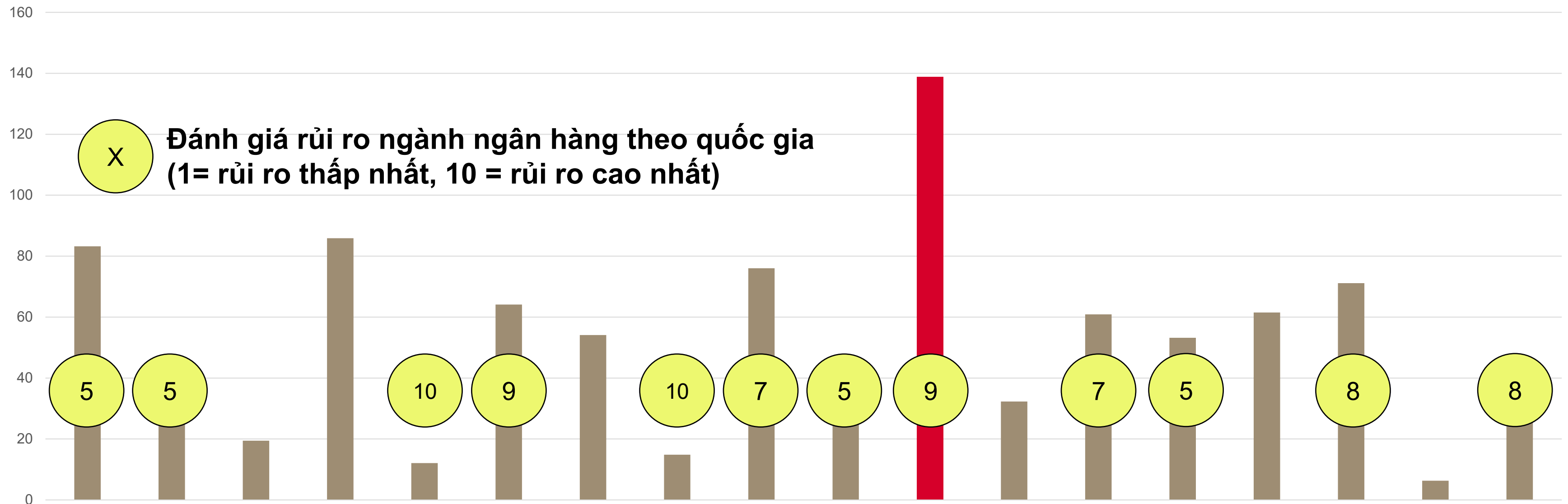
Khả năng tạo nguồn thu yếu hạn chế việc Chính phủ tài trợ cho đầu tư ở nhiều nền kinh tế thu nhập thấp



Nguồn: IMF. World Economic Outlook (WEO), <https://data.imf.org/en/datasets/IMF.RES:WEO>. Truy cập vào 30/03/2026.

Tăng trưởng tín dụng ngân hàng quá nhanh trong nhiều năm đã tạo ra rủi ro đối với Xếp hạng tín nhiệm quốc gia của Việt Nam

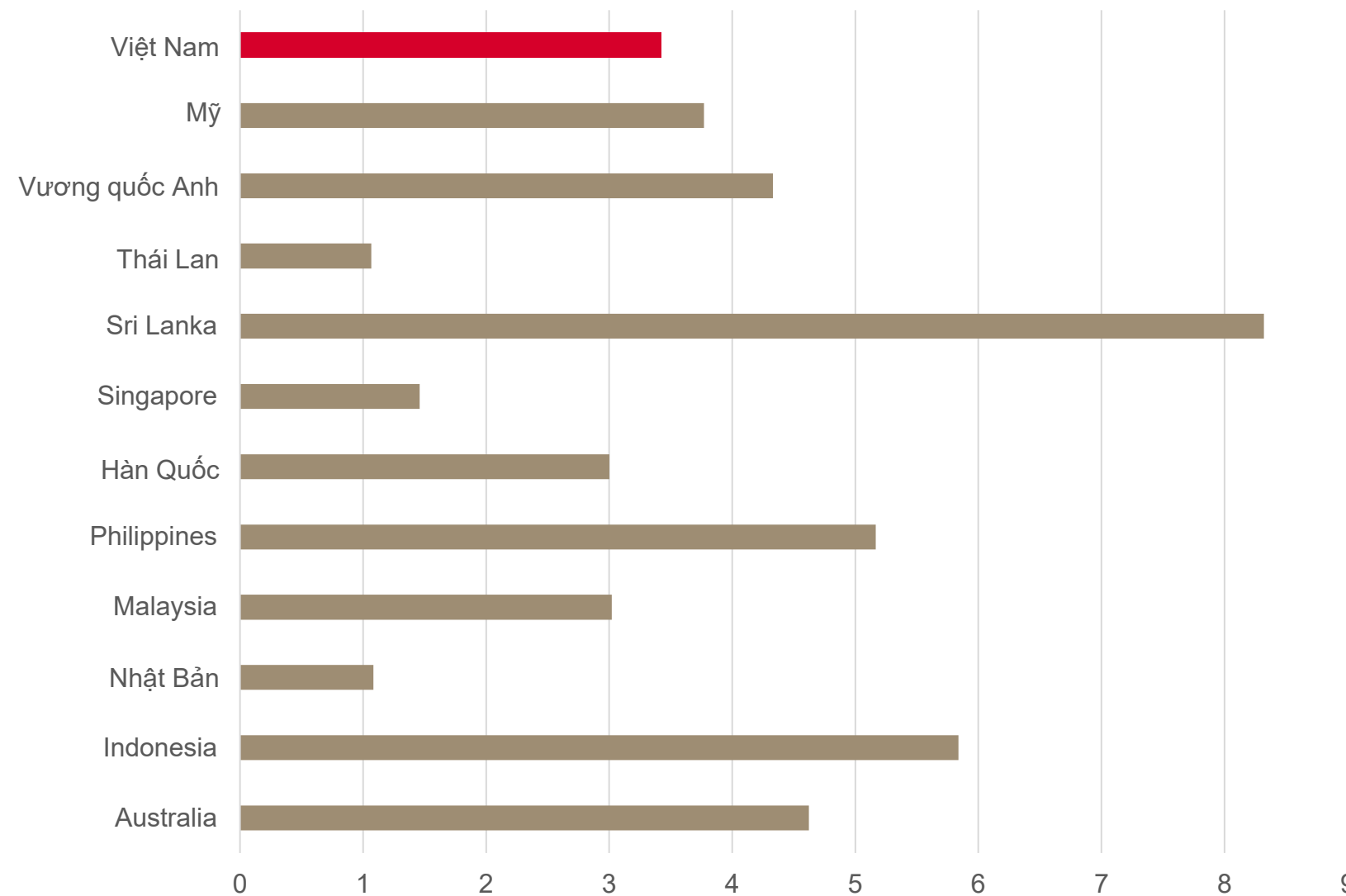
Tỷ lệ dư nợ của ngân hàng đối với khu vực phi Chính phủ trong nước/GDP của các nền kinh tế có thu nhập bình quân đầu người từ 3.000 đến 7.000 USD vào năm 2025 (%)



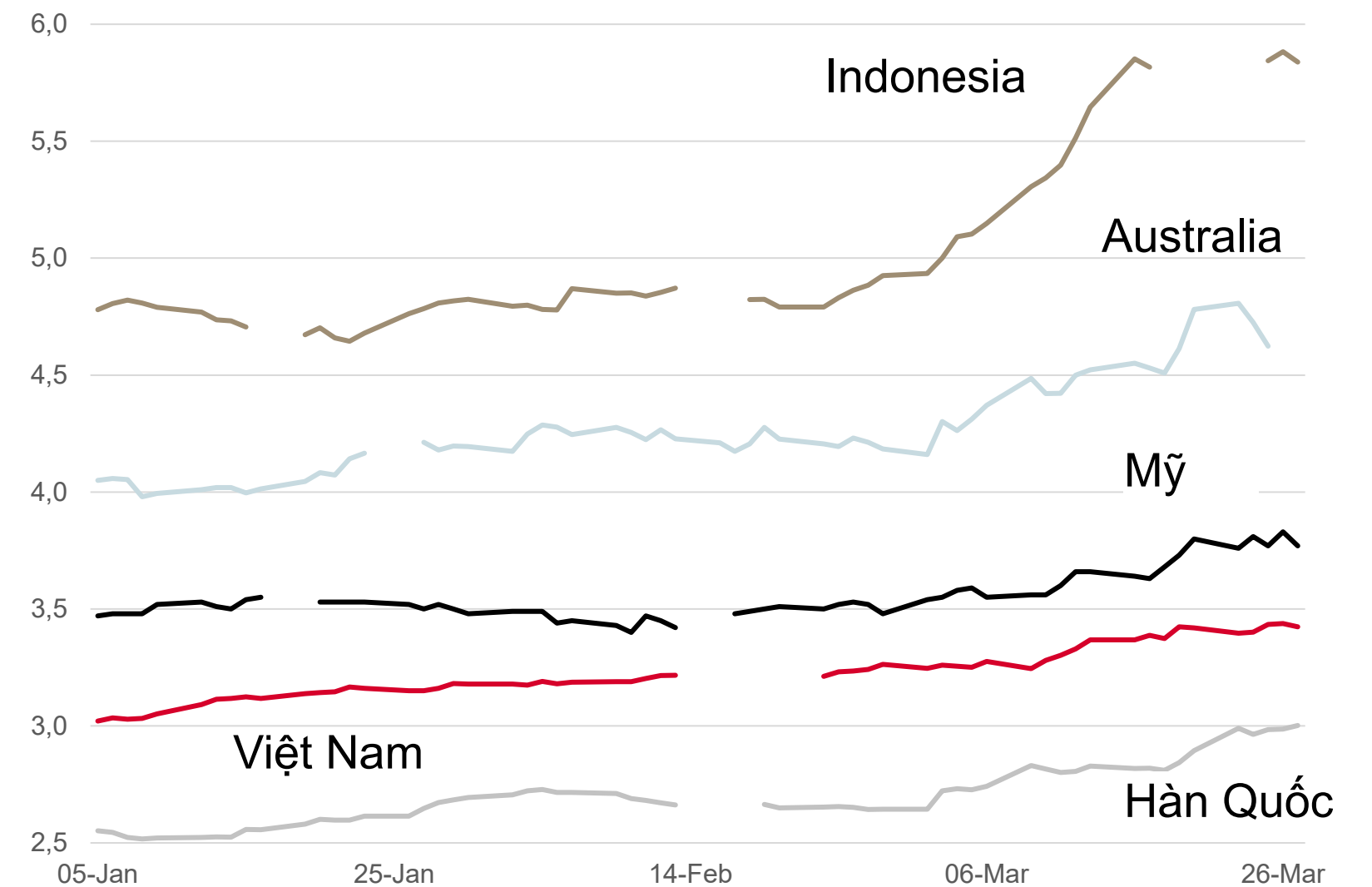
Nguồn: S&P Global Ratings

Lợi suất Trái phiếu Chính phủ Việt Nam vẫn ở mức tương đối thấp dù đã tăng gần đây

Lợi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 1 năm (%), tại cuối tháng 03/2026



Lợi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 1 năm (%)

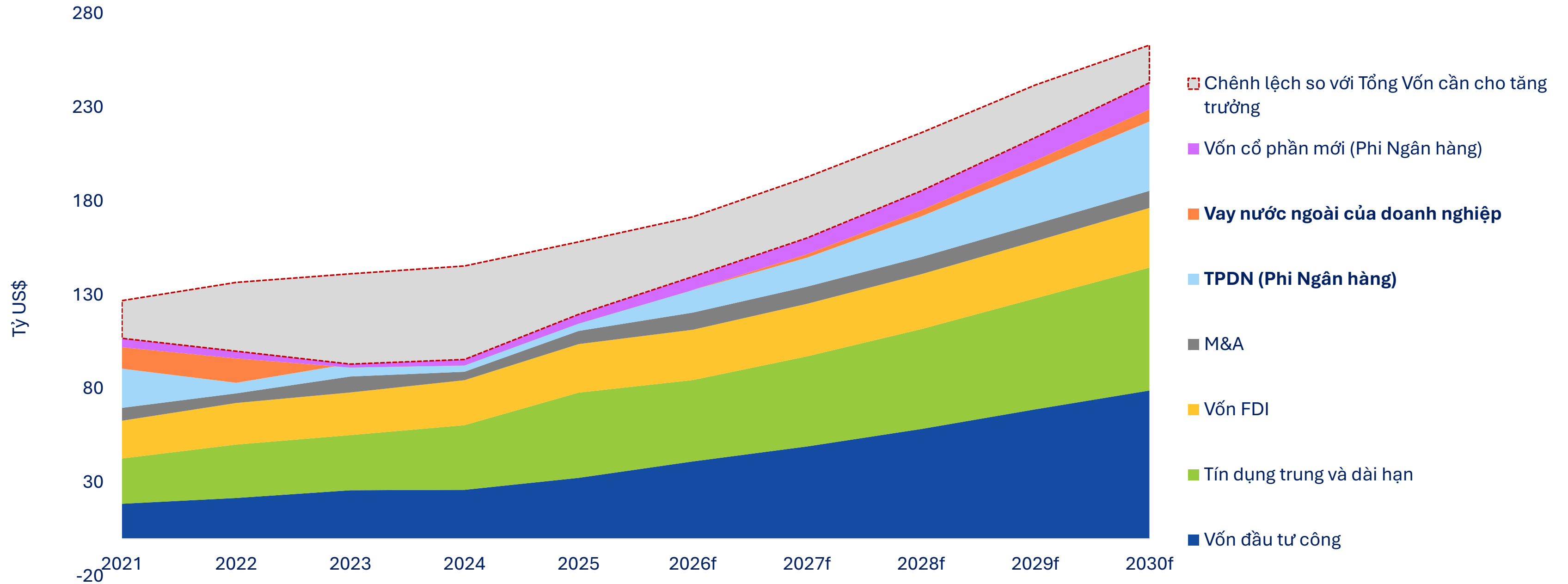


Nguồn: S&P Global Ratings

Nhu cầu nguồn vốn để duy trì tăng trưởng kinh tế

Sự cần thiết của việc phát triển kênh trái phiếu nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế

Chênh lệch giữa Nguồn vốn trung-dài hạn vs. Tổng đầu tư toàn xã hội mục tiêu



Nguồn: FiinGroup.

Notes:

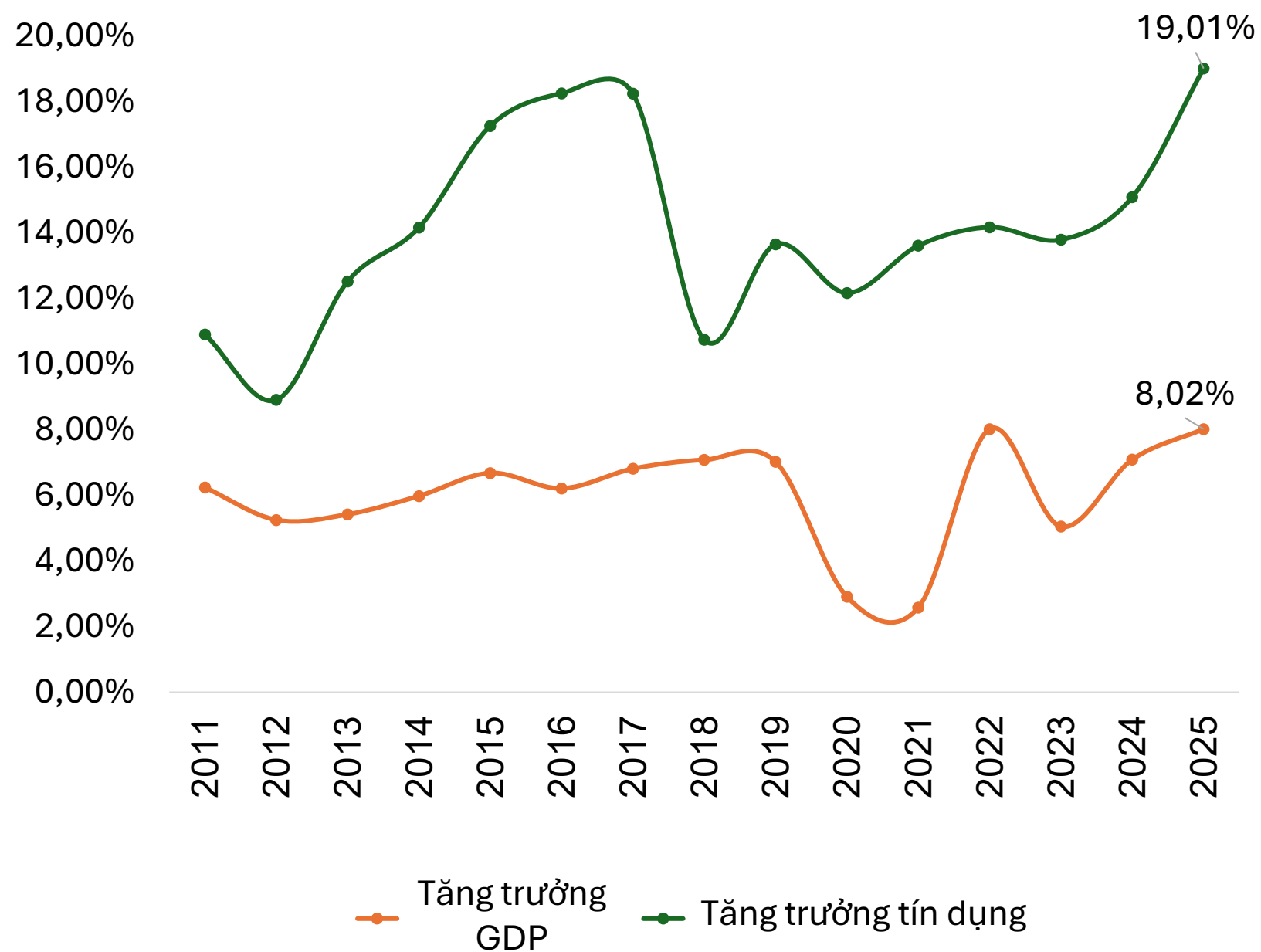
1. Giả định và cơ sở ước tính chính cho dự báo trên, bao gồm: (1) Vốn cần cho tăng trưởng là tổng vốn đầu tư toàn xã hội dựa trên giả định tăng trưởng GDP 10%/năm trong giai đoạn 2026 - 2030; (2) Tỷ lệ vốn đầu tư toàn xã hội/GDP tăng dần, tiệm cận 40% vào năm 2030. (3) Đầu tư công giải ngân theo kế hoạch, tỷ lệ hoàn thành duy trì ở mức cao (>90%); (4) Tăng trưởng tín dụng ổn định quanh 15-18%/năm; cơ cấu tín dụng trung & dài hạn không thay đổi đáng kể; (5) Phát hành TPDN phi ngân hàng phục hồi từ 2026 và gia tăng dần tỷ trọng trong cơ cấu vốn; (5) Lượng vốn FDI giải ngân tăng trưởng ổn định khoảng 7 - 8%/năm; M&A cải thiện so với nền thấp giai đoạn trước.

2. Những phân tích trong báo cáo này chỉ tập trung vào các dòng vốn trung và dài hạn, không bao gồm các kênh huy động vốn ngắn hạn phục vụ vốn lưu động.

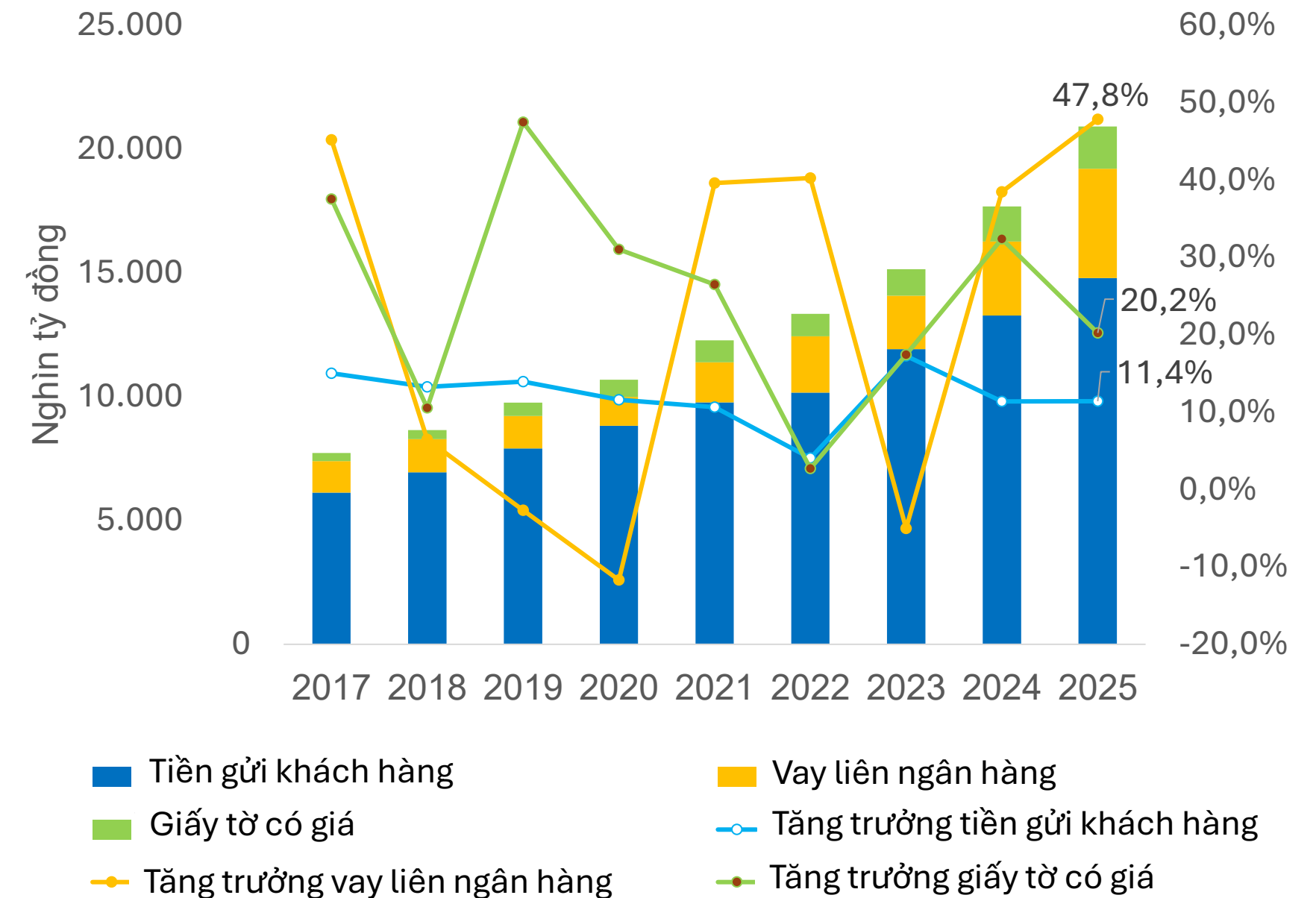
Tăng trưởng tín dụng sẽ có chọn lọc hơn trong thời gian tới, với tốc độ tăng trưởng ngày càng phân hóa theo mức độ vững mạnh về vốn

Tăng trưởng dư nợ tín dụng toàn ngành vượt tốc độ tăng trưởng tiền gửi trong những năm gần đây, dẫn đến việc các ngân hàng tiếp tục phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn bán buôn¹

Tốc độ tăng trưởng GDP và tăng trưởng tín dụng giai đoạn 2011 – 2025



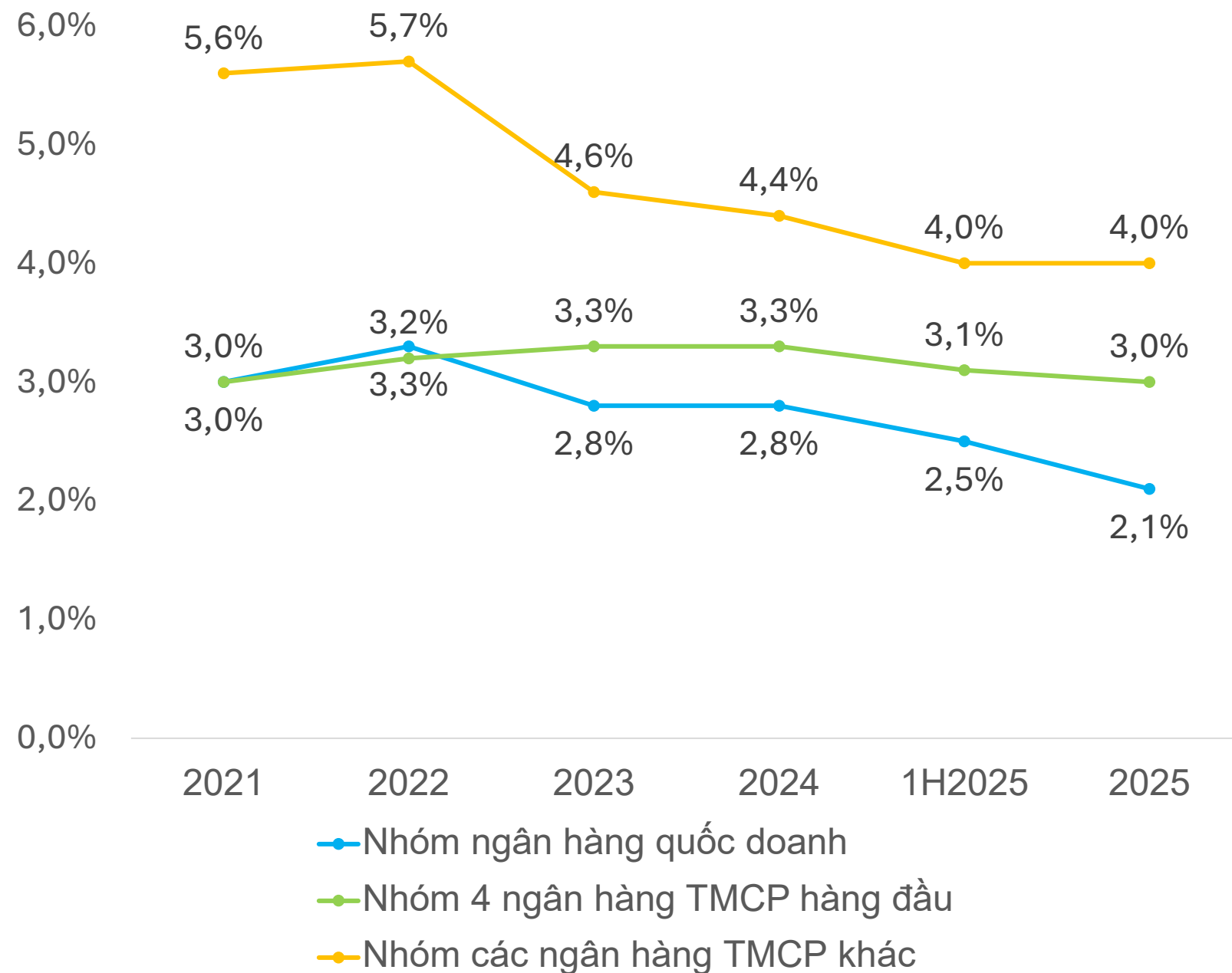
Cấu trúc nguồn vốn (trái) và tốc độ tăng trưởng (phải) giai đoạn 2017 - 2025



Nguồn: FiinRatings

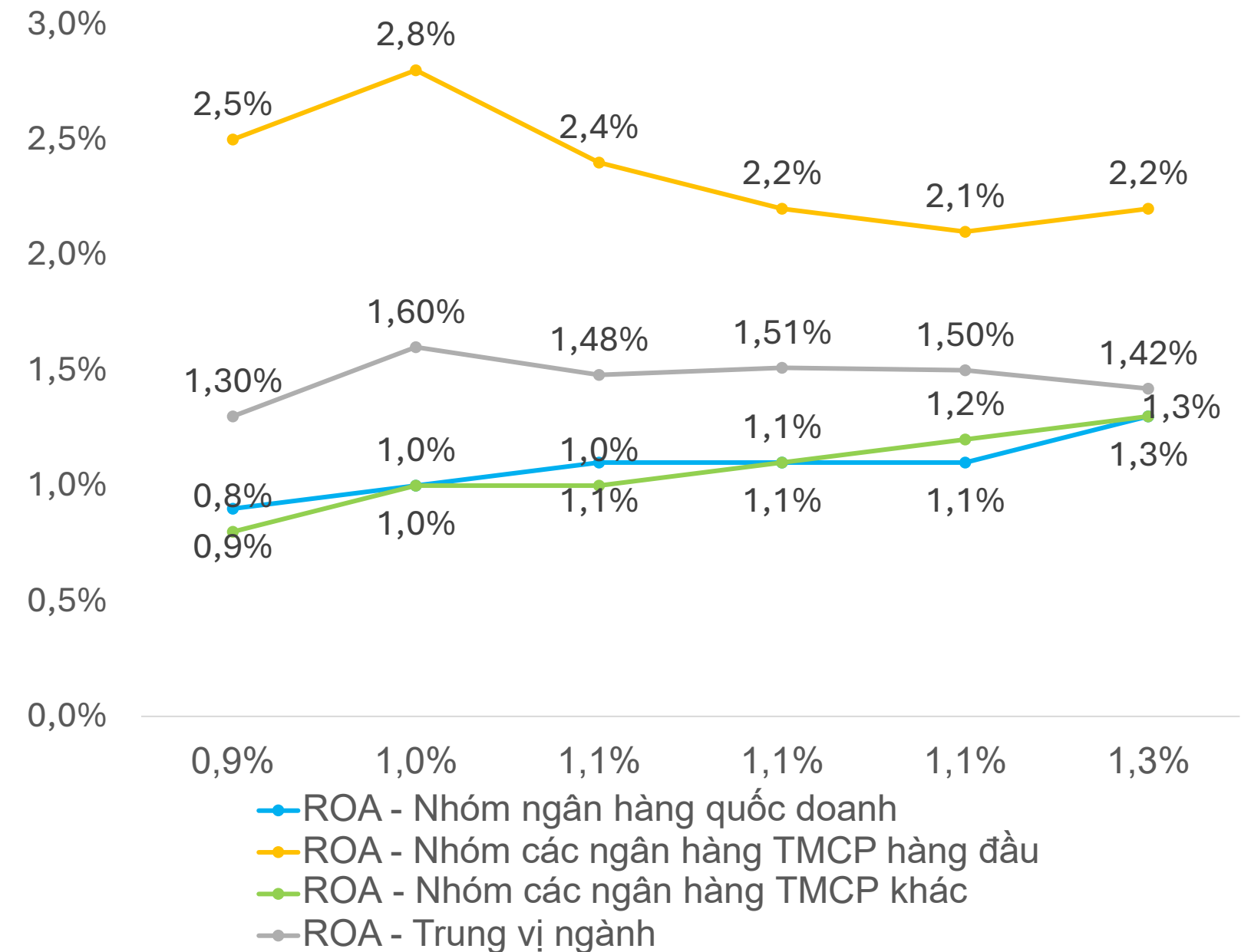
Nguồn: FiinRatings

Biên lãi ròng (NIM) của các ngân hàng Việt Nam (theo nhóm ngân hàng) (2021 – 2025)



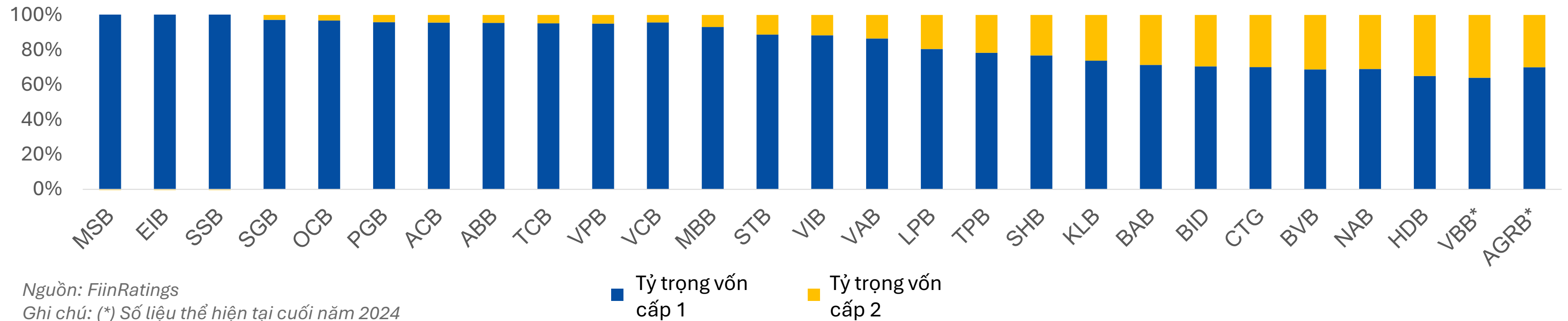
Nguồn: FiinRatings

Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA) của các ngân hàng Việt Nam (theo nhóm ngân hàng) (2021 – 2025)

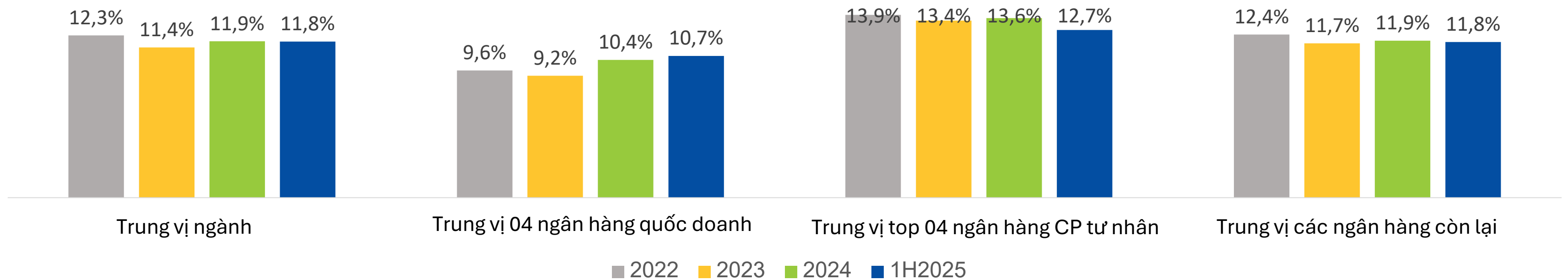


Nguồn: FiinRatings

Cơ cấu tỷ trọng an toàn vốn của các ngân hàng tại Việt Nam (Nửa đầu 2025)



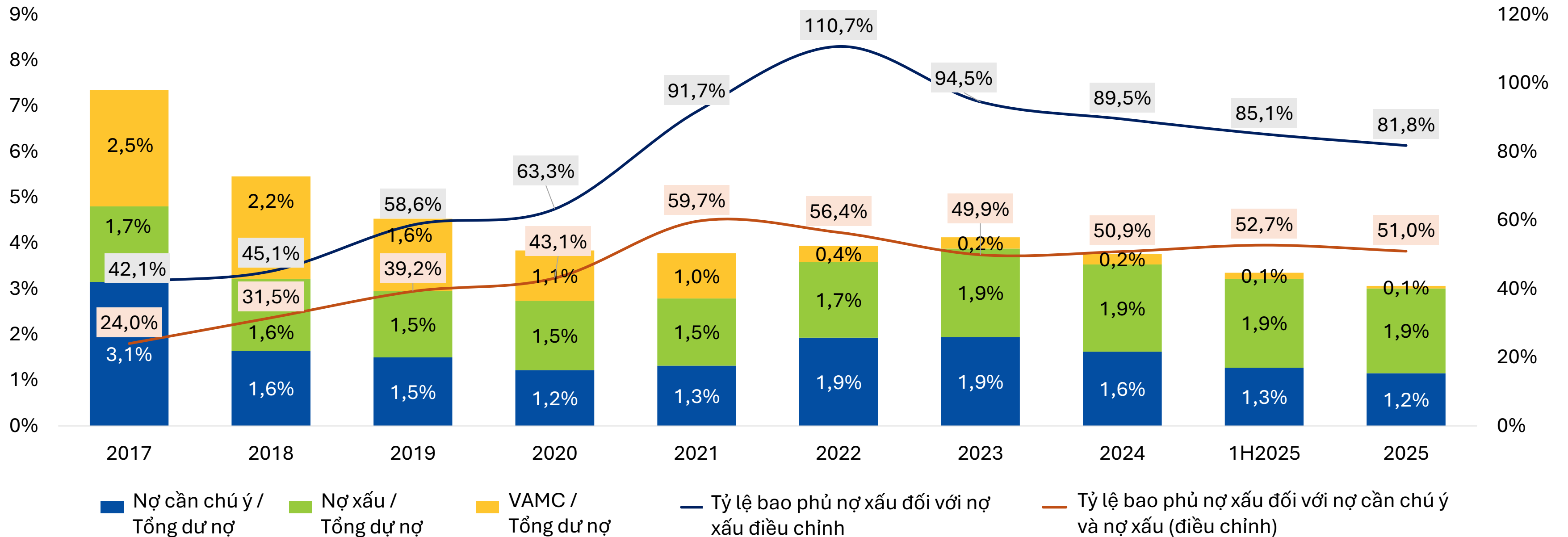
Tỷ lệ an toàn vốn (theo ngành và theo nhóm ngân hàng) (2022 – 1H2025)



Áp lực chất lượng tài sản gia tăng khi tăng trưởng tín dụng chậm lại và hoạt động xóa nợ trở về mức bình thường

Số ngày thu hồi lãi và phí phải thu là yếu tố quan trọng cần theo dõi trong 2026

Tỷ lệ nợ có vấn đề* (trái) và tỷ lệ bao phủ nợ xấu (phải) của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam



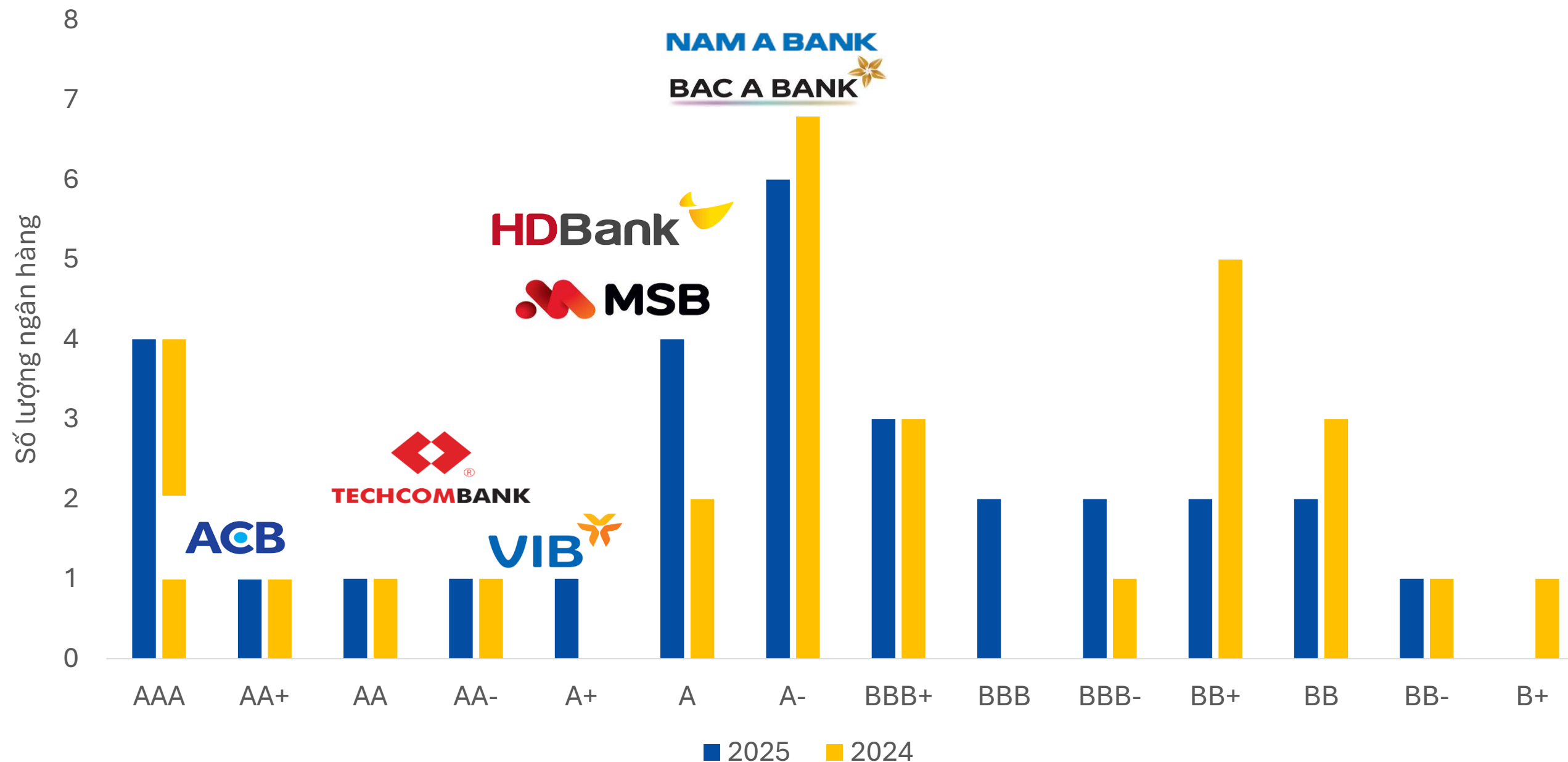
Nguồn: FiinRatings

Ghi chú: (*) Nợ có vấn đề bao gồm nợ cần chú ý (SML), nợ xấu (NPL) và các khoản nợ xấu đã được bán hoặc chuyển giao cho Công ty Quản lý tài sản Việt Nam (VAMC);

Tổng dư nợ = Dư nợ cho vay trên bảng cân đối kế toán (Loan book) + Trái phiếu VAMC (VAMC bonds)

Mức xếp hạng trung vị của toàn ngành ngân hàng vẫn tập trung quanh nhóm [A-], là mức “anchor” của ngành

Phân bố xếp hạng tín nhiệm sơ bộ của các ngân hàng thương mại, giai đoạn 2024 – 2025



Nguồn: FiinRatings

Ghi chú:

(i) Đây là phân bố xếp hạng tín nhiệm sơ bộ, được tổng hợp từ thông tin công khai và cập nhật định kỳ.

(ii) Ngoài Techcombank, HDBank, VIB, Bắc Á Bank, ACB, MSB và Nam Á Bank, FiinRatings chưa thực hiện và công bố xếp hạng tín nhiệm cho các ngân hàng khác tại thời điểm báo cáo. Ngoài ra, chúng tôi đã thực hiện và công bố xếp hạng cho một công cụ nợ phát hành bởi Vietcombank (không trình bày trong biểu đồ).

(iii) Số liệu năm 2025 và 2024 không bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn (SCB) do thiếu dữ liệu.

Trong số 30 ngân hàng thương mại, có 7 ngân hàng cải thiện hồ sơ tín dụng trong cả năm 2025 so với nửa đầu năm 2025, với mức xếp hạng dao động từ [A] đến [BB], trong khi không có ngân hàng nào ghi nhận sự suy giảm về hồ sơ tín dụng trong cùng giai đoạn.

Năm 2026, trong bối cảnh áp lực gia tăng về chất lượng tài sản và thanh khoản, trong khi biên lãi ròng (NIM) bị thu hẹp và hạn chế về vốn vẫn là thách thức, chúng tôi dự báo triển vọng không thuận lợi đối với ngành ngân hàng (trái ngược với triển vọng ổn định trong 2 năm trước). Tuy nhiên, một số ngân hàng vẫn sẽ cải thiện hồ sơ tín dụng, với các đặc điểm chính bao gồm: duy trì NIM/ROA, tăng trưởng tín dụng chọn lọc, đa dạng hóa nguồn vốn và có bộ đệm thanh khoản cao,...



Diễn đàn Thị trường Trái phiếu Doanh nghiệp Việt Nam 2026

 Thứ năm, Ngày 2/4/2026

 Hà Nội, Việt Nam



Diễn giả

Ông Kim Eng Tan

Giám đốc Xếp hạng Tín nhiệm Quốc gia
Châu Á - Thái Bình Dương,
S&P Global Ratings



Diễn giả

Ông Nguyễn Anh Quân

Giám đốc Xếp hạng Khối Định chế Tài chính,
FiinRatings



**Diễn đàn Thị trường Trái phiếu
Doanh nghiệp Việt Nam 2026**



Thứ Năm, ngày 2/4/2026



Hà Nội, Việt Nam

Thị trường Trái phiếu Doanh nghiệp Việt Nam: Tiến triển và Thách thức

Diễn giả

Ông Lê Hồng Khang

Giám đốc Nghiên cứu & Phân tích,
FiinRatings



Mục Lục

- 01 | Tính cấp thiết của việc phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam**
- 02 | Triển vọng và thách thức**
- 03 | Giải pháp thúc đẩy phát triển thị trường bền vững và minh bạch**



Áp lực tỷ giá, nhà đầu tư nước ngoài bán ròng chứng khoán và tín dụng ngân hàng chỉ chọn lọc tạo áp lực kép lên khả năng tái cấp vốn của doanh nghiệp



Biến động tỷ giá & lãi suất

Áp lực tỷ giá làm tăng mạnh chi phí trả nợ ngoại tệ, chi phí sản xuất gây áp lực lên hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp



Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng trên TTCK

Nhà đầu tư ngoại bán ròng chứng khoán, gây áp lực lên tỷ giá và thanh khoản hệ thống



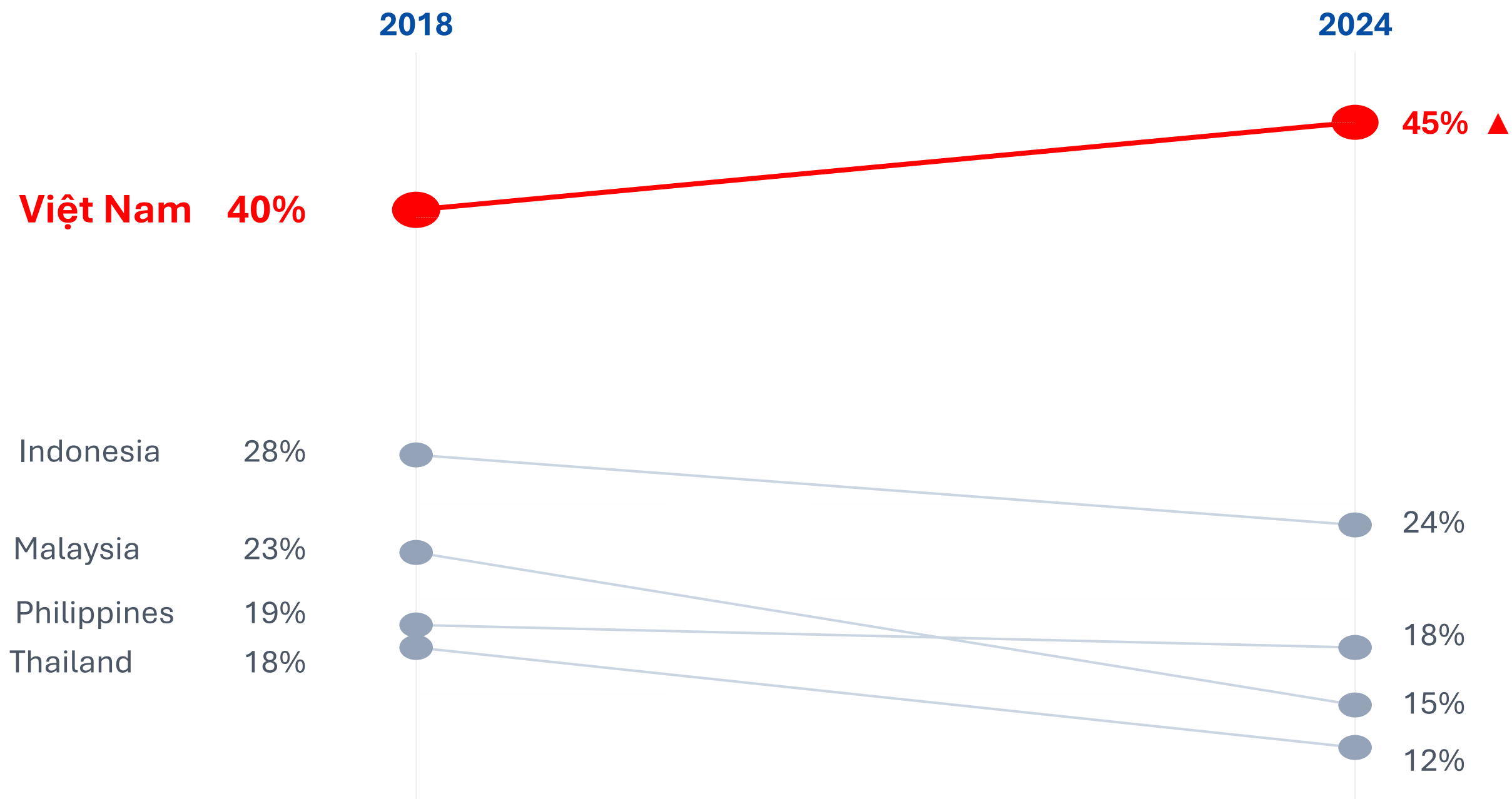
Thắt chặt tín dụng & Cho vay chọn lọc

Ngân hàng cho vay chọn lọc, lãi suất tăng, kênh tái cấp vốn thu hẹp

Đòn bẩy tăng cao & Áp lực đáo hạn: Phép thử cho doanh nghiệp Việt Nam

Trong khi các nước ASEAN giảm phụ thuộc vào nợ ngắn hạn, Việt Nam gia tăng sự phụ thuộc đáng kể vào nợ ngắn hạn

Tỷ lệ Nợ ngắn hạn/ Tổng nợ vay của Top 50 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất theo Tổng Tài Sản (%)

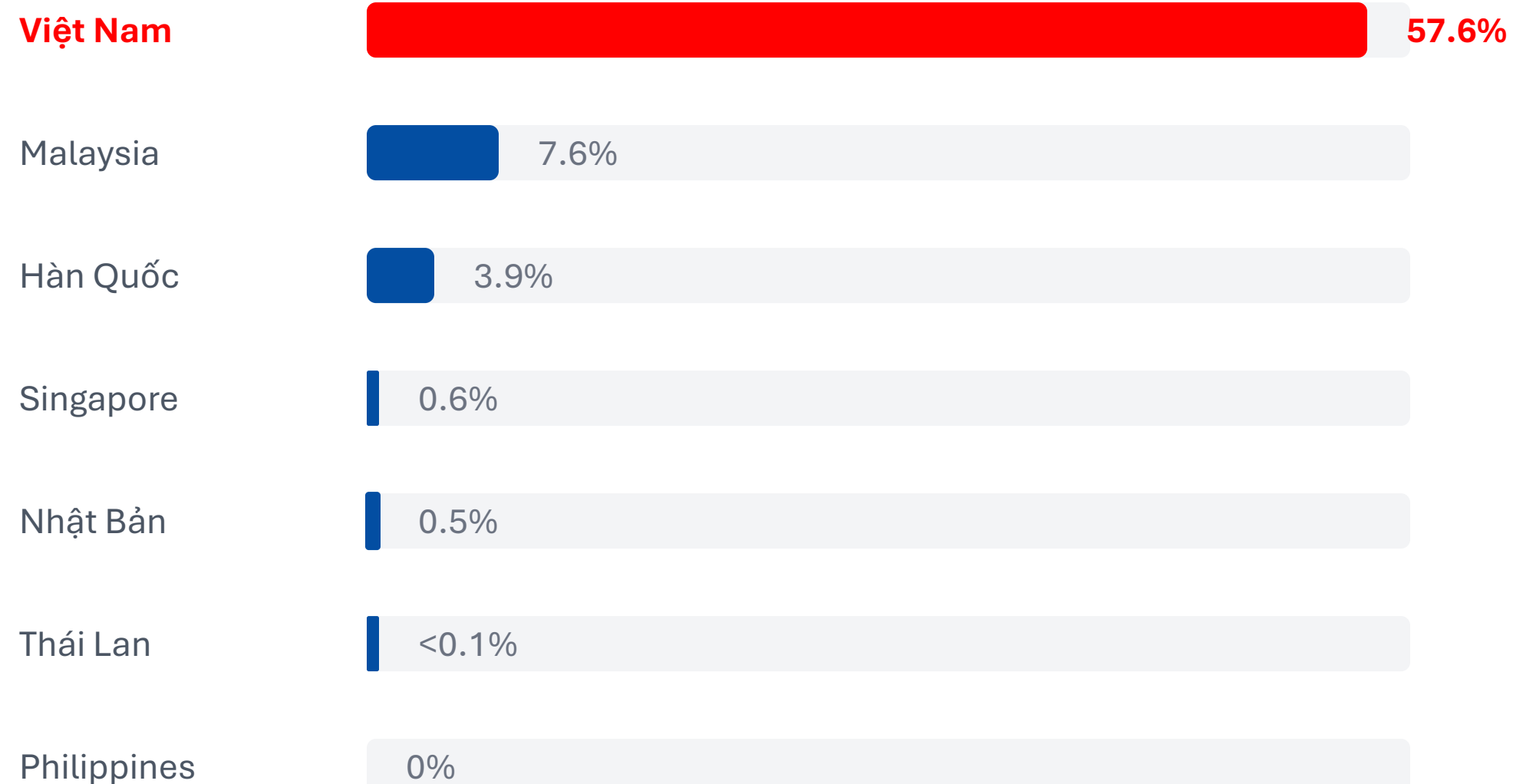


Nguồn: S&P Capital IQ, S&P Global Ratings. Tỷ trọng nợ đến hạn trong 12 tháng bình quân của 50 DN niêm yết lớn nhất theo tổng tài sản tại mỗi quốc gia.

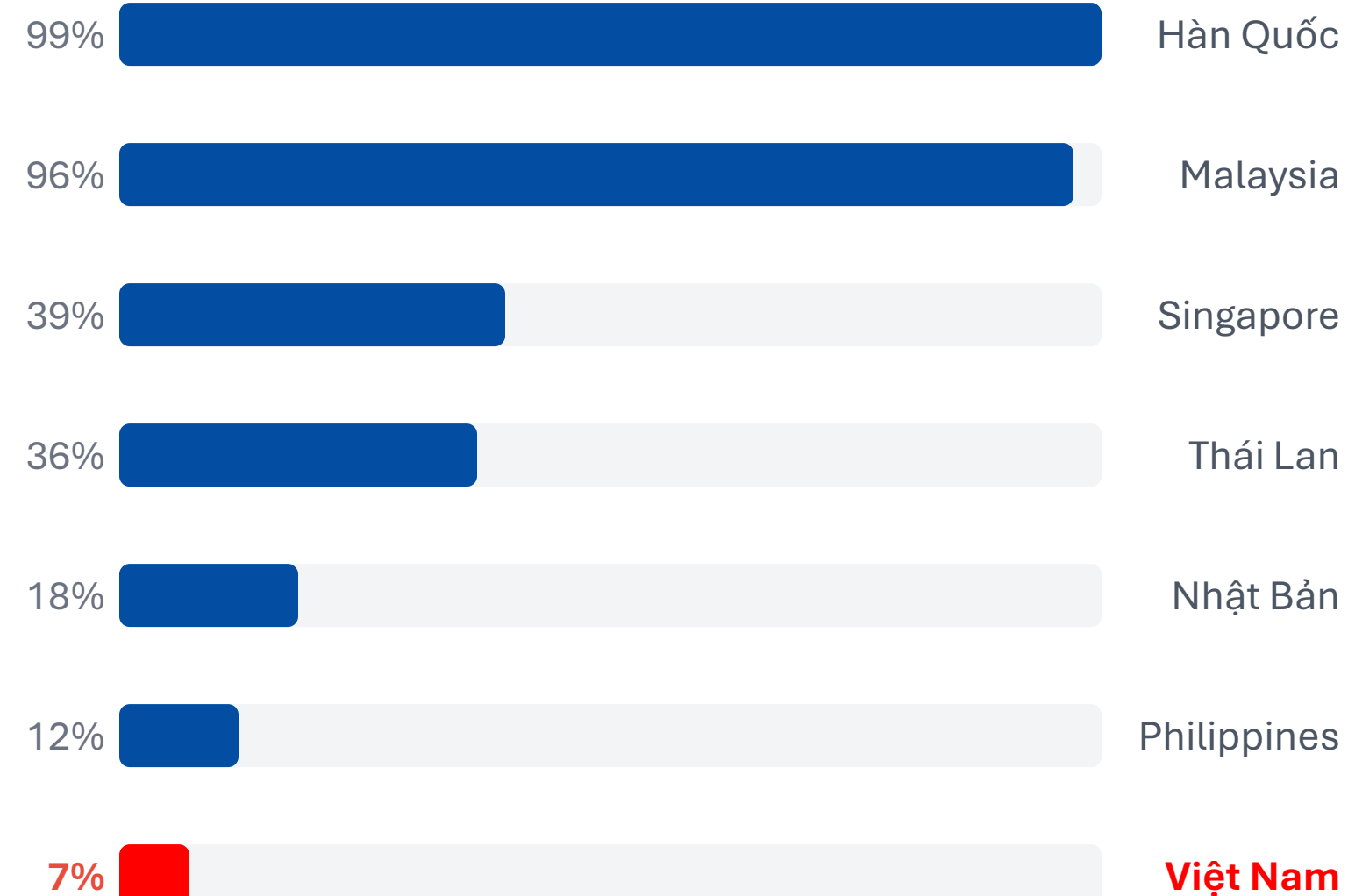
Trái phiếu lãi suất thả nổi chiếm ưu thế, gia tăng rủi ro tái cấp vốn cho khu vực DN Việt Nam

57,6% trái phiếu lãi suất thả nổi và thị trường vốn thiếu chiều sâu khiến Việt Nam đối mặt với rủi ro đặc thù trong khu vực

Tỷ lệ Trái Phiếu lãi suất thả nổi / Tổng số lượng Trái Phiếu Doanh Nghiệp đang lưu hành



Tỷ lệ Quy mô Trái phiếu DN / Tín dụng ngân hàng



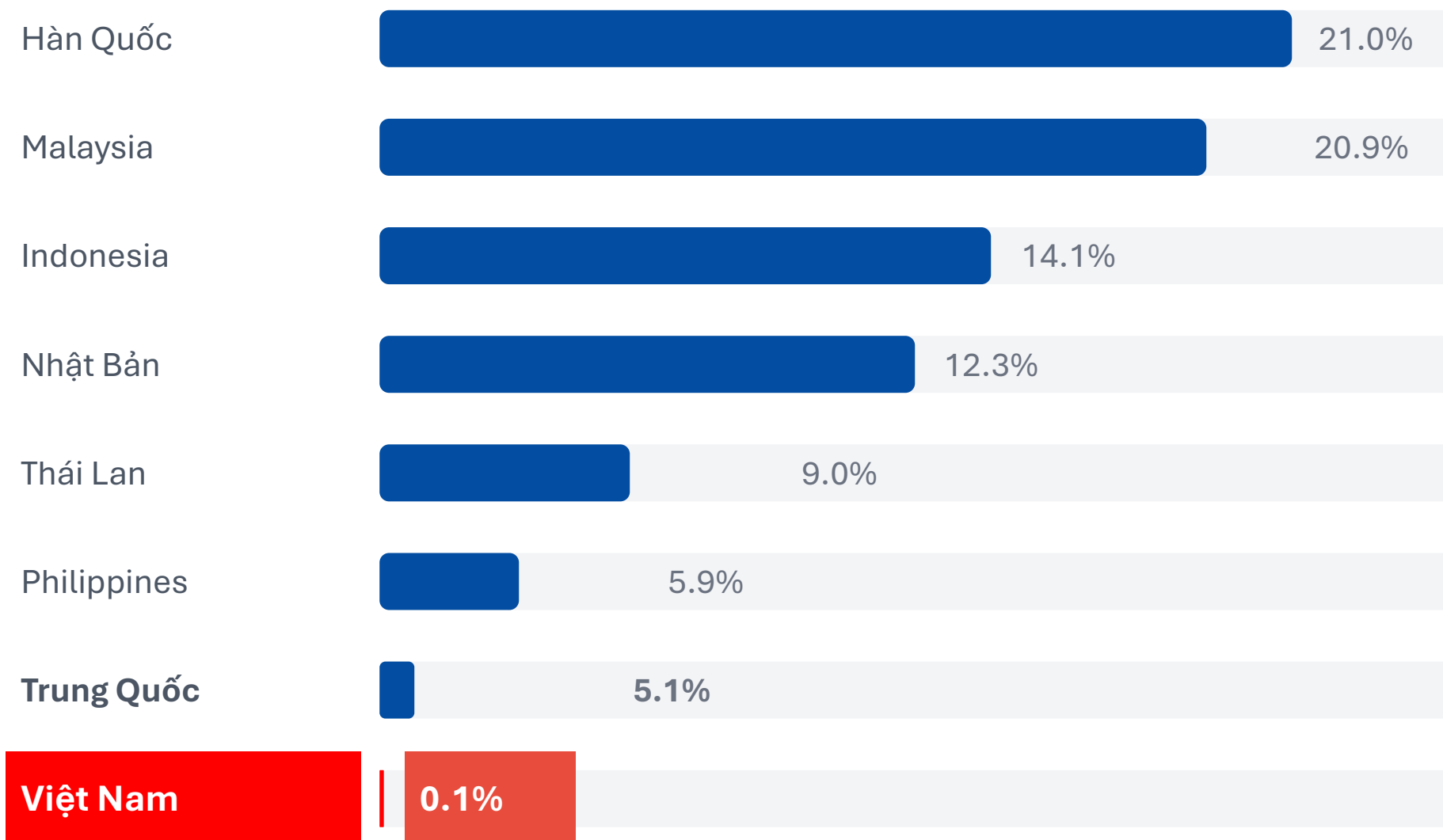
Nguồn: CGIF; FiinRatings, tất cả số liệu được tính tại thời điểm cuối năm 2024

Ghi chú: (*) Bao gồm trái phiếu có cấu trúc lãi suất cố định chuyển đổi sang thả nổi (lãi suất cố định trong giai đoạn đầu, sau đó chuyển sang lãi suất thả nổi)

NĐT nước ngoài gần như vẫn vắng bóng trên thị trường Trái phiếu Việt Nam

Với dưới 1%, Việt Nam thấp hơn đáng kể so với tất cả các nước châu Á trong thu hút đầu tư trái phiếu nước ngoài

Tỷ lệ nắm giữ TPCP nội tệ của NĐT nước ngoài, % tổng dư nợ (T9/2025)



<1%

TPCP Việt Nam do NĐT nước ngoài nắm giữ

Để thu hút sự tham gia lớn hơn từ NĐT nước ngoài, Việt Nam cần nâng cao khả năng tiếp cận thị trường thông qua phát triển hạ tầng thị trường trái phiếu, công cụ phòng ngừa rủi ro và các chuẩn mực định giá đáng tin cậy.

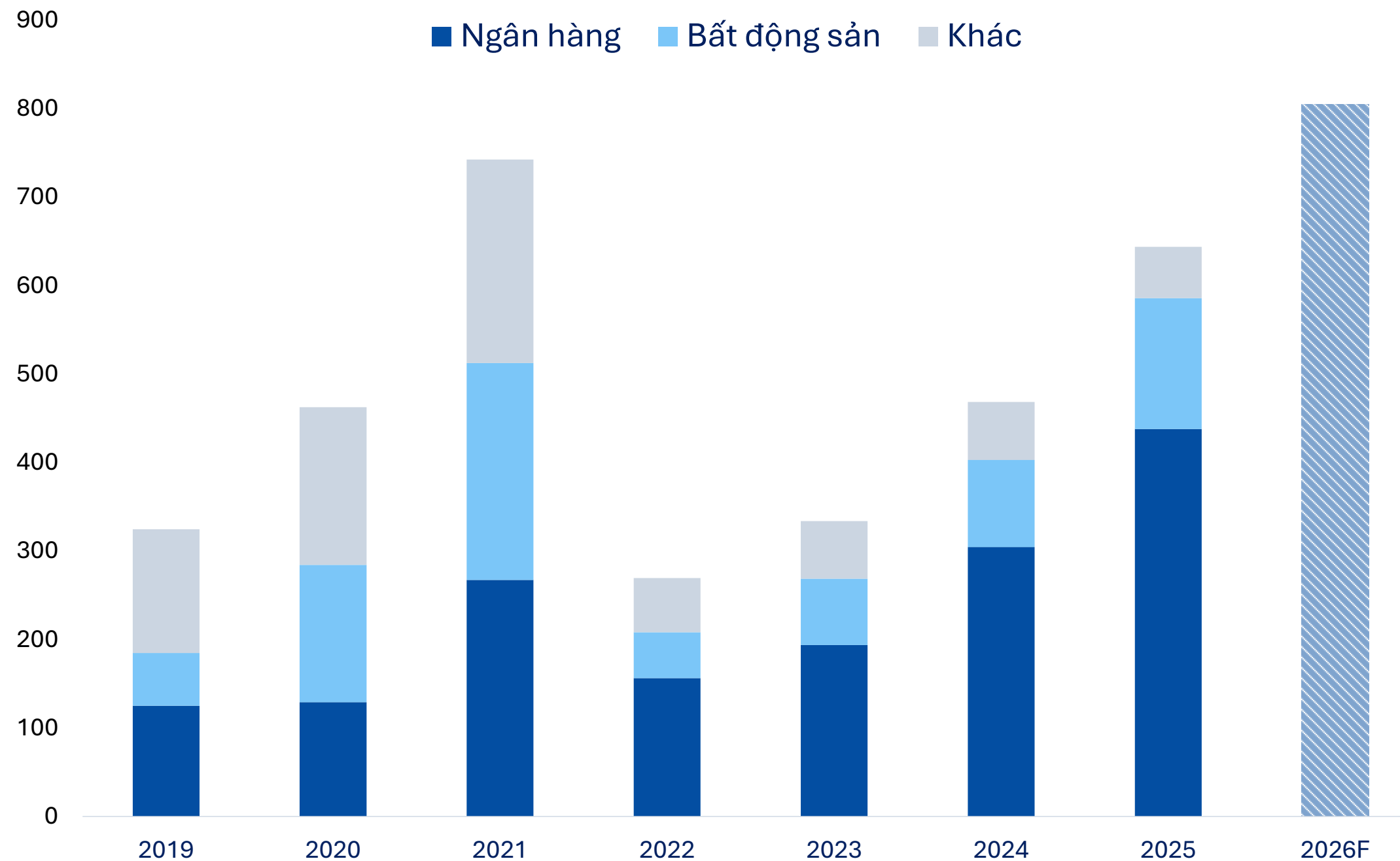
Nguồn: AsianBondsOnline

Thị trường Trái phiếu Doanh nghiệp Việt Nam: Phục hồi tăng tốc

Khung pháp lý ngày càng hoàn thiện, và nhu cầu đầu tư hạ tầng thúc đẩy đà tăng trưởng thị trường sơ cấp

Thị trường TPDN – Hoạt động phát hành

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng



Đà tăng trưởng thị trường sơ cấp được thúc đẩy bởi ba yếu tố hội tụ:

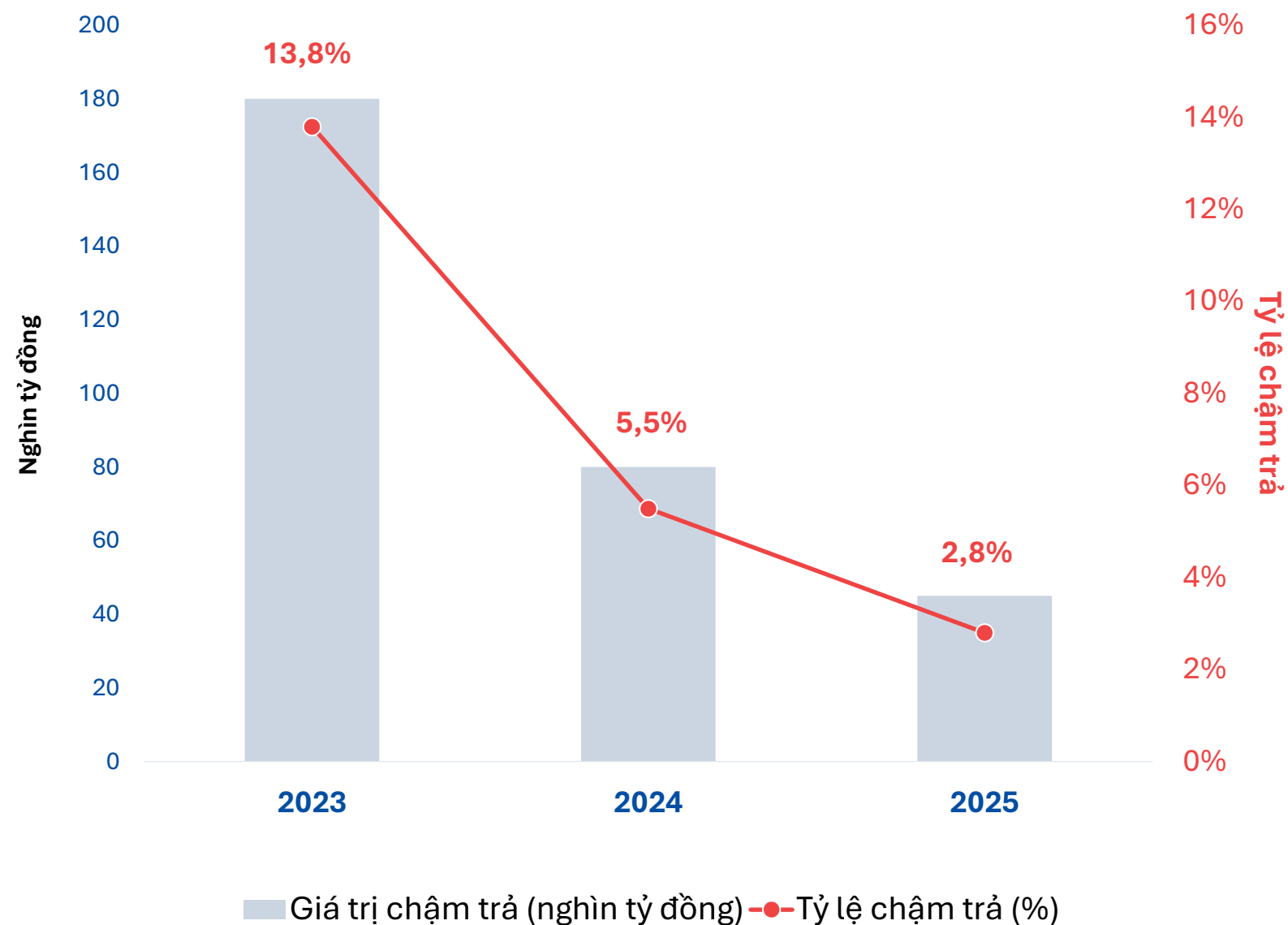
- (1) Hàng loạt cải cách tạo sự rõ ràng về pháp lý, củng cố niềm tin cho nhà đầu tư
- (2) Ngân hàng cần huy động vốn cấp 2 để đáp ứng yêu cầu về an toàn vốn
- (3) Nhu cầu tài trợ hạ tầng quy mô lớn chuyển dịch từ tín dụng ngân hàng sang thị trường TPDN do giới hạn tăng trưởng tín dụng

Nguồn: FiinRatings

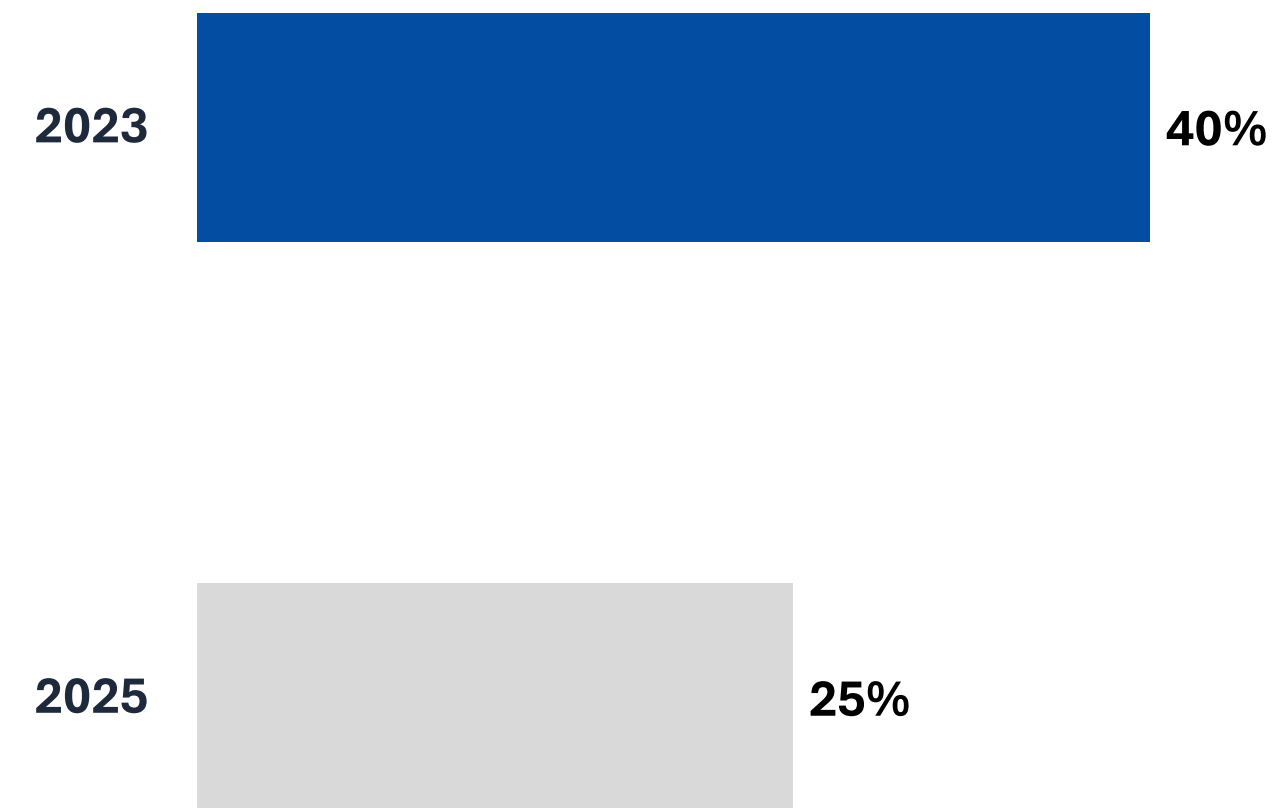
Chất lượng tín dụng đã chuyển biến cơ cấu sau giai đoạn khó khăn

Tỷ lệ chậm trả giảm và chất lượng tổ chức phát hành cải thiện cho thấy thị trường đang trưởng thành sau giai đoạn khó khăn

Tỷ lệ chậm trả phát sinh mới (*) giảm mạnh



Tỷ trọng nhà phát hành có điểm tín nhiệm dưới mức đầu tư giảm từ 40% xuống còn 25% (**)



Nguồn: FiinRatings; * Tổng giá trị trái phiếu đã được tái cơ cấu hoặc chậm trả trong năm

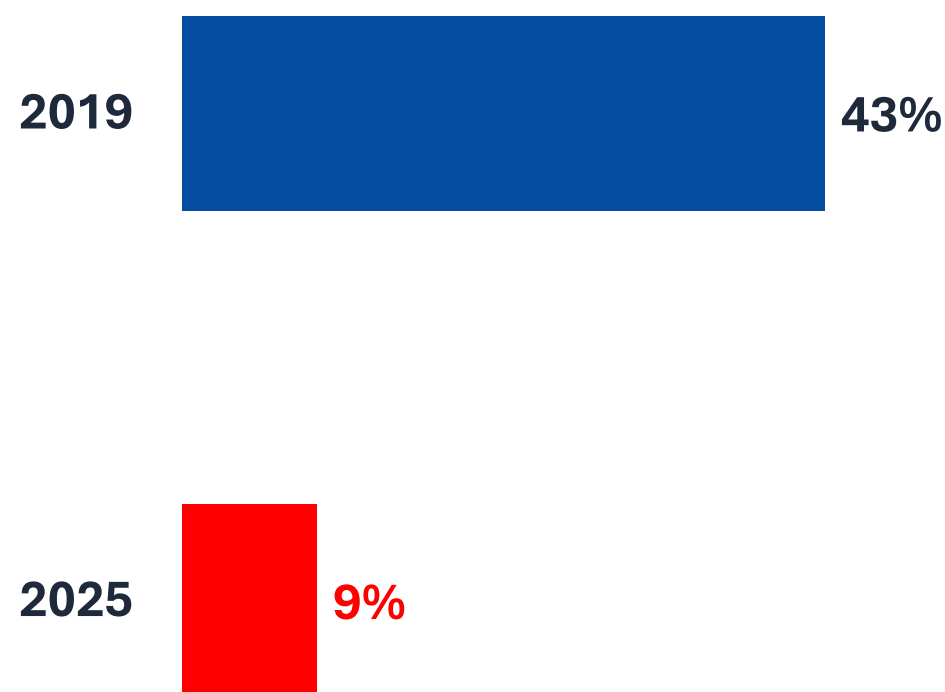
Lưu ý: **Xếp hạng tín nhiệm nêu trên là Điểm Tín nhiệm Sơ bộ, do FiinRatings đánh giá dựa hoàn toàn trên mô hình chấm điểm áp dụng cho các tổ chức phát hành tham gia phát hành trái phiếu trong giai đoạn 2023 và 2025

Nhưng những hạn chế mang tính cấu trúc vẫn tồn tại

Kỳ hạn ngắn, phát hành riêng lẻ và tập trung nhóm ngành ngân hàng bất động sản, hạn chế chiều sâu và sự đa dạng của thị trường

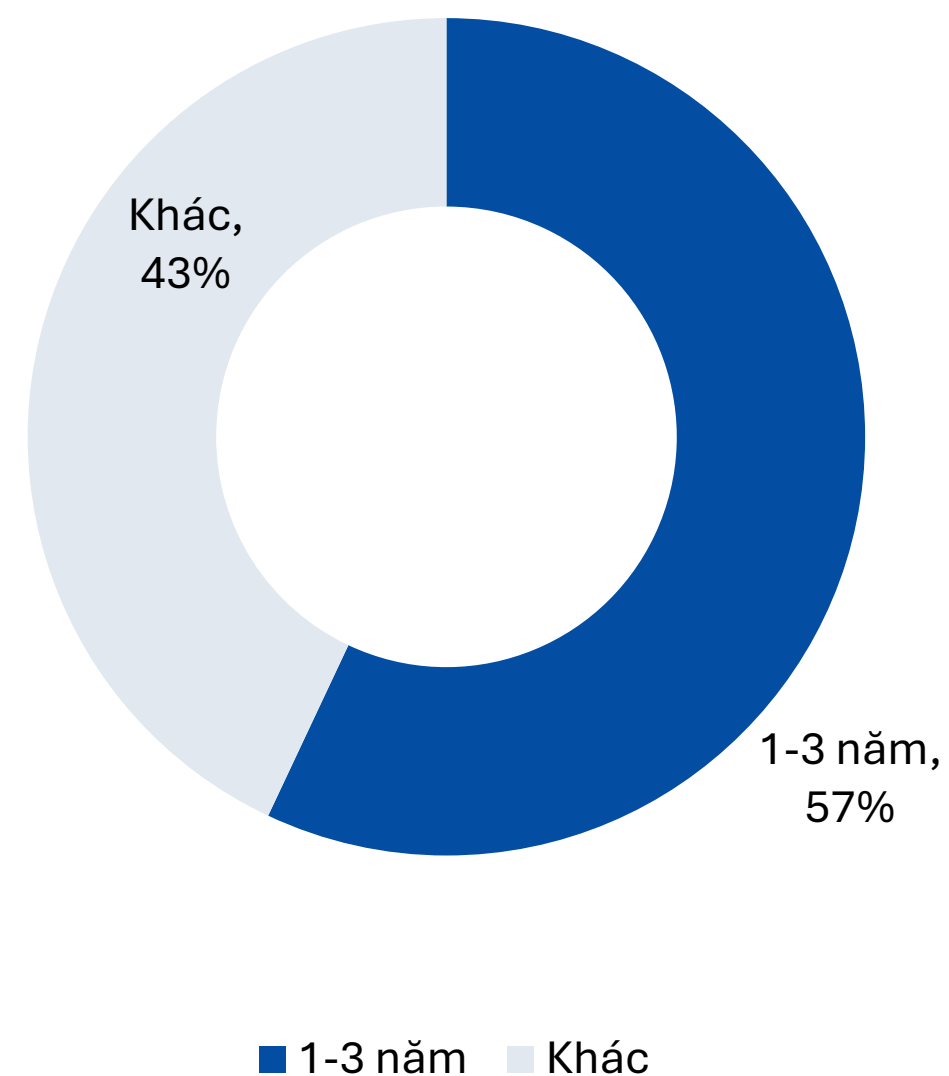
Hạn chế phát hành của nhóm Sản xuất/ Hạ tầng

9% Tỷ trọng phát hành năm 2025 (từ mức 43%)



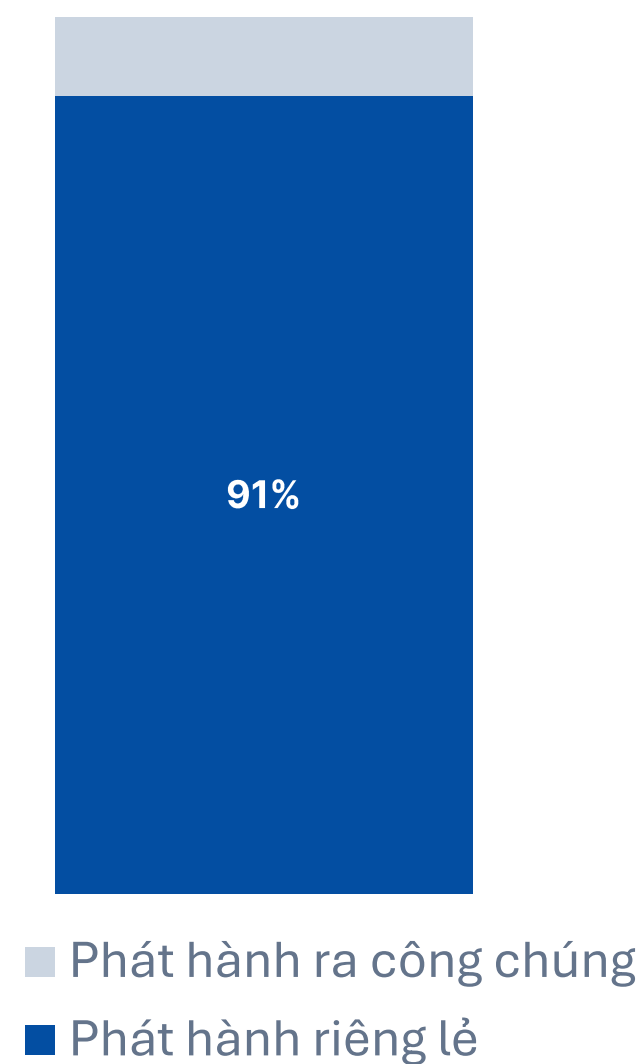
Kỳ hạn tương đối ngắn

57% Khối lượng phát hành năm 2025 có kỳ hạn 1-3 năm



Phát hành riêng lẻ chiếm ưu thế

91% Tỷ trọng phát hành năm 2025



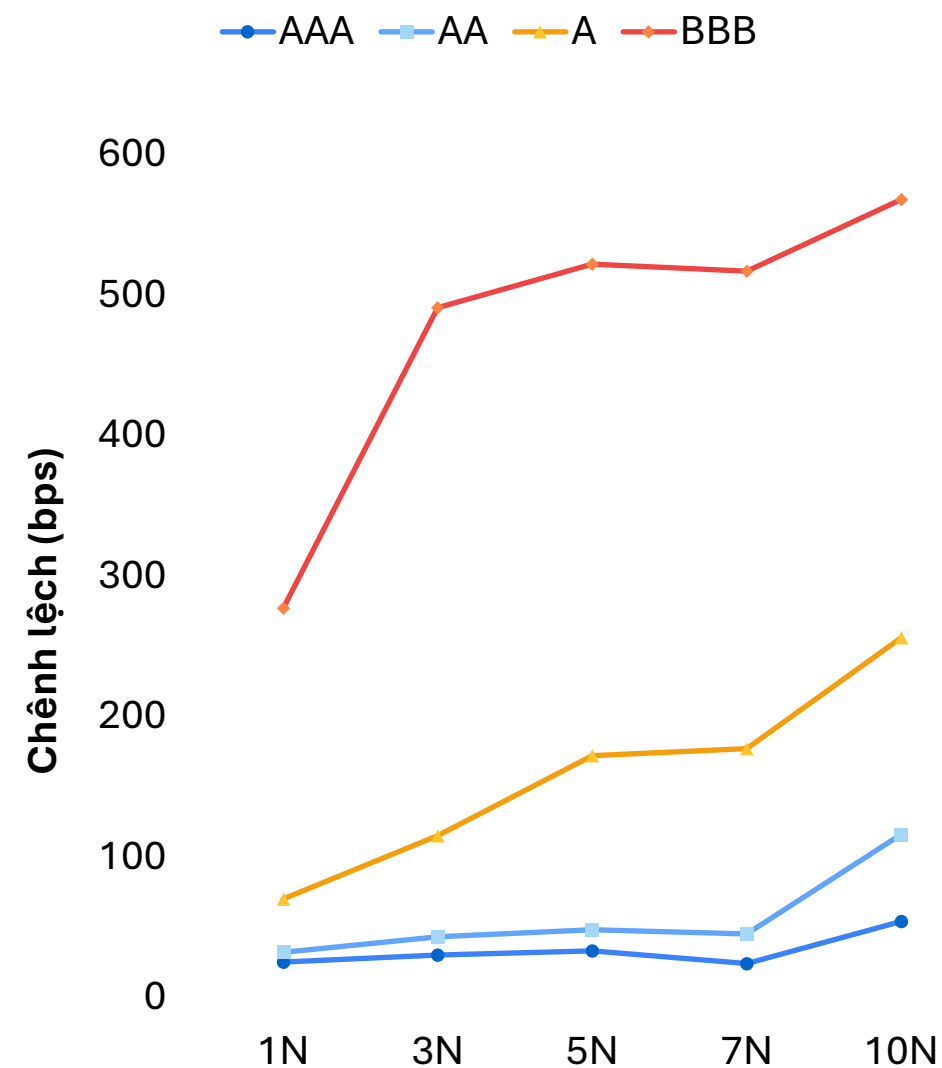
Nguồn: FiinRatings

#1 Hạ Tầng Định giá chuẩn: Khoảng trống then chốt

Cải cách pháp lý là cần thiết nhưng chưa đủ nếu thiếu hạ tầng định giá dựa trên chất lượng tín dụng và kỳ hạn

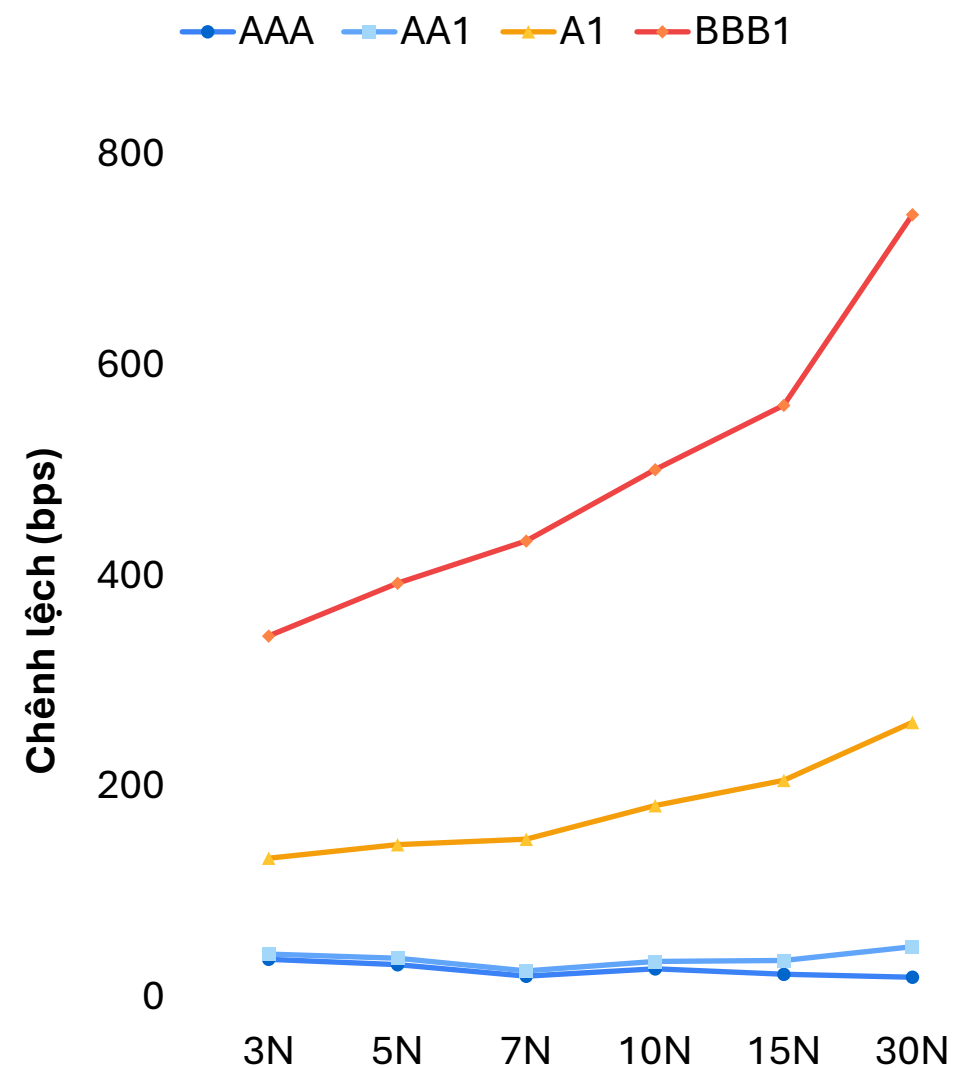
Hàn Quốc

Tổ chức Định giá: KOFIA



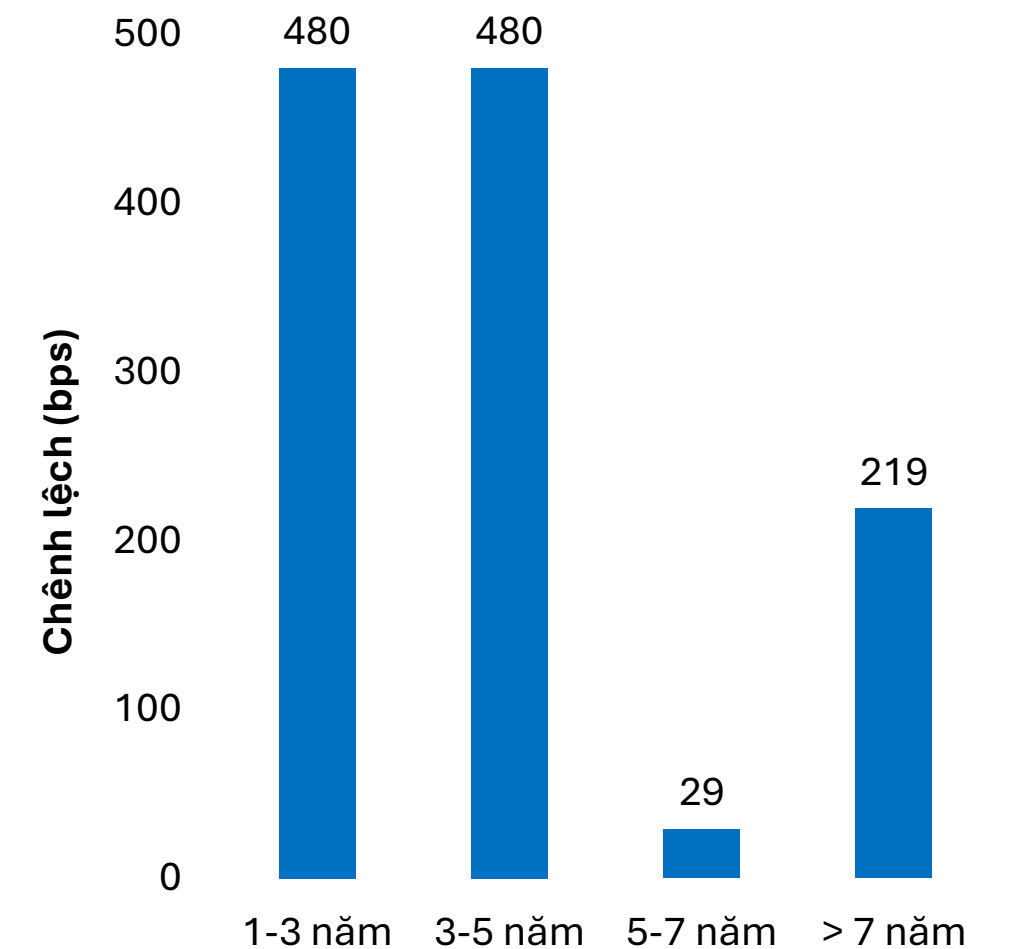
Malaysia

Tổ chức Định giá: BPAM



Việt Nam

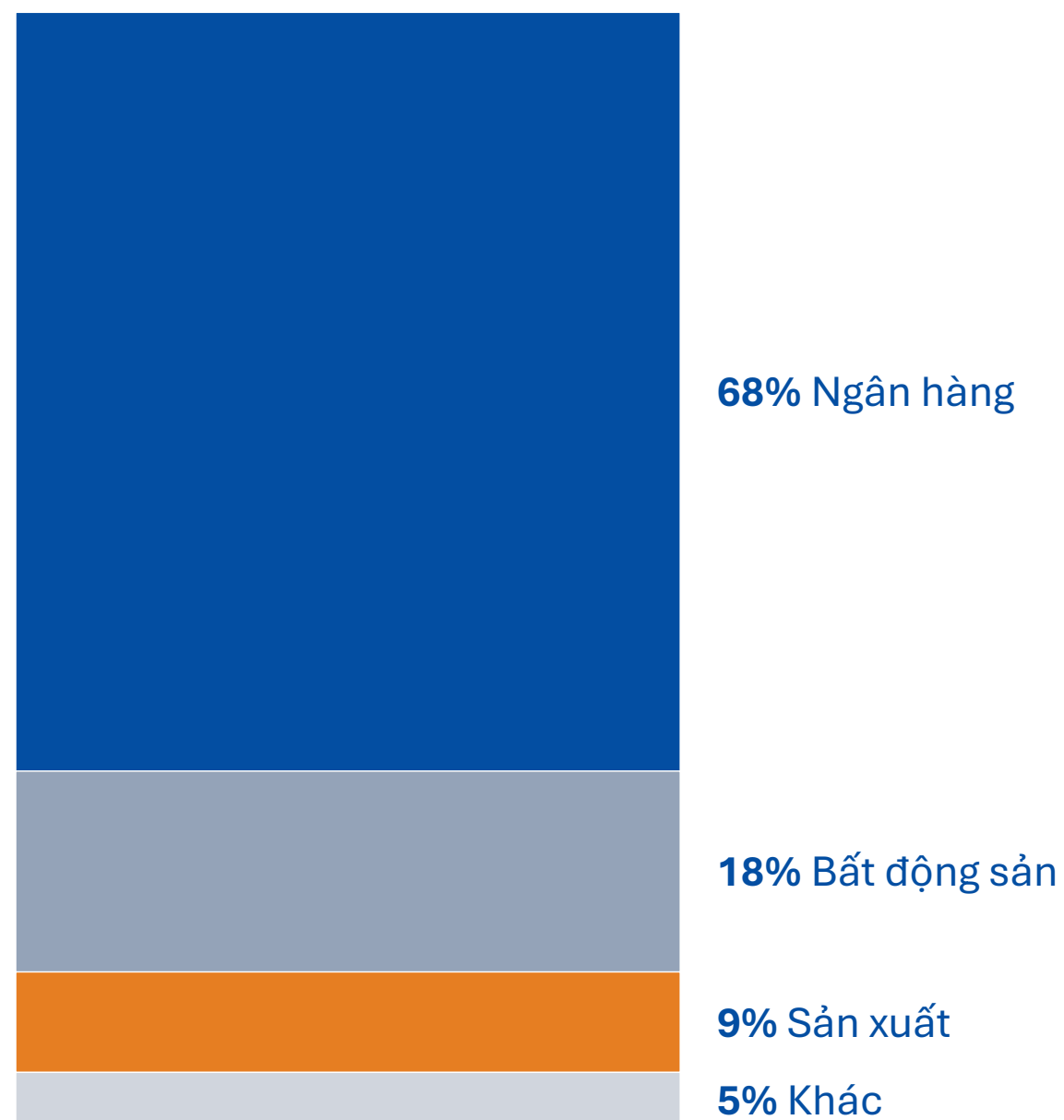
Tổ chức Định giá: Không có



Nguồn: FiinRatings; CGIF. Dữ liệu Hàn Quốc tính đến 15/07/2025; Malaysia tính đến 20/09/2024; Việt Nam tính đến 2025. Biểu đồ VN: Chênh lệch giữa lãi suất coupon bình quân của trái phiếu Ngân hàng và trái phiếu Bất động sản, hai phân khúc giao dịch có khối lượng lớn nhất trên thị trường.

Các doanh nghiệp đầu ngành vẫn e ngại phát hành trái phiếu ra công chúng do tín dụng ngân hàng và phát hành riêng lẻ vẫn nhanh và hiệu quả hơn về mặt chi phí

Cơ cấu tổ chức phát hành (2025)



Tại sao Doanh nghiệp hàng đầu khối phi ngân hàng vẫn e ngại phát hành trái phiếu?

- Tín dụng ngân hàng đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp với tốc độ giải ngân nhanh và lãi suất cạnh tranh hơn
- Thiếu hệ thống định giá chuẩn, có độ tin cậy khiến chi phí phát hành trái phiếu khó dự đoán
- Yêu cầu tài sản đảm bảo tiếp tục cản trở phát hành từ khối phi ngân hàng

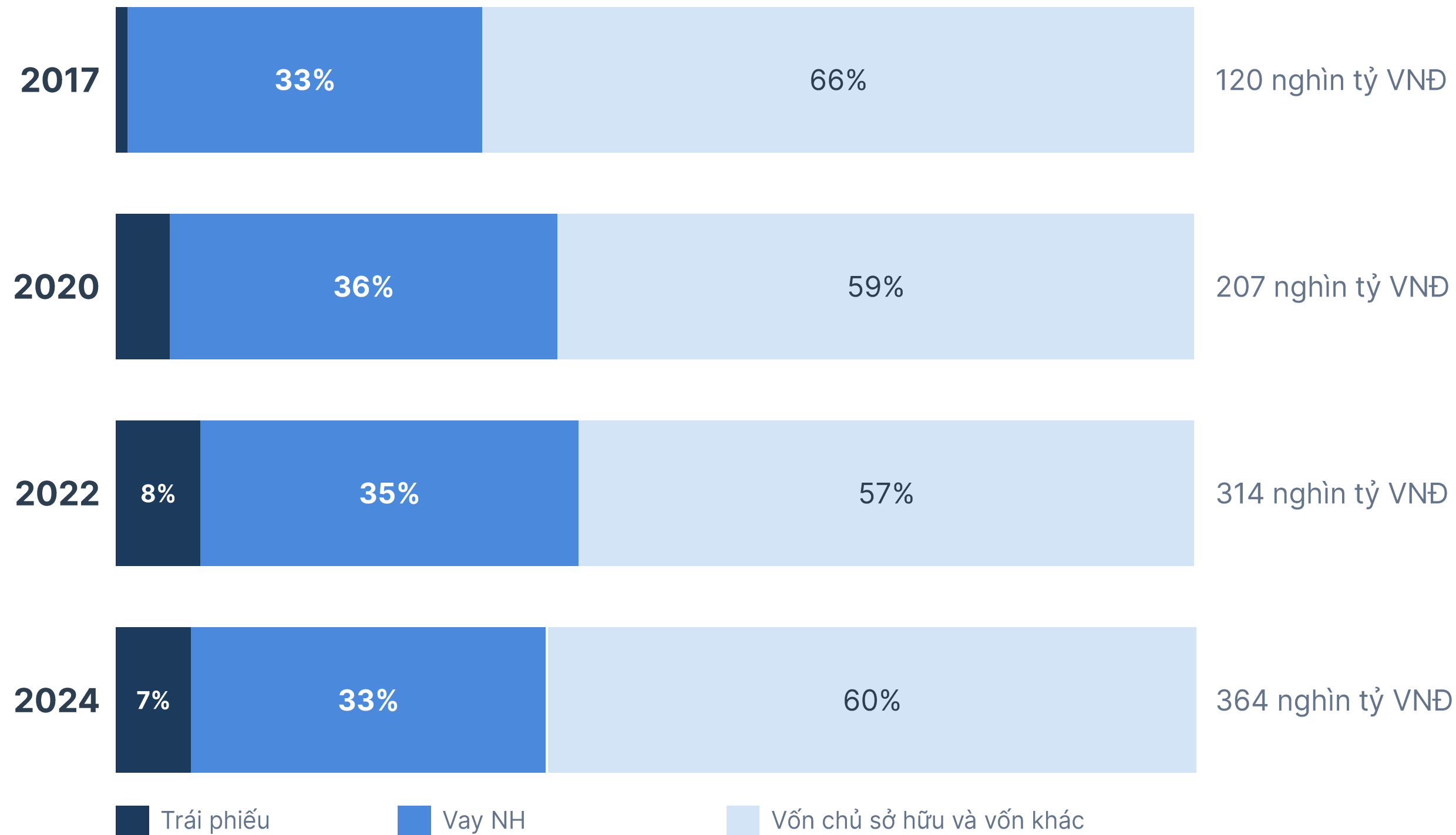
Giải quyết các rào cản này - thiết lập hệ thống định giá chuẩn, đơn giản hóa quy trình chào bán công khai, và giảm gánh nặng tài sản đảm bảo - sẽ giúp đa dạng hóa nhà phát hành, thay vì tập trung vào ngân hàng như hiện nay (68%).

Nguồn: FiinRatings

Tài trợ hạ tầng gặp nút thắt

Nhu cầu vốn tăng mạnh trong khi khả năng tiếp cận thị trường trái phiếu thu hẹp

Cơ cấu nguồn vốn của 19 doanh nghiệp hạ tầng tiêu biểu



17%

CAGR 2017-2024

Tổng Tài Sản tăng 3 lần

nhưng tỷ trọng dư nợ Trái Phiếu chỉ ở mức

1% → 7%

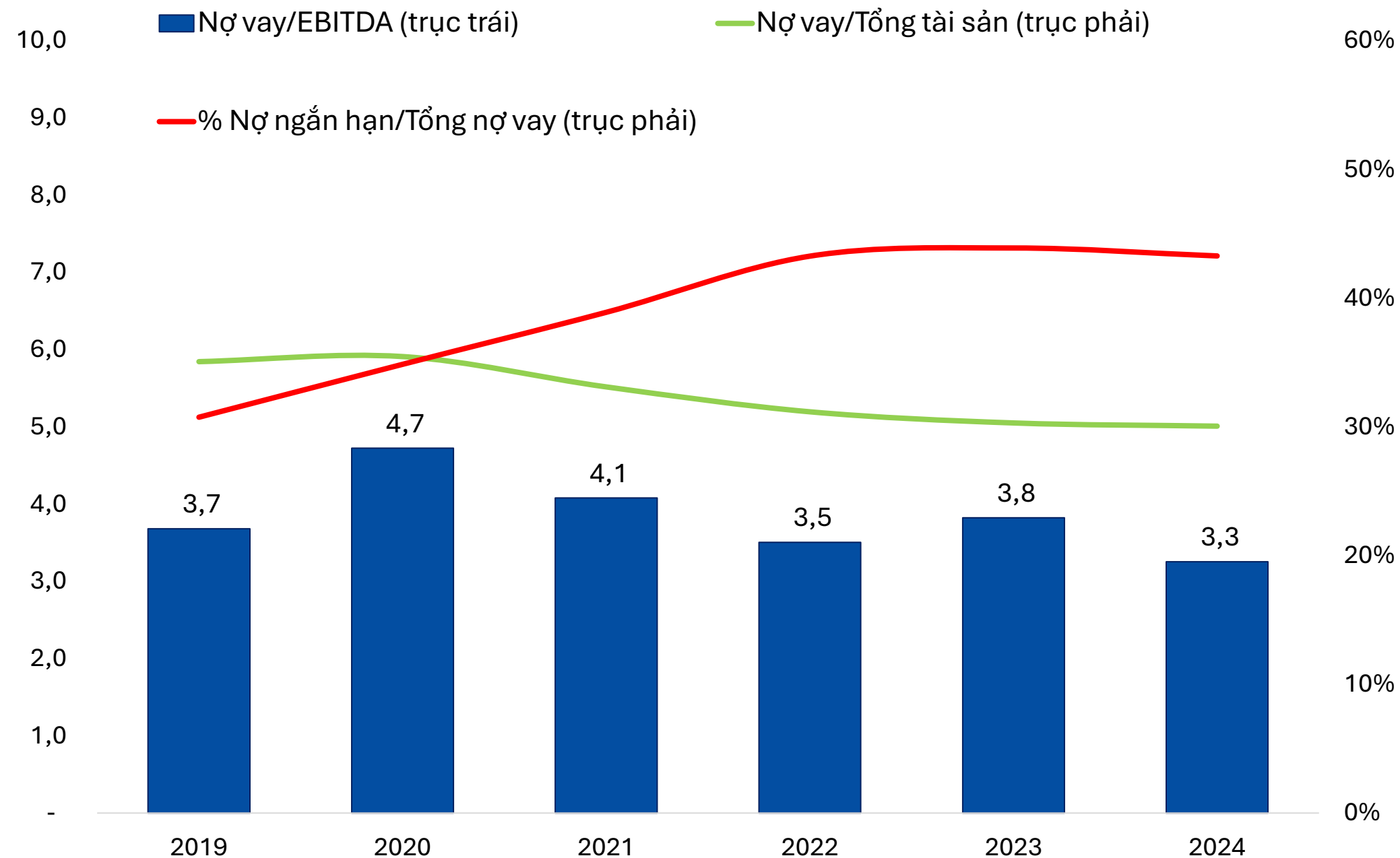
trên tổng tài sản

Nguồn: FiinRatings; Dữ liệu tổng tài sản, nợ, vay ngân hàng của 19 doanh nghiệp niêm yết hoạt động trong lĩnh vực hạ tầng và năng lượng

Nguồn cung Trái phiếu: Dư địa lớn để các DNNN dẫn dắt chu kỳ đầu tư mới

Các DNNN có thể phát huy tốt hơn vai trò vốn mồi, nhằm giảm thiểu rủi ro trong giai đoạn triển khai dự án ban đầu.

Tài sản và Cơ cấu nguồn vốn của các Doanh nghiệp Nhà nước tiêu biểu



- Luật PPP sửa đổi đang mở ra tiềm năng mới cho phát triển hạ tầng, bao gồm nâng trần tỷ lệ vốn nhà nước tham gia để đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án.
- Các DNNN hàng đầu có năng lực tài chính vững mạnh: nợ chỉ chiếm khoảng 30% tổng tài sản, với tổng tài sản vượt 215 tỷ USD, tạo dư địa dồi dào cho một chu kỳ đầu tư mới.
- Trái phiếu hạ tầng có thể kết nối vai trò chia sẻ rủi ro của Nhà nước với hiệu quả của khu vực tư nhân. Với nền tảng tài chính vững chắc và các cải cách chính sách, các DNNN hoàn toàn có đủ điều kiện để giảm phụ thuộc vào nợ ngắn hạn và mở ra kênh huy động vốn dài hạn cho hạ tầng quốc gia.

Nguồn: FiinRatings, tổng hợp từ báo cáo tài chính của 16 tập đoàn, tổng công ty nhà nước hàng đầu.

#3 Nhu cầu lớn từ Nhà đầu tư tổ chức, nhưng Rào cản và Kênh đầu tư hạn chế dòng vốn

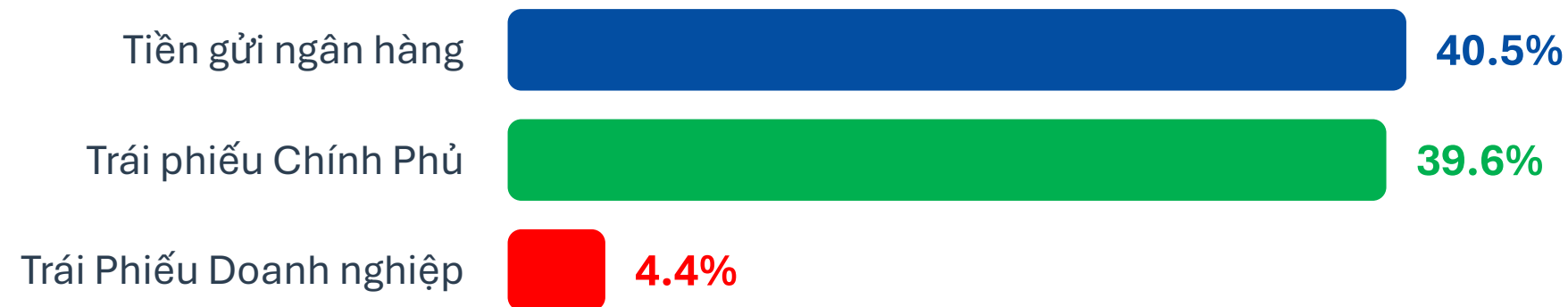
Nguồn vốn dài hạn lớn nhất vẫn chủ yếu xoay quanh các công cụ ngắn hạn do cấu trúc thị trường

Kỳ hạn trái phiếu mong muốn (Khảo sát)



> 60% công ty bảo hiểm ưu tiên kỳ hạn 7 năm+ để phù hợp với nghĩa vụ nợ

Danh mục tài sản nắm giữ của Công ty Bảo hiểm nhân thọ



Danh mục tài sản nắm giữ của Công ty Bảo hiểm phi nhân thọ



Nguồn: FiinRatings. Ghi chú: Kết quả khảo sát tổng hợp từ 10/19 công ty bảo hiểm nhân thọ đang hoạt động (chiếm 89% AUM bảo hiểm nhân thọ) và 4/32 công ty bảo hiểm phi nhân thọ đang hoạt động (chiếm 37% AUM bảo hiểm phi nhân thọ).

Ba tầng cải cách để xây dựng thị trường trái phiếu vận hành bền vững, hiệu quả

Các cải cách đồng bộ các giải pháp: tạo động lực, tăng cường tính thanh khoản, và bổ sung sản phẩm đầu tư mới

1
TẠO ĐỘNG LỰC
Kiến tạo Nền tảng

Hạ tầng Định giá chuẩn

Thiết lập đường cong lợi suất chuẩn ổn định, nhất quán để định hướng định giá tín dụng hợp lý

2
CẢI THIỆN THANH KHOẢN
Củng cố Hạ tầng

Kiến tạo thị trường Repo cho Trái Phiếu DN

Cho phép trái phiếu doanh nghiệp được xếp hạng cao làm tài sản thế chấp repo để nhà đầu tư chủ động kiểm soát thanh khoản mà không cần bán danh mục

3
SẢN PHẨM MỚI
Thúc đẩy Tăng trưởng

Quỹ trái phiếu hạ tầng

Sản phẩm được cấu trúc để thu hút nguồn vốn dài hạn của nhà đầu tư tổ chức, phù hợp với dòng tiền và vòng đời dự án

Áp dụng Hệ số rủi ro theo xếp hạng tín nhiệm nội địa

Áp dụng hệ số sử dụng vốn theo trọng số rủi ro gắn với xếp hạng tín nhiệm, khuyến khích đầu tư vào trái phiếu xếp hạng tín nhiệm cao

Bù trừ tập trung (CCP)

Mở rộng bù trừ VSDC cho trái phiếu doanh nghiệp với cơ chế netting chuẩn hóa, loại bỏ rủi ro đối tác

Hạn mức đầu tư theo xếp hạng tín nhiệm

Thay thế các ngưỡng hạn chế đầu tư chung bằng hạn mức phân bậc dựa trên xếp hạng tín nhiệm

Nguồn: FiinRatings

BIWASE Long An

Hạ tầng sản xuất nước

Kỳ hạn

10 năm

Lãi suất

5,50% cố định

Quy mô

700 tỷ VNĐ

Xếp hạng Trái Phiếu

AAA

Xếp hạng Tổ chức phát hành

BBB

Xếp hạng tín nhiệm bởi

FiinRatings

Bảo lãnh tín dụng bởi

CGIF (ADB Trust Fund)

Aqua One Ecosystem

Hạ tầng sản xuất nước

Kỳ hạn

20 năm

Lãi suất

5,75% cố định

Quy mô

1.192 tỷ VNĐ

Xếp hạng Trái Phiếu

AAA

Xếp hạng Tổ chức phát hành

BB

Xếp hạng tín nhiệm bởi

FiinRatings

Bảo lãnh tín dụng bởi

GuarantCo (PIDG)

Binh Thuan Plastics (BPG)

Sản xuất xanh

Kỳ hạn

7 năm

Lãi suất

5,85% cố định

Quy mô

260 tỷ VNĐ

Xếp hạng Trái Phiếu

AAA

Xếp hạng Tổ chức phát hành

BBB-

Xếp hạng tín nhiệm bởi

FiinRatings

Bảo lãnh tín dụng bởi

GuarantCo (PIDG)

Nguồn: FiinRatings | Xếp hạng tín nhiệm (Xếp hạng Trái phiếu & Xếp hạng Tổ chức phát hành) do FiinRatings công bố

Ghi chú: Lãi suất coupon thể hiện chưa bao gồm phí bảo lãnh tín dụng, phụ thuộc vào hồ sơ tín dụng của bên bảo lãnh và tổ chức phát hành.



Tăng cường tín dụng

Cơ chế bảo lãnh tín dụng

Bảo lãnh tín dụng từ bên thứ ba để thu hẹp khoảng cách giữa chất lượng tín dụng của tổ chức phát hành và yêu cầu của nhà đầu tư



Hồ sơ pháp lý minh bạch

Hồ sơ minh bạch

Hồ sơ pháp lý dự án đầu tư phải minh bạch, rõ ràng, kết hợp trao đổi thông tin chủ động với nhà đầu tư để xây dựng uy tín và mở rộng tiếp cận thị trường vốn



Minh bạch hồ sơ tín dụng

Xếp hạng tín nhiệm độc lập

Chủ động xin xếp hạng tín nhiệm để chứng minh uy tín, cung cấp góc nhìn độc lập về rủi ro tín dụng, hỗ trợ định giá chuẩn và củng cố niềm tin nhà đầu tư

Công bố thông tin liên tục

Cam kết báo cáo tài chính định kỳ, công bố sự kiện trọng yếu và giám sát xếp hạng để duy trì niềm tin thị trường



Diễn đàn Thị trường Trái phiếu Doanh nghiệp Việt Nam 2026

🕒 Thứ năm, Ngày 2/4/2026

📍 Hà Nội, Việt Nam

Diễn giả

Ông Lê Hồng Khang

Giám đốc Nghiên cứu & Phân tích,
FiinRatings

**Diễn đàn Thị trường Trái phiếu
Doanh nghiệp Việt Nam 2026**



Thứ Năm, ngày 2/4/2026



Hà Nội, Việt Nam

PHIÊN THẢO LUẬN

**Góc nhìn Quốc tế về xây dựng Thị trường Trái phiếu Doanh nghiệp
với chiều sâu hỗ trợ cho giai đoạn tăng trưởng tiếp theo của Việt Nam**



Khách mời

Ông Guy Deslondes

Giám đốc Toàn cầu về
Phát triển Thị trường Mới nổi,
S&P Global Ratings



Khách mời

Ông Kengo Mizuno

Chuyên gia Tư vấn Ban Thư
ký ASEAN, Viện nghiên cứu
Nomura Thái Lan



Khách mời

Ông Đỗ Việt Dũng

Cán bộ Cấp cao,
Ngân hàng Thế giới



Điều phối

Bà Nguyễn Thảo Hạnh

Trưởng bộ phận Nghiên cứu
Tín dụng, FiinRatings

Các khuyến nghị chính trong việc Cải cách Thị trường Trái phiếu Doanh nghiệp tại Việt Nam

Tọa đàm Thị trường Trái phiếu Doanh nghiệp Việt Nam 2026

Chuyên gia tư vấn Ban Thư ký ASEAN

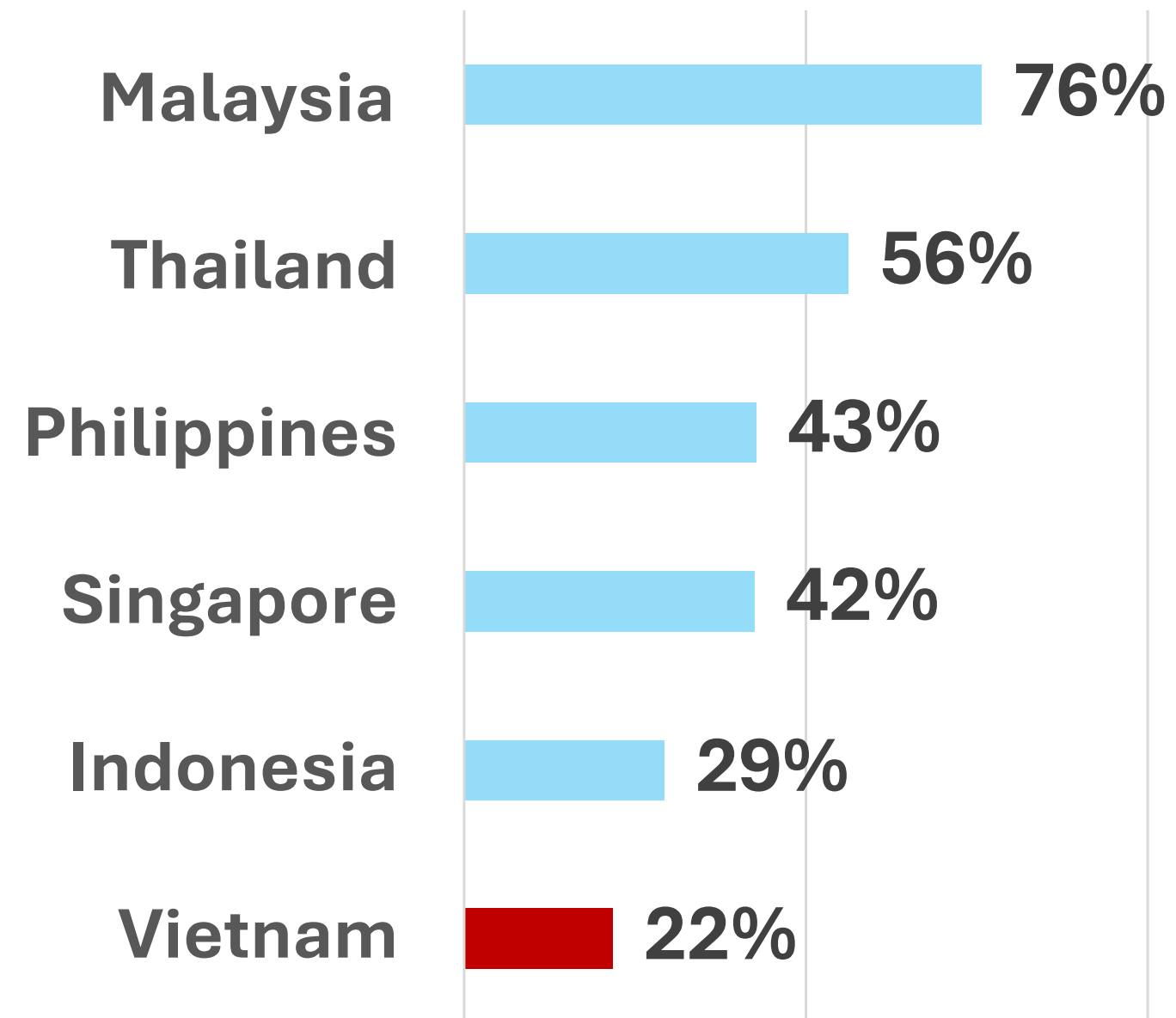
Công ty TNHH NRI Consulting & Solutions (Thái Lan)

Tháng Tư 2026

NRI Nomura Research Institute
Thailand



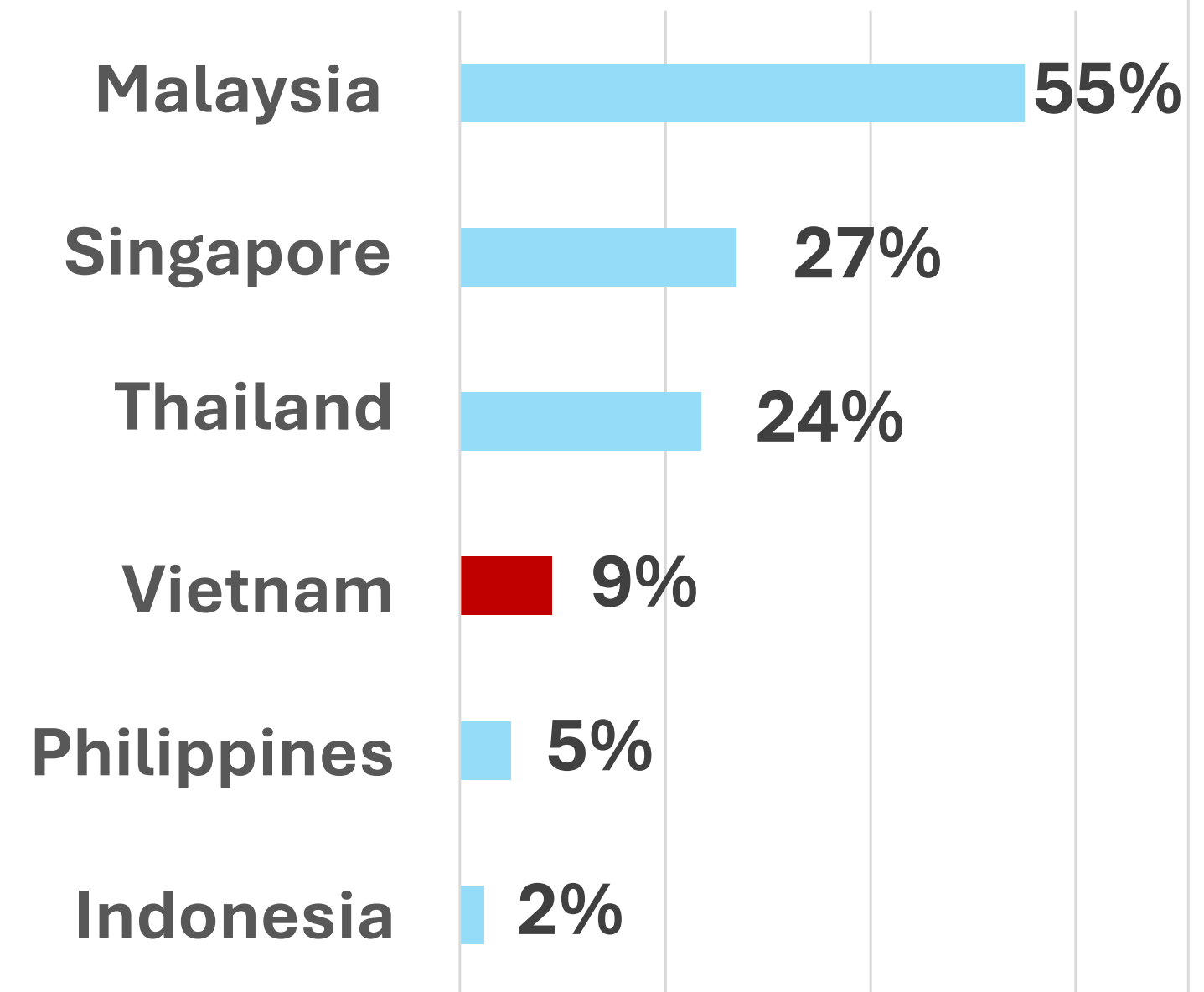
Dư nợ trái phiếu chính phủ/ GDP (Q3 2025)



Nguồn) ADB, "AsianBondsOnline"

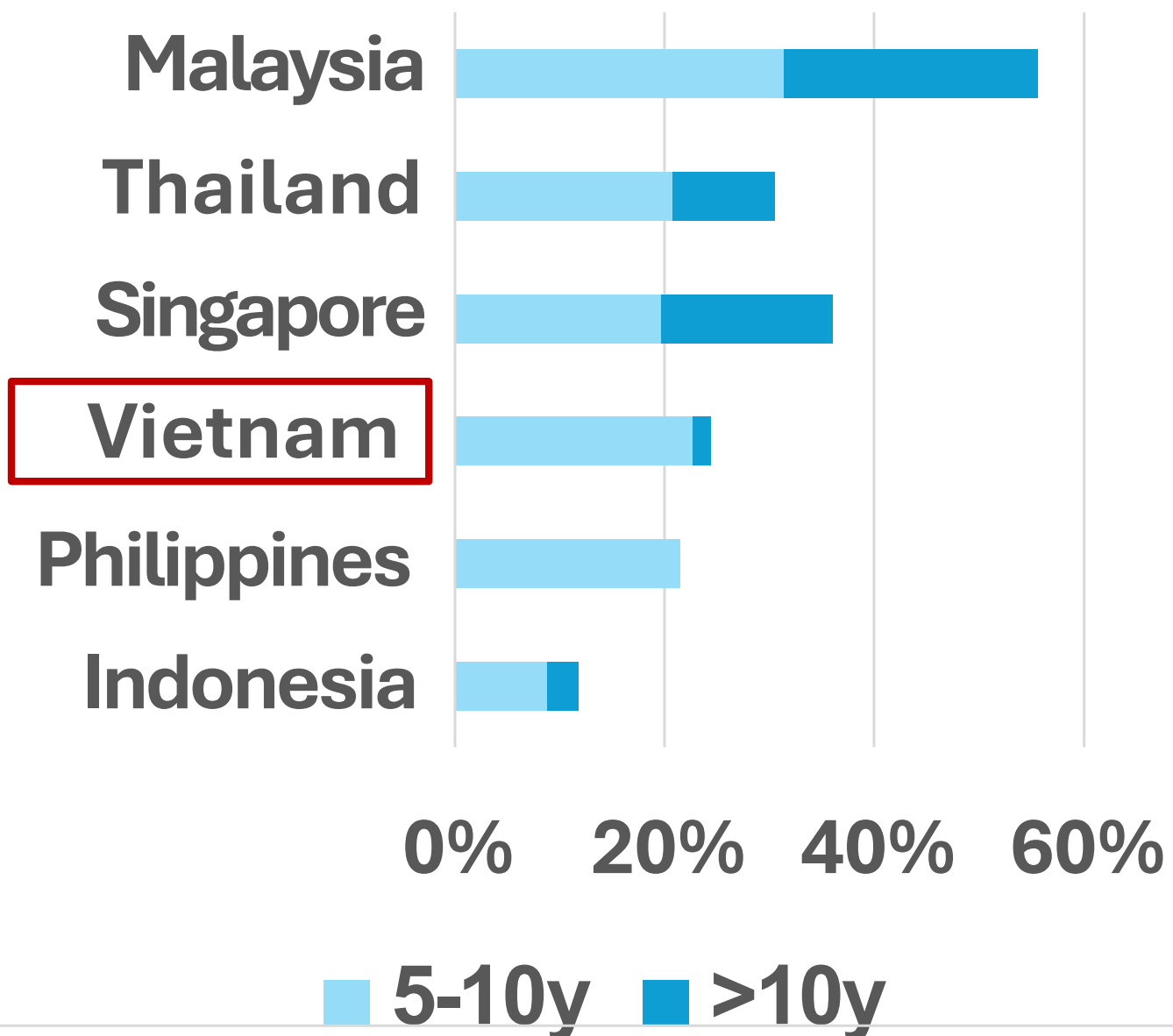
Copyright (C) Nomura Research Institute, Ltd. All rights reserved.

Dư nợ trái phiếu doanh nghiệp/ GDP(Q3 2025)



Nguồn) ADB, "AsianBondsOnline"

Kỳ hạn của dư nợ trái phiếu doanh nghiệp (Q22025)



Nguồn) ADB, "AsianBondsOnline"

Copyright (C) Nomura Research Institute, Ltd. All rights reserved.

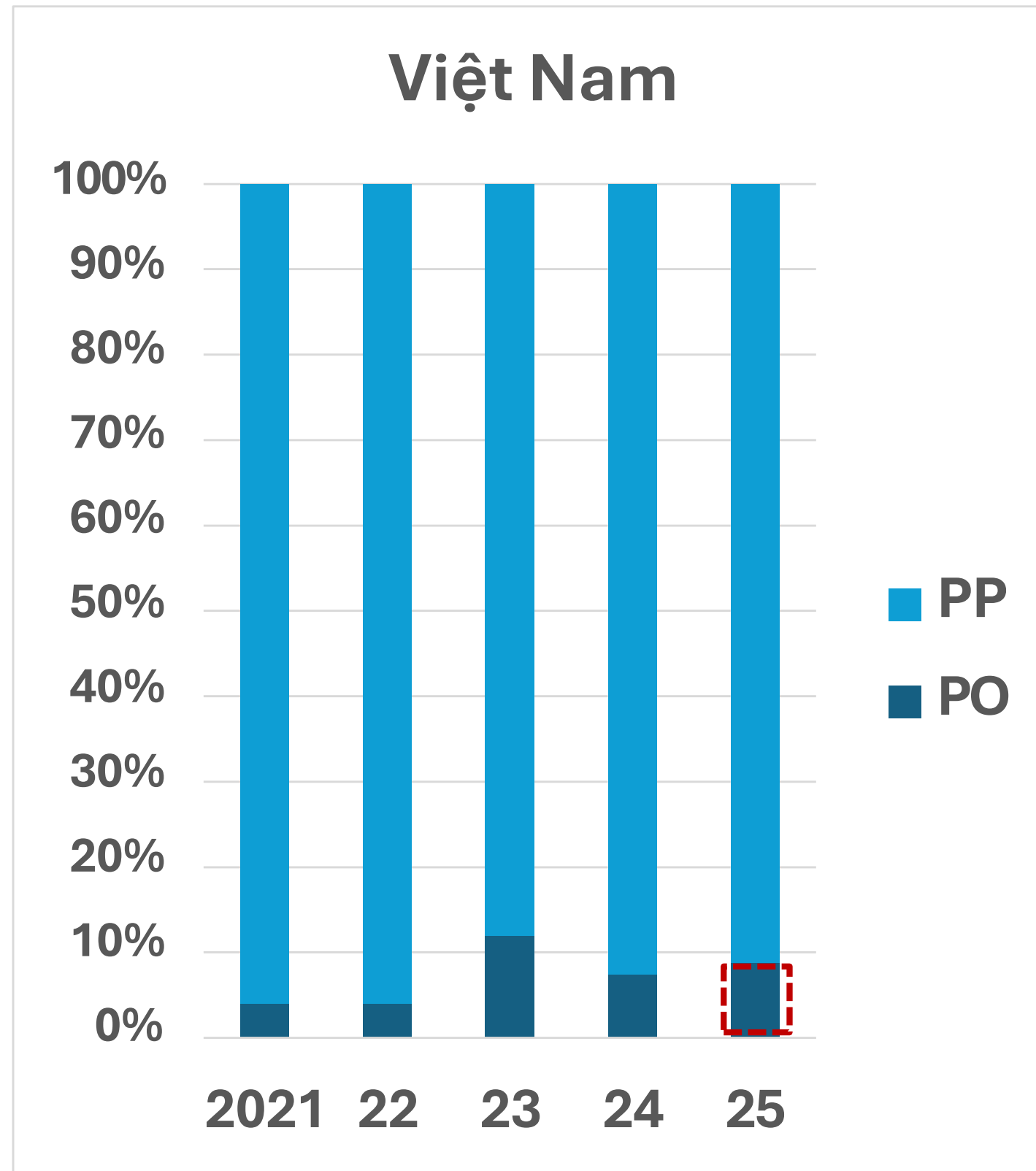
Tỷ lệ vòng quay theo quý của TPDN (Q32025)



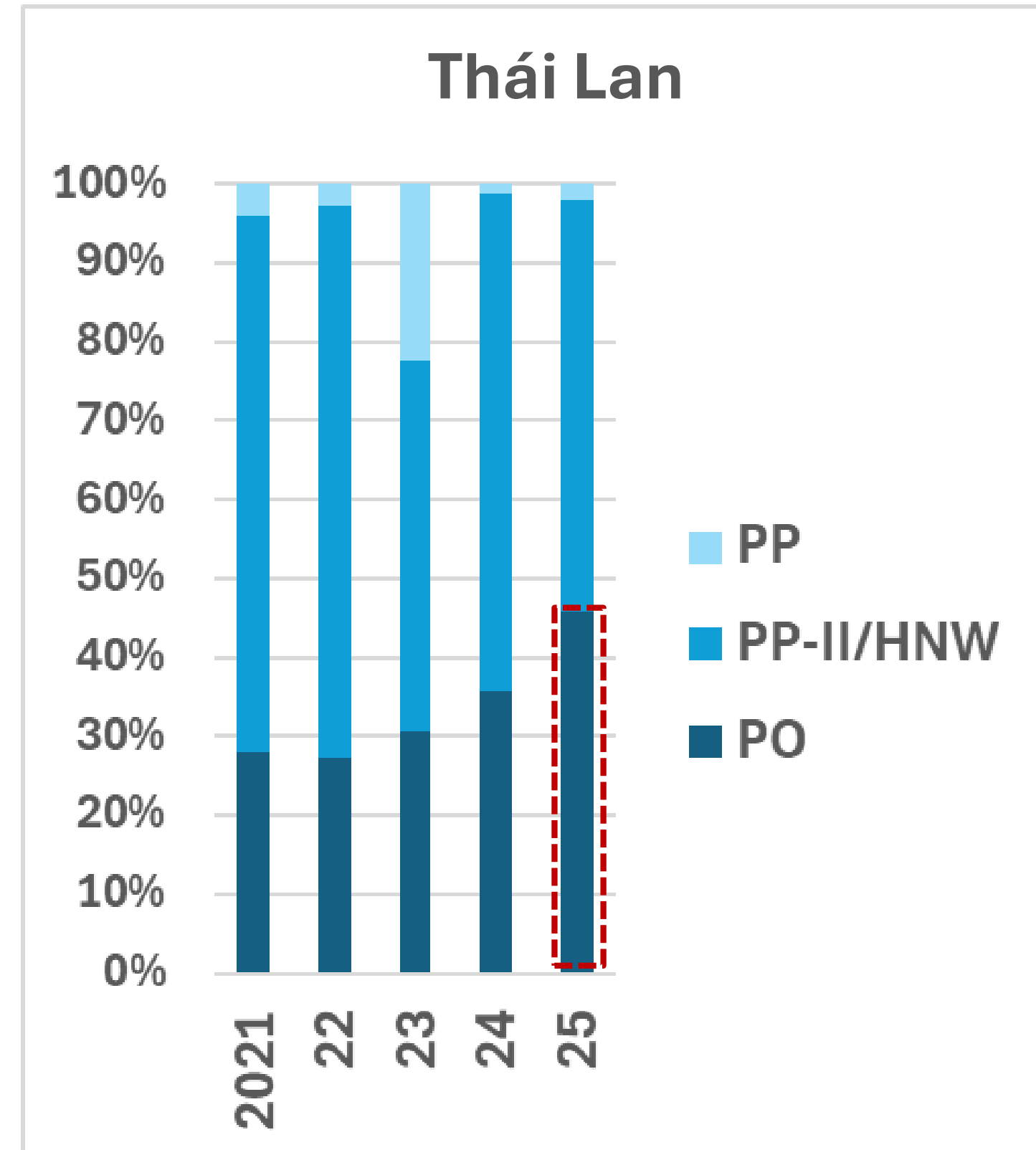
Nguồn) ADB, "AsianBondsOnline"

Phát hành ra công chúng (PO)

Phát hành riêng lẻ - PP (90%) > Phát hành ra công chúng - PO (10%) tại Việt Nam



Nguồn) HNX, VBMA



Chú thích) Trái phiếu nợ dài hạn. Nguồn) SEC, Thái Lan

1. Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước: Rút ngắn thời gian phê duyệt hoặc miễn phê duyệt đối với tổ chức phát hành PO đủ điều kiện
2. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội: Thay thế cơ chế kiểm duyệt bằng cơ chế nộp hồ sơ
 - Tổ chức phát hành đủ điều kiện là Công ty đại chúng
 - Niêm yết và/hoặc đăng ký giao dịch trên UPCoM
 - Không thuộc diện cảnh báo, hạn chế, đình chỉ giao dịch v.v bởi SGDCK TP.HCM/SDGCKHN
 - TP đủ điều kiện Trơn
 - XHTN Điểm XHTN trên ngưỡng nhất định
 - Điều khoản và Điều kiện Không sai lệch so với mẫu chuẩn của UBCKNN
 - Sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán và/hoặc Nghị định liên quan

Quy trình xét duyệt PO		Malaysia	Thái Lan
Thông thường	Thời gian	40 ngày	120 ngày
Rút gọn	Thời gian	14 ngày	- 24 ngày nếu sử dụng mẫu Điều khoản và Điều kiện - 44 ngày nếu không sử dụng
	Tổ chức phát hành	Đã phát hành hoặc bảo lãnh TP trị giá >500 triệu RM trong 5 năm gần nhất	Công ty niêm yết không có vấn đề quản trị doanh nghiệp
	Điểm XHTN	>AA-	>BBB-
	Loại trái phiếu	Trơn	Trơn

Nguồn)

Malaysia: Hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Malaysia về phát hành TPDN hoặc Sukuk cho nhà đầu tư cá nhân

Thái Lan: Thông báo số TorJor. 15/2565 của Ủy ban Chứng khoán và Giao dịch Thái Lan

No.	Nhà phát hành	Ngành	Triệu USD (% tổng giá trị phát hành)
1	Techcombank	Ngân hàng	2,005 (8%)
2	OCB	Ngân hàng	1,414 (6%)
3	ACB	Ngân hàng	1,400 (6%)
4	BIDV	Ngân hàng	1,307 (6%)
5	MB Bank	Ngân hàng	1,223 (5%)
6	VPBank	Ngân hàng	1,174 (5%)
7	Agribank	Ngân hàng	1,044 (4%)
8	Vingroup	Phát triển BĐS	950 (4%)
9	VIB	Ngân hàng	806 (3%)
10	HDBank	Ngân hàng	778 (3%)
Tổng top 10			12,100 (51%)

Ghi chú) Tỷ giá tại tháng 1/2026

Nguồn) Vietnam Investors Service

Mức độ tập trung và chất lượng của tổ chức phát hành

Top 10 nhà phát hành tại Thái Lan (2025)

No.	Nhà phát hành	Ngành	Triệu USD (% tổng giá trị phát hành)
1	True Corporation	ICT	1,860 (7%)
2	Gulf Development	Năng lượng	1,816 (7%)
3	The Siam Cement	Vật liệu xây dựng	1,210 (5%)
4	Thai Beverage	Thực phẩm & Đồ uống	1,150 (4%)
5	Muangthai Capital	Tài chính phi ngân hàng	1,098 (4%)
6	CP Aextra	Thương mại	1,098 (4%)
7	Toyota Leasing Thailand	Tài chính phi ngân hàng	917 (4%)
8	Charoen Pokphand Foods	Thực phẩm & Đồ uống	799 (3%)
9	BTS Group Holding	Vận tải	666 (3%)
10	SCB X (Siam Commercial Bank)	Ngân hàng	605 (2%)
Tổng top 10			11,219 (42%)

Ghi chú: Tỷ giá tại tháng 12/2025

Không bao gồm trái phiếu có kỳ hạn dưới 1 năm

Nguồn: Thai Bond Market Association

▪ Đa dạng hóa sản phẩm

- Trái phiếu dự án hạ tầng PPP
- Chứng khoán hóa, bao gồm quỹ cơ sở hạ tầng, REIT
- Chứng chỉ lưu ký, bao gồm NVDR

▪ Luật ủy thác

- Bao gồm Luật về Người được ủy thác, Luật Công ty ủy thác, Luật Quỹ tín thác BĐS
- Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thái Lan

▪ Tại sao cần Luật ủy thác?

- | | |
|---|---|
| • Thủ tục phá sản | So với Luật Phá sản và Luật Tái cơ cấu |
| • Tính trung lập thuế | So với Luật Thuế thu nhập DN |
| • Đăng ký Công ty phục vụ mục đích đặc biệt (Special Purpose Company) | So với Luật Doanh nghiệp, Đầu tư, Đất đai, Nhà ở và Kinh doanh bất động sản |

1. Xếp hạng tín nhiệm (XHTN)

- Bắt buộc với mọi tổ chức, bao gồm cả các tổ chức tín dụng
- Yêu cầu XHTN công cụ nợ thay vì XHTN tổ chức phát hành đối với cơ chế rút gọn quy trình

2. Thẩm định bởi chuyên gia tư vấn tài chính

- Không chỉ đóng vai trò “tư vấn hồ sơ”

3. Mẫu Điều khoản và Điều kiện

- Mẫu Điều khoản và Điều kiện do UBCKNN ban hành
- Không áp dụng quy trình rút gọn nếu sai lệch so với mẫu

Phạm vi thẩm định		Malaysia	Thái Lan	Việt Nam
Đánh giá và phân tích thông tin TCPH		✓	✓	
Xác minh không có thông tin sai lệch, gây hiểu lầm, hoặc thiếu thông tin trong hồ sơ phát hành		✓	✓	✓
Đưa ra ý kiến về	Mức độ tuân thủ của TCPH với các điều kiện phát hành liên quan	✓	✓	✓
	Căn cứ của các giả định trong dự phóng	✓	✓	
	Khác, v.d, Mục đích sử dụng, chất lượng TSDB, nếu có	✓	✓	

(Nguồn)

MY: Capital Markets and Services Act (CMSA) 2007; Malaysia Debt Capital Market Due Diligence Guide

TH: SEC Notification Concerning Granting of Approval of Financial Advisors and Their Scope of Work; SEC Notification Torjor. No. 16/2565 VN:

Decree 155/2020/ND-CP, Decree 245/2025/ND-CP

1. Các tổ chức tín dụng (Ngân hàng Nhà Nước)

- Bất kể có phải là nợ tái cấu trúc hay đầu tư vốn cổ phần

2. Các công ty bảo hiểm (Bộ Tài chính)

- Bất kể có phải là nợ tái cấu trúc

3. Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện (Bộ Tài chính)

- Không quy định nắm giữ trên 50% là trái phiếu chính phủ

4. Bảo hiểm xã hội Việt Nam (Bộ Tài chính)

- Không chỉ trái phiếu chính phủ và trái phiếu ngân hàng quốc doanh

Nhà đầu tư		Malaysia	Thái Lan
Ngân hàng		Không	Không
Công ty bảo hiểm		Không	✓ TP có XHTN từ mức Đầu tư trở lên
Quỹ bảo hiểm xã hội		Không	✓ TP có XHTN
Quỹ hưu trí tư nhân		Không	Không
Quỹ đầu tư chứng khoán	Quỹ mở	Không	Không
	Quỹ đóng	Không	Không

Nguồn)

MY: Luật Quỹ Hưu trí 2007; Luật Quỹ Lương hưu 1991; Luật Cơ quan Chính quyền Địa phương và Pháp định 1980; Kinh doanh Bảo hiểm; Hướng dẫn của Tòa án Tối cao về Quỹ Tín thác Đơn vị

MY: Luật Quỹ Dự phòng 1987; Quy định của OIC về Đầu tư của các Công ty Bảo hiểm Nhân thọ và Phi nhân thọ, Quy định về Việc Thu mua Quyền lợi của Quỹ An sinh Xã hội; Thông báo của SEC số 87/2558

Copyright (C) Nomura Research Institute, Ltd. All rights reserved.

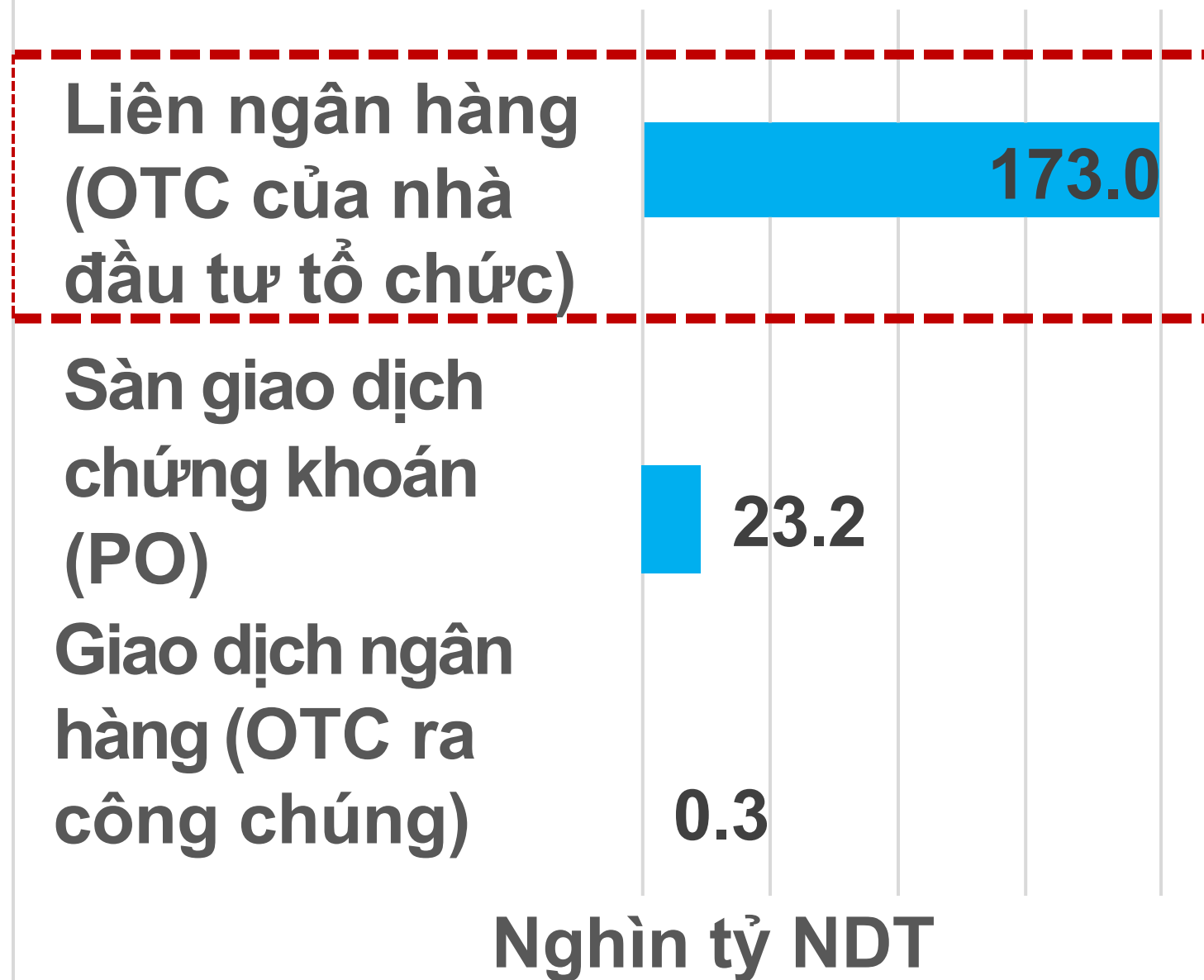
1. Giới hạn trong nhóm nhà đầu tư tổ chức

- Giới hạn điều kiện tham gia chỉ gồm nhà đầu tư tổ chức

2. Mục đích sử dụng vốn

- Không kiểm toán

Dư nợ Trái phiếu tại Trung Quốc (T11/2025)



Nguồn) Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc

Copyright (C) Nomura Research Institute, Ltd. All rights reserved.

Các nhà đầu tư đủ điều kiện trên thị trường trái phiếu liên ngân hàng

- i. Ngân hàng chính sách
- ii. Tổ chức tài chính nhận tiền gửi
- iii. Tổ chức phi ngân hàng
- iv. Quỹ
- v. Tổ chức phi tài chính
- vi. Tổ chức nước ngoài
- vii. Tài khoản chỉ định

Nguồn) Hiệp hội giao dịch liên ngân hàng Trung Quốc

Yêu cầu	Malaysia	Thái Lan	Việt Nam	
			PO	PP
Thời gian	<7 ngày sau khi phát hành	<30 ngày sau giải ngân	Mỗi 6 tháng	Mỗi 6 tháng
Kiểm toán	Không	Không	Không	Có, bởi đơn vị kiểm toán được cấp phép

Nguồn)

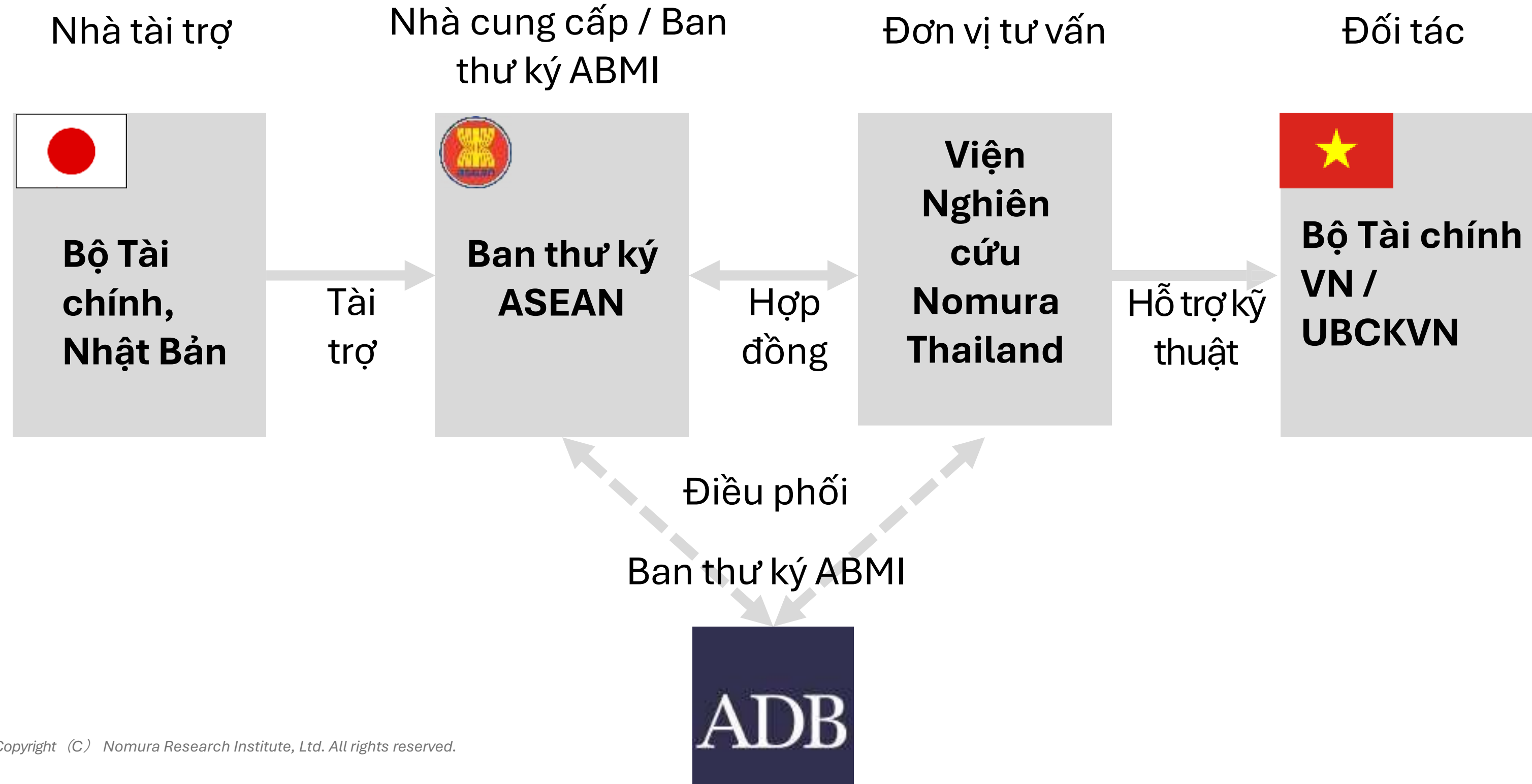
MY: Hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán về việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp hoặc Sukuk cho nhà đầu tư cá nhân; Bộ hồ sơ đăng ký: Sản phẩm thị trường vốn chưa niêm yết theo Khung đăng ký và phát hành (LOLA)

TH: Thông báo Torjor số 15/2565 và 16/2565 của SEC; Hướng dẫn của SEC về báo cáo sử dụng nguồn vốn

VN: Nghị định 155/2020/ND-CP; Nghị định 245/2025/ND-CP; Nghị định 65/2022/ND-CP

Quỹ Hỗ trợ Kỹ thuật Tài chính Nhật Bản - ASEAN

Hoạt động của JAFTA tại Việt Nam trong khuôn khổ ABMI (giai đoạn 12)



Copyright (C) Nomura Research Institute, Ltd. All rights reserved.



**Diễn đàn Thị trường Trái phiếu
Doanh nghiệp Việt Nam 2026**



Thứ Năm, ngày 2/4/2026



Hà Nội, Việt Nam

**Định hướng Chính sách
Phát triển Thị trường
Trái phiếu Doanh nghiệp**

Diễn giả

Ông Bùi Ngọc Huyền

Phó trưởng ban Quản lý Chào bán
Chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán
Nhà nưkhoánớc Việt Nam (UBCKNN)



Tầm nhìn & Mục tiêu Cốt lõi



An Toàn

Giảm thiểu rủi ro hệ thống, bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư thông qua kỷ luật thị trường



Minh Bạch

Tiêm cận thông lệ quốc tế về công bố thông tin và đánh giá tín nhiệm độc lập



Bền Vững

Kênh huy động vốn trung và dài hạn chủ lực, hỗ trợ đa dạng hóa nguồn lực kinh tế

LUẬT CHỨNG KHOÁN SỬA ĐỔI 2024, LUẬT DOANH NGHIỆP SỬA ĐỔI 2025, NGHỊ ĐỊNH SỐ 245/2025/NĐ-CP, DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỀ CHÀO BÁN TPDN RIÊNG LẺ

1
Phân luồng
Nhà đầu tư

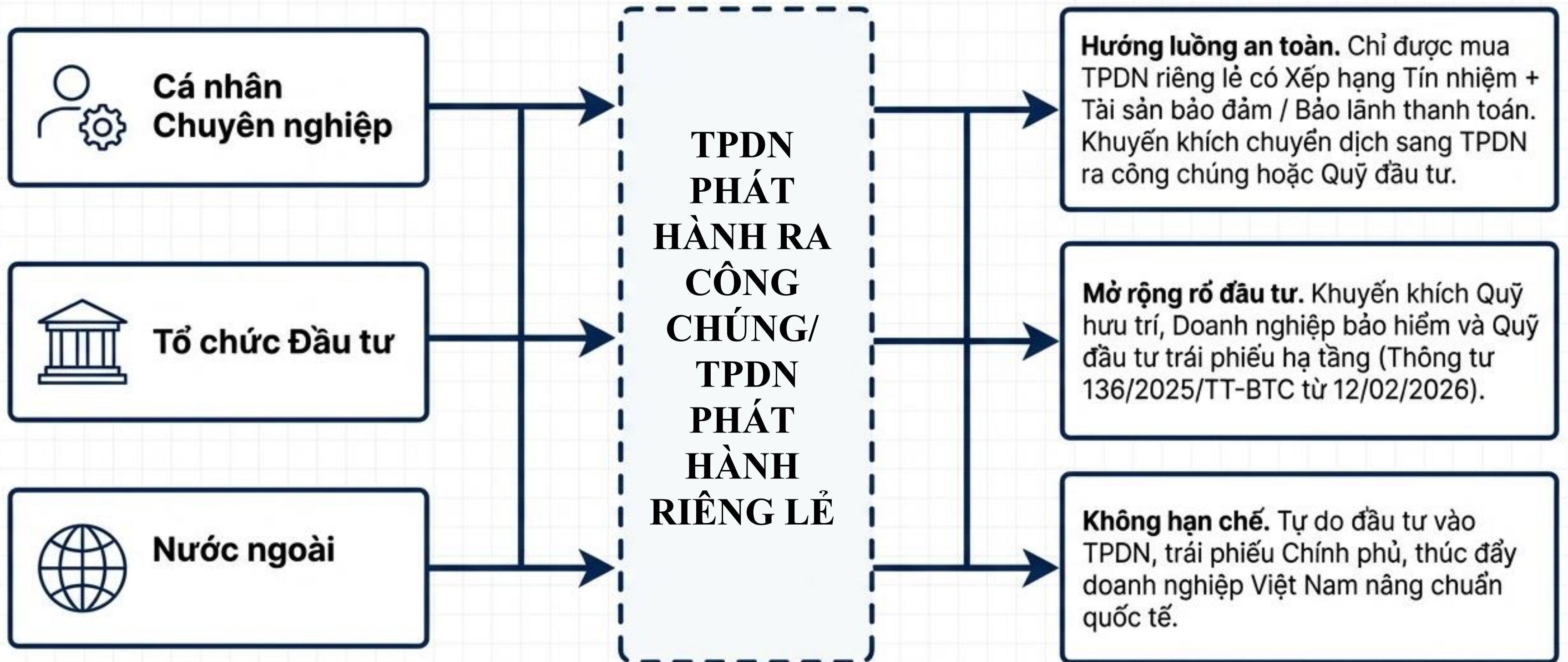
2
Đa dạng hóa
Sản phẩm

3
Nâng cao
Năng lực
Tài chính

4
Kỷ luật &
Minh bạch
Thông tin

5
Định chế
Trung gian
& Giám sát

Trụ cột 1: Phân luồng Dòng vốn Đầu tư



Trụ cột 2: Đa dạng hóa Sản phẩm Chiến lược



Trái phiếu Xanh

Khung tiêu chí môi trường rõ ràng (Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg).

UBCKNN đang hoàn thiện Nghị định phát hành trái phiếu xanh ra công chúng, thúc đẩy tài chính bền vững và chuyển đổi năng lượng.



Trái phiếu Cơ sở Hạ tầng

Xây dựng khung pháp lý riêng cho trái phiếu dự án đối tác công tư (PPP).

Mở rộng kênh huy động vốn dài hạn ngoài tín dụng ngân hàng.

Đơn giản hóa điều kiện chào bán ra công chúng bằng VNĐ cho các Tổ chức Tài chính Quốc tế (NĐ 245/2025/NĐ-CP).

Trụ cột 3: Nâng cao Năng lực Tài chính Tổ chức Phát hành

Áp dụng đồng bộ cho cả TPDN chào bán ra công chúng (NĐ 245/2025/NĐ-CP) và TPDN riêng lẻ (Luật Doanh nghiệp 2025). Bao gồm cả giá trị trái phiếu dự kiến phát hành.



Ngoại trừ:

- Doanh nghiệp Nhà nước
- Doanh nghiệp Bất động sản
- Tổ chức tín dụng
- Công ty chứng khoán
- Quản lý quỹ
- Tổ chức kinh doanh bảo hiểm

Trụ cột 4: Kỷ luật & Minh bạch Thông tin

	Phát hành ra Công chúng	Phát hành Riêng lẻ
Xếp hạng Tín nhiệm (XHTN) Bắt buộc	Bắt buộc từ 11/09/2025 (Ngoại trừ TCTD hoặc có bảo lãnh thanh toán 100%).	Bắt buộc từ 01/01/2026 (Đối với NĐT cá nhân chuyên nghiệp).
Báo cáo Sử dụng Vốn	Bắt buộc báo cáo mục đích sử dụng vốn kể cả khi không thực hiện dự án.	Phải theo dõi tài khoản nguồn vốn riêng biệt, đúng phương án công bố.
Công bố Báo cáo Tài chính (BCTC)	Áp dụng theo chuẩn mực đại chúng hiện hành.	Bắt buộc công bố BCTC năm được kiểm toán & BCTC bán niên được soát xét.

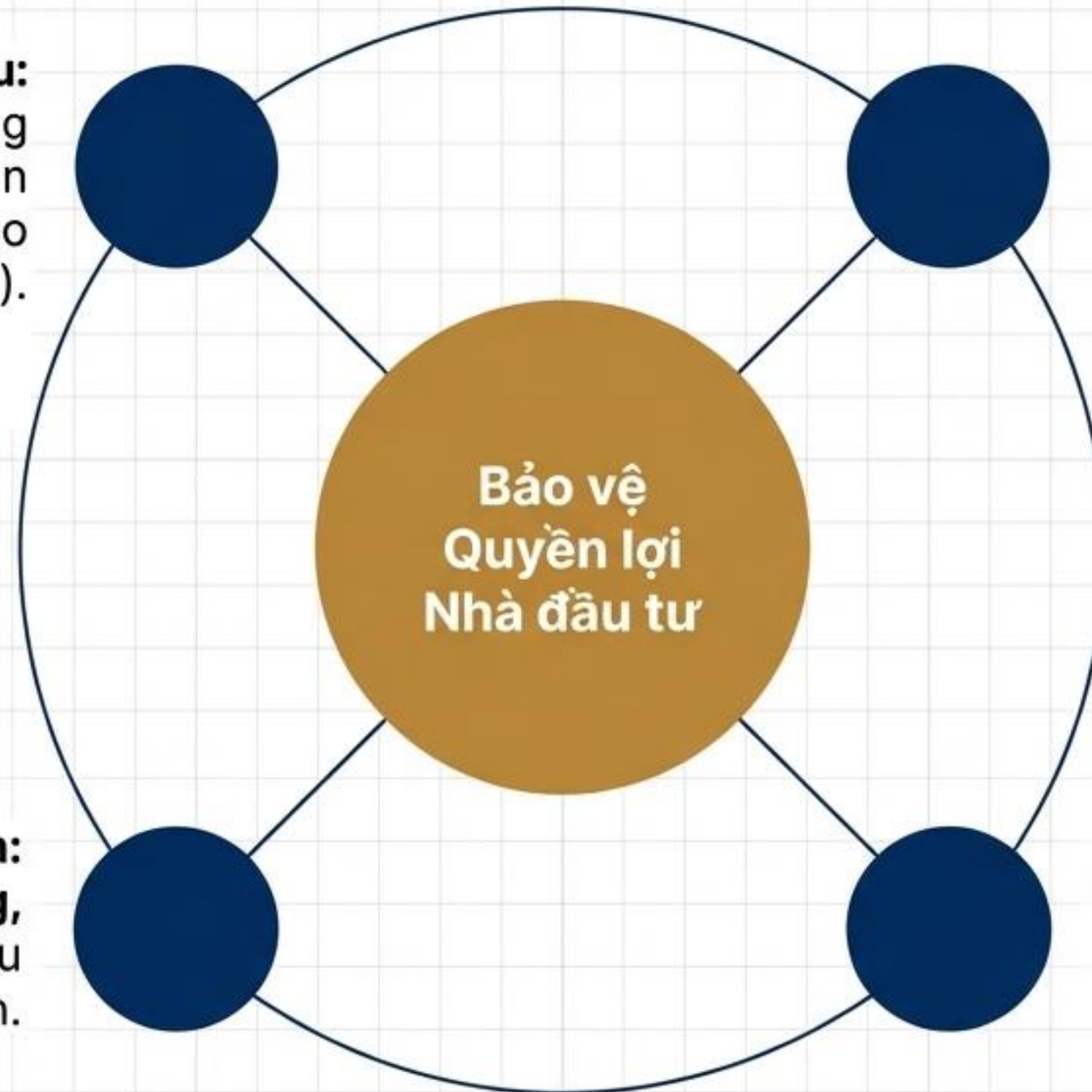
Trụ cột 5: Hệ sinh thái Tổ chức Trung gian

Đại diện Người sở hữu Trái phiếu:
Bắt buộc cho 100% TPDN ra công chúng & TPDN riêng lẻ có tài sản bảo đảm (hoặc khi chào bán cho NĐT cá nhân chuyên nghiệp).

Tổ chức Xếp hạng Tín nhiệm:
Cung cấp nền tảng định giá rủi ro theo chuẩn quốc tế độc lập.

Tổ chức Bảo lãnh Thanh toán:
Hoàn thiện cấu trúc thị trường, đặc biệt thiết yếu cho Trái phiếu PPP và Trái phiếu Xanh.

Kiểm toán & Định giá: Nâng cao chất lượng BCTC và định giá tài sản minh bạch.



Phân cấp Quản lý Giám sát TPDN Riêng lẻ

Tự phát hành & Tự chịu trách nhiệm

Doanh nghiệp chủ
động huy động vốn
dựa trên năng lực
và nhu cầu.

Ràng buộc Kỷ luật

Bởi các tổ chức trung
gian và tiêu chuẩn
minh bạch mới.

Giám sát Phân cấp

Phân định rõ thẩm
quyền quản lý dựa
trên địa bàn và đối
tượng quản lý.

Ủy ban Chứng
khoán Nhà nước

UBND Cấp tỉnh

Từ "Nền tảng Kỹ luật" đến "Động lực Tăng trưởng"



Giải pháp 1: Hoàn thiện Khung Pháp lý Đồng bộ

Thay thế Nghị định cũ

Ban hành Thông tư hướng dẫn sau khi Chính phủ ban hành Nghị định mới về TPDN riêng lẻ (thay thế ND 153/2020, 65/2022, 08/2023).

Quản lý Tài sản Đảm bảo

Chuẩn hóa quy định về trách nhiệm của tổ chức quản lý tài sản đảm bảo, nâng cao tính chuyên nghiệp cho thị trường.

Tiêu chuẩn hóa Dịch vụ

Xây dựng quy chuẩn cho tổ chức cung cấp dịch vụ định giá (đặc biệt là trái phiếu xanh, bền vững).

Giải pháp 2: Kích hoạt Lực cầu Đầu tư Tổ chức

Quỹ Hưu trí & Quỹ Đầu tư

Mở rộng hạn mức đầu tư của quỹ hưu trí tự nguyện vào TPDN có đảm bảo/niêm yết.
Phát triển mạnh Quỹ bất động sản REIT và Quỹ trái phiếu hạ tầng.

Doanh nghiệp Bảo hiểm

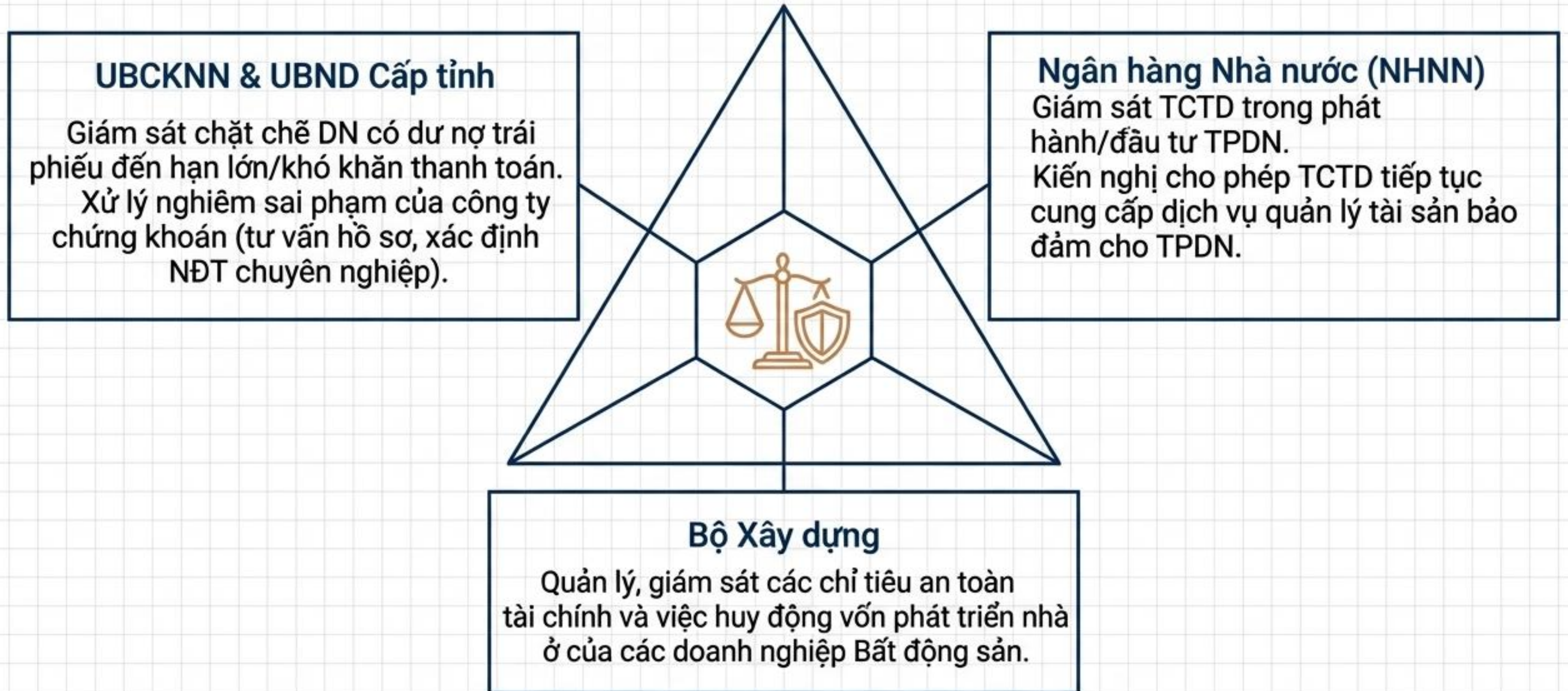
Nghiên cứu cho phép doanh nghiệp bảo hiểm mua TPDN phát hành với mục đích cơ cấu lại các khoản nợ của chính doanh nghiệp đó.

Đào tạo & Chuyên nghiệp hóa

Triển khai Đề án tuyên truyền (QĐ 722/QĐ-UBCK).
Chuyển dịch NĐT cá nhân đầu tư gián tiếp qua các định chế chuyên nghiệp (Quỹ đầu tư chứng khoán).

Thị trường Trái phiếu Doanh nghiệp

Giải pháp 3: Trách nhiệm Giám sát Liên ngành



**TẦM NHÌN 2030:
THỊ TRƯỜNG TPDN PHÁT TRIỂN**
Lành mạnh, Hiệu quả và Bền vững

- **Đồng hành phát triển giữa cơ quan quản lý, DN, NĐT**
- **Chuyển đổi số toàn diện**
- **Nâng định mức tín nhiệm quốc gia**



Diễn đàn Thị trường Trái phiếu Doanh nghiệp Việt Nam 2026

 Thứ năm, Ngày 2/4/2026

 Hà Nội, Việt Nam

Diễn giả

Ông Bùi Ngọc Huyền

Phó Trưởng ban Quản lý Chào bán
Chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Việt Nam (UBCKNN)

Diễn đàn Thị trường Trái phiếu
Doanh nghiệp Việt Nam 2026



Thứ Năm, ngày 2/4/2026



Hà Nội, Việt Nam

PHIÊN THẢO LUẬN

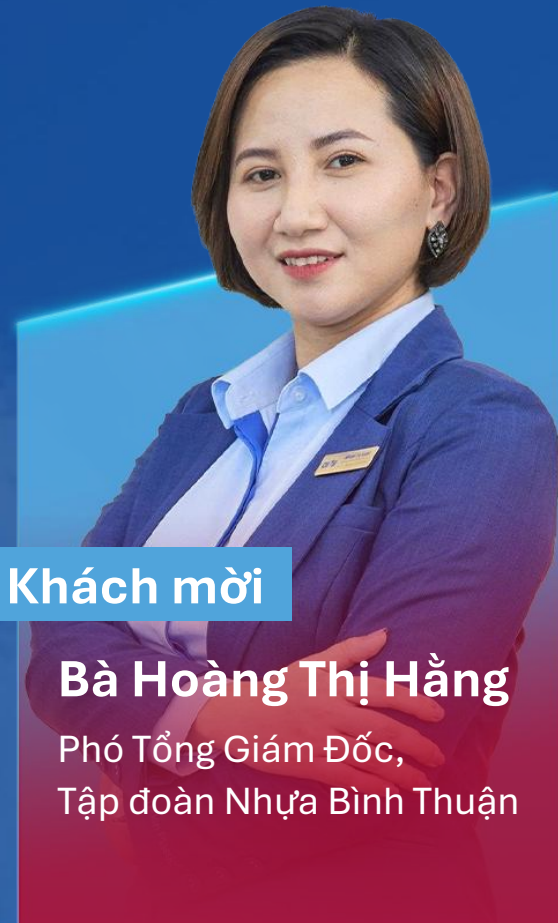
Từ Phát hành đến Đầu tư:
Củng cố Hệ sinh thái Trái phiếu Doanh nghiệp Việt Nam



Khách mời

Bà Lương Thúy Ngân

Giám đốc Khối Ngân hàng
Đầu tư, Chứng khoán
Vietcombank



Khách mời

Bà Hoàng Thị Hằng

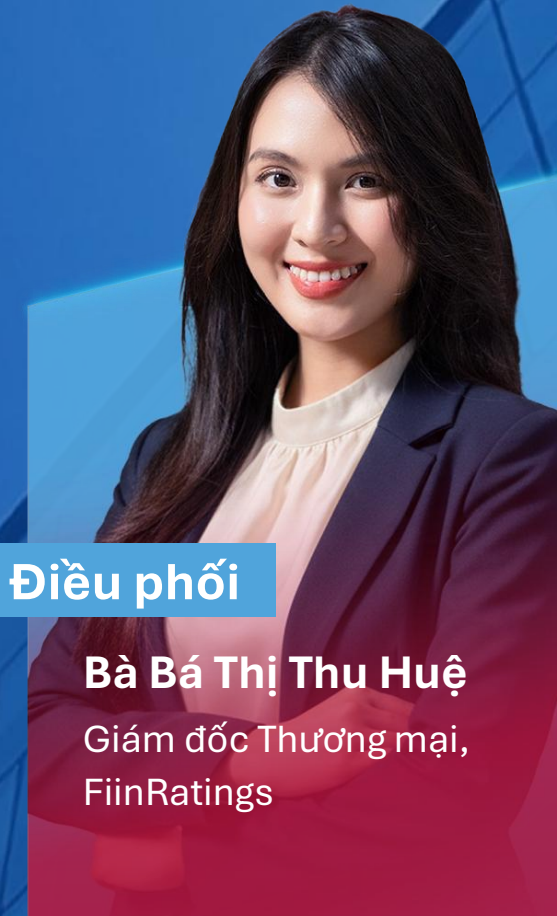
Phó Tổng Giám Đốc,
Tập đoàn Nhựa Bình Thuận



Khách mời

Bà Trịnh Quỳnh Giao

Tổng Giám đốc, Công ty
Cổ phần Quản lý quỹ PVI
(PVI AM)



Điều phối

Bà Bá Thị Thu Huệ

Giám đốc Thương mại,
FiinRatings

Diễn đàn Thị trường Trái phiếu Doanh nghiệp Việt Nam 2026

**Củng cố Niềm tin, tính Minh bạch
và phát triển Cơ sở hạ tầng
cho mục tiêu Tăng trưởng Bền vững**

Thứ Năm, ngày 2/4/2026 | Hà Nội, Việt Nam



**Diễn đàn Thị trường Trái phiếu
Doanh nghiệp Việt Nam 2026**



Thứ Năm, ngày 2/4/2026



Hà Nội, Việt Nam

**Kinh nghiệm quốc tế trong
phát triển Quỹ Đầu tư Hạ tầng
và hàm ý đối với Việt Nam**

Diễn giả

Ông Nguyễn Bá Hùng

Chuyên gia Kinh tế Quốc gia Cấp cao,
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)



Thách thức

Tài trợ hạ tầng

- Nguồn vốn công
- Tín dụng ngân hàng dành cho khối doanh nghiệp (DNNN và doanh nghiệp tư nhân)
- Tài chính dự án còn hạn chế (dựa trên dòng tiền)

Thị trường trái phiếu

- Thành phần tham gia vẫn chủ yếu là các trung gian tài chính (ngân hàng/công ty chứng khoán) và doanh nghiệp bất động sản
- Trái phiếu dự án còn hạn chế



Những trở ngại

Phía cầu

(chủ đầu tư và đơn vị vận hành)

- Khả năng vay vốn của dự án
- Tiến độ chậm trễ và chi phí phát sinh
- Thiếu các tài sản vận hành khả thi có quy mô đủ lớn

Phía thị trường

(các trung gian)

- Rào cản pháp lý
- Mức độ đa dạng của các sản phẩm đầu tư và công cụ phái sinh phục vụ quản trị rủi ro còn hạn chế
- Hệ sinh thái hỗ trợ còn hạn chế (xếp hạng tín nhiệm, tư vấn)

Phía cung

(nhà đầu tư)

- Cơ sở nhà đầu tư còn hẹp
- Năng lực và chuyên môn trong lĩnh vực hạ tầng còn hạn chế



Vì sao?

Rủi ro

- **Đường cong doanh thu hình chữ J:** chi phí tập trung ở giai đoạn đầu, trong khi dòng tiền/lợi nhuận được ghi nhận chủ yếu ở các giai đoạn sau
- **Cấu trúc rủi ro phức tạp:** rủi ro hoàn thành dự án, hiệu quả vận hành, rủi ro thị trường và doanh thu, rủi ro tài trợ vốn (lãi suất, tái cấp vốn) xuyên suốt vòng đời dài hạn của dự án

Lợi ích

- Dòng tiền ổn định trong kỳ hạn dài
- Khả năng tạo lợi suất ở quy mô lớn



Cơ hội

Nhà đầu tư

Các công cụ đầu tư/tài trợ

(quỹ vốn cổ phần, quỹ nợ, quỹ tín thác)

Vốn chủ sở hữu / Nợ
(ngân hàng, phi ngân hàng, trái phiếu)

Đơn vị phát triển/ Đơn vị vận hành
(tài sản hạ tầng)

ADB

Kinh nghiệm quốc tế (1): Quỹ đầu tư cơ sở hạ tầng ở một số quốc gia

Tính đến Năm tài chính 2023	 Mỹ	 Singapore	 Nhật Bản	 Anh	 Ấn Độ
Năm giới thiệu	1960	1999	2000	2007	2014
Số lượng InvITs/REITs đang hoạt động được niêm yết công khai*	160	38	58	49	7
Việc niêm yết có bắt buộc không?	Không	Không	Không	Có**	Có
Sự hiện diện theo ngành	Văn phòng thương mại, bất động sản bán lẻ, bất động sản công nghiệp, chăm sóc sức khỏe, khách sạn, năng lượng tái tạo, viễn thông, tài sản truyền dẫn, khí đốt tự nhiên, phân phối và mạng lưới năng lượng, mạng lưới sợi thụ động, tiện ích điện, băng thông rộng khu dân cư, dịch vụ viễn thông và cơ sở hạ tầng, đường sắt				Bất động sản thương mại, đường bộ, truyền tải điện
% tài sản tạo ra thu nhập	75%	75%	95%	75%	80%
Đòn bẩy tối đa (% giá trị tài sản)	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	REIT: 49% InvIT: 70%
Phân phối tối thiểu (% dòng tiền ròng có thể phân phối (NDCF))	90%	90%	90%	90%	90%
Vốn hóa thị trường* (tỷ USD)	1,195	67	105	66	11
% vốn hóa thị trường chứng khoán	4.7%	14.3%	2.5%	2.0%	0.3%

© 2013 CRISIL Ltd. All rights reserved.

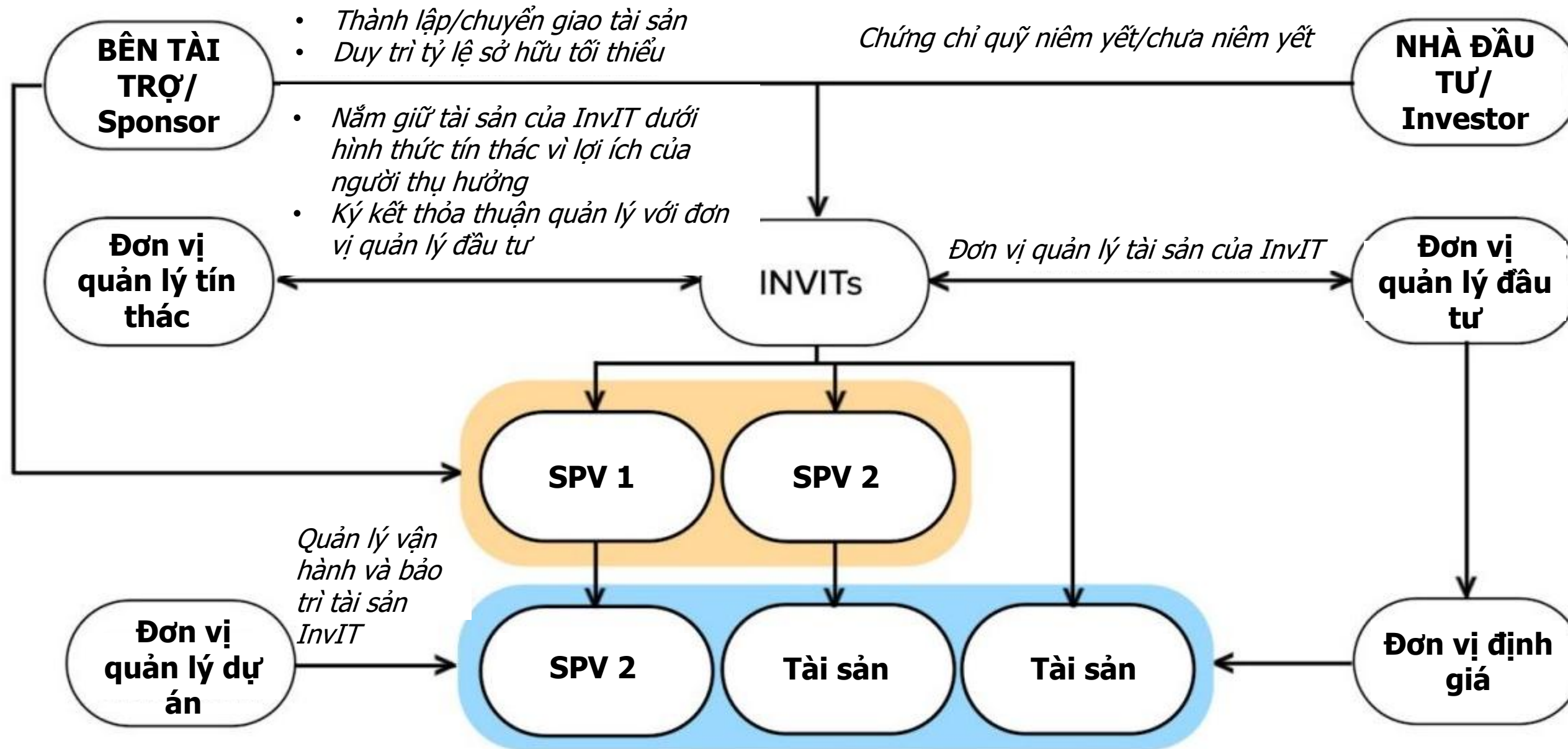
Source: S&P CapIQ as of November 2023; NAREIT
*as on September 30, 2023
**subject to certain conditions

CRISIL
Ratings

ADB

Kinh nghiệm quốc tế (2): Quỹ tín thác đầu tư hạ tầng của Ấn Độ

MÔ HÌNH CỦA MỘT QUỸ ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG (InvIT)



- Chuyển đổi dòng tiền từ các tài sản đang vận hành (trên 90%) thành các chứng chỉ/quyền lợi có thể đầu tư
- Danh mục tài sản đa dạng hóa
- Hoàn trả vốn cho các chủ đầu tư để triển khai các dự án mới
- Có tổng 12 Quỹ với quy mô vốn hóa 19,6 tỷ USD



Kinh nghiệm quốc tế (3): Chứng khoán hóa

Mô hình kinh doanh của Bayfront là mua lại và tập hợp các khoản nợ hạ tầng, đồng thời cấu trúc, thực hiện và quản lý các giao dịch chứng khoán hóa hoặc các hình thức phân phối khác tới nhà đầu tư tổ chức.

BAYFRONT INFRASTRUCTURE MANAGEMENT



Khung tiêu chuẩn đủ điều kiện

- Khung tiêu chuẩn tiếp nhận khoản vay của Bayfront quy định các tiêu chí đối với việc mua lại các khoản vay. Khung này bao gồm:
 - 1/ Tiêu chí lựa chọn khoản vay
 - 2/ Các tham số thẩm định
 - 3/ Cơ chế cam kết mua lại
 - 4/ Các bài kiểm tra chấp thuận
- Các biên bản ghi nhớ liên quan đến Khung tiêu chuẩn tiếp nhận khoản vay được ký với các ngân hàng đối tác
- Được thiết kế nhằm khuyến khích các ngân hàng gia tăng năng lực khởi tạo khoản vay nhờ niềm tin cao hơn vào cơ chế mua lại



Cơ chế tập hợp tài sản

Bayfront mua lại các khoản vay từ ngân hàng và ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của mình trong khi xây dựng danh mục khoản vay để phân phối, qua đó cho phép Bayfront:

- 1/ Tạo sự chắc chắn cho các ngân hàng rằng các khoản vay sẽ được mua lại
- 2/ Tích lũy đủ quy mô danh mục khoản vay
- 3/ Xác định thời điểm thị trường tối ưu để triển khai giao dịch phân phối
- 4/ Nằm giữ các khoản vay trong trường hợp điều kiện thị trường bất lợi



Nền tảng phân phối

- Các nền tảng phân phối được thiết lập để đóng vai trò là tổ chức phát hành chứng khoán cho nhà đầu tư tổ chức
- Đã thực hiện thành công một giao dịch thí điểm thông qua Bayfront Infrastructure Capital vào tháng 7/2018
- Các hình thức phân phối khác, ngoài chứng khoán hóa, cũng có thể được xem xét
- Bayfront cũng sẽ đầu tư vào các lớp vốn chủ sở hữu của các đợt phát hành này nhằm thể hiện sự đồng hành lợi ích với nhà đầu tư

- Nền tảng đầu tư được hỗ trợ bởi các Định chế Phát triển Đa phương (MDBs) và Chính phủ Singapore để mua lại các khoản nợ hạ tầng đáp ứng điều kiện và dự án brownfield
- Hợp tác với 21 NHTM

ADB

Kinh nghiệm quốc tế (3): Chứng khoán hóa (tiếp theo)

Tóm tắt giao dịch	
Bên bảo trợ, quản lý và đầu tư	Clifford Capital
Tổ chức phát hành	Bayfront Infrastructure Capital Pte. Ltd.
Quy mô phát hành (triệu USD)	<p>Tổng quy mô: 458,0</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhóm A (xếp hạng Aaa): 320,6 Nhóm B (xếp hạng Aa3): 72,6 Nhóm C (xếp hạng Baa3): 19,0 Trái phiếu thứ cấp, không xếp hạng: 45,8
Niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> Sở Giao dịch Chứng khoán Singapore (SGX)
<p><i>1 Xếp hạng tín nhiệm của các trái phiếu Nhóm B và Nhóm C đã được Moody's nâng lần lượt lên Aa2 và Baa2 vào ngày 21 tháng 8 năm 2019.</i></p>	

- Trái phiếu đầu tiên của một Công ty Dự án (SPV) được chứng khoán hóa và niêm yết với nhiều đợt phát hành có xếp hạng tín nhiệm cao, (chi phí vốn thấp hơn) sau khi có cơ chế hấp thụ tổn thất ban đầu ở mức 10%
- Giá trị phát hành bởi 06 Công ty Dự án vượt 2 tỷ USD vào cuối 2025



Ngụ ý cho Việt Nam (1/2)

Mô hình cũ



Phụ thuộc lớn vào nguồn vốn công và tín dụng truyền thống.

Hạn chế

Bị ràng buộc

Tạo áp lực lên ngân sách

Mô hình mới



Thiết lập quan hệ đối tác chiến lược giữa khu vực công và khu vực tư nhân, được định hướng bởi một khuôn khổ vận hành theo cơ chế thị trường.

Đa dạng hóa

Bền vững

Hợp tác

ADB

Ngụ ý cho Việt Nam (2/2)

Xem xét thí điểm các mô hình đầu tư mới:

- Các công cụ nợ trung và dài hạn có dòng tiền ổn định, đáng tin cậy (giúp mở room tín dụng NHTM)
- Cơ hội để xây dựng danh mục trái phiếu xanh
- Phát hành các sản phẩm trái phiếu được cấu trúc nhằm đồng bộ kỳ hạn
- Xếp hạng tín nhiệm kèm các cơ chế tăng cường tín dụng khi cần thiết
- Mở rộng sang kênh huy động vốn cổ phần hoặc vận hành trong tương lai

Hoàn thiện khung pháp lý hỗ trợ thị trường vốn:

- Điều kiện tham gia đối với nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư khác
- Điều kiện phát hành trái phiếu với mục đích sử dụng vốn để mua lại các tài sản tài chính (Nợ, Cổ phần) hoặc tài sản hạ tầng
- Cân nhắc chính sách tối ưu hóa về thuế
- Vận hành thị trường sơ cấp và thứ cấp





Diễn đàn Thị trường Trái phiếu Doanh nghiệp Việt Nam 2026

 Thứ năm, Ngày 2/4/2026



 Hà Nội, Việt Nam

Diễn giả

Ông Nguyễn Bá Hùng

Chuyên gia Kinh tế Quốc gia Cấp cao,
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)

Diễn đàn Thị trường Trái phiếu
Doanh nghiệp Việt Nam 2026

 Thứ Năm, ngày 2/4/2026
 Hà Nội, Việt Nam

PHIÊN THẢO LUẬN

**Trái phiếu Xanh: Chi phí, lợi ích và vai trò đối với tương lai
phát triển của Việt Nam**

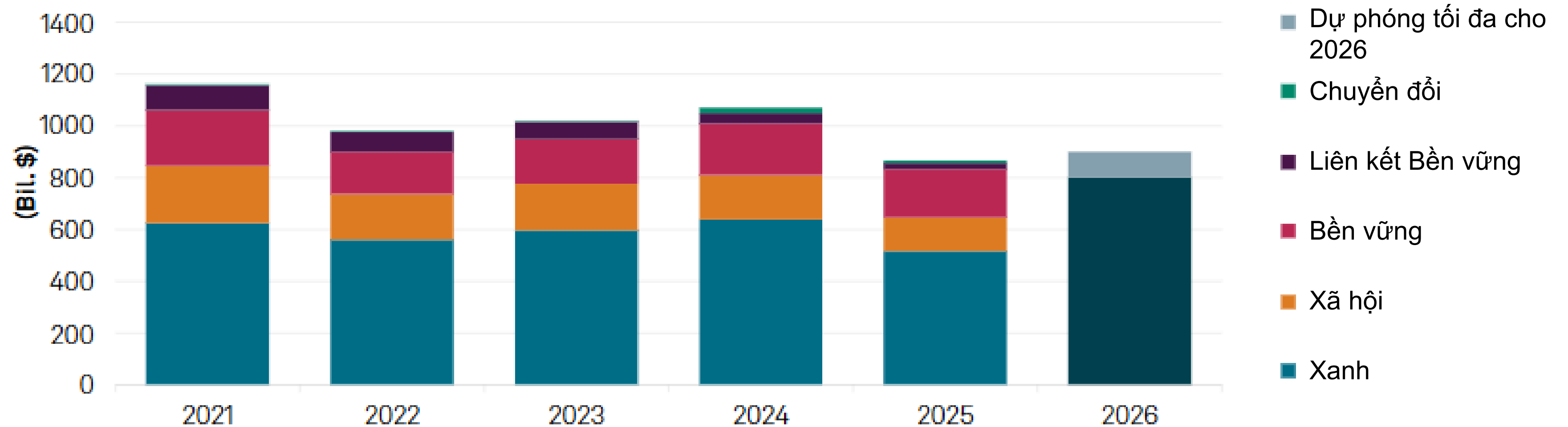


Nội dung

- 01** | Bức tranh thị trường
- 02** | Lợi thế cạnh tranh
- 03** | Lĩnh vực trọng tâm
- 04** | Triển vọng

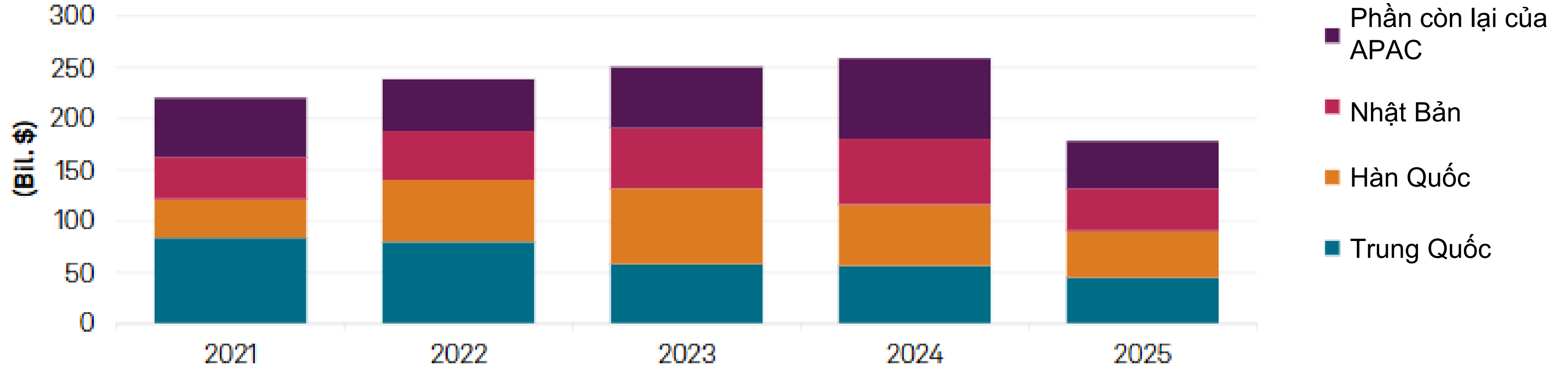


Phát hành trái phiếu bền vững toàn cầu dự kiến đi ngang trong năm 2026



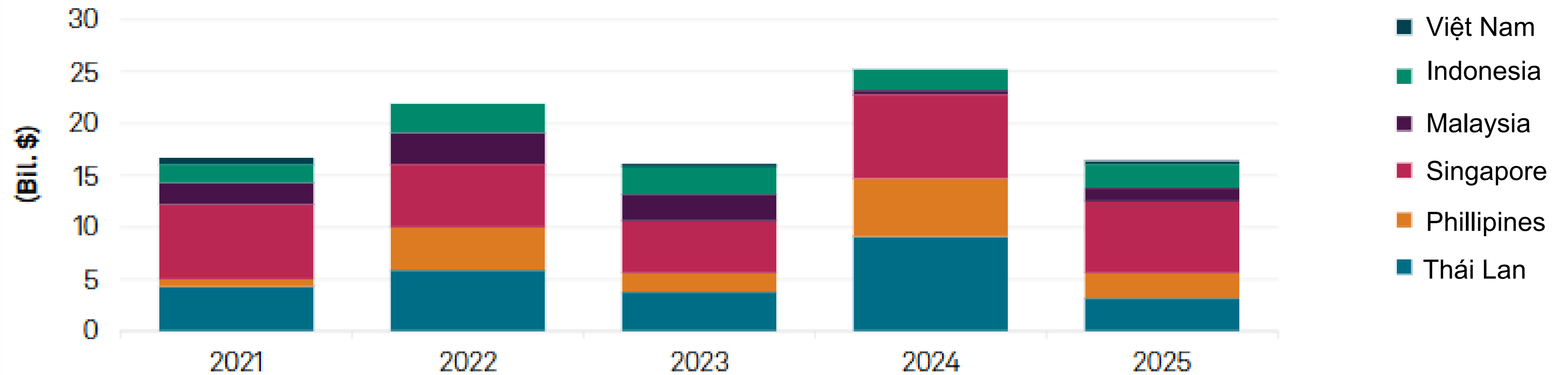
Nguồn: Environmental Finance Bond Database, S&P Global Ratings

Phát hành trái phiếu tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (APAC) bám sát xu hướng toàn cầu, với Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản chiếm ba phần tư tổng lượng phát hành trong khu vực



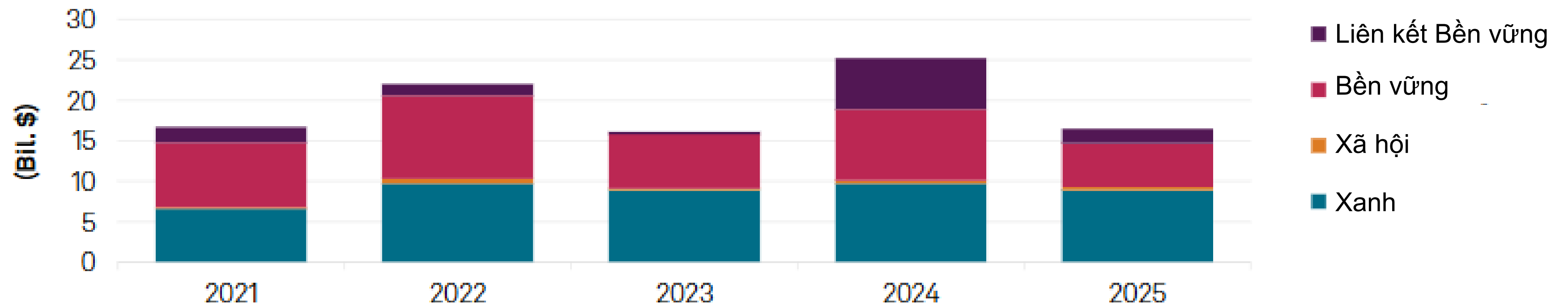
Nguồn: Environmental Finance Bond Database, S&P Global Ratings

Phát hành tại Đông Nam Á tập trung ở một số khu vực nhất định



Nguồn: Environmental Finance Bond Database, S&P Global Ratings

Hoạt động đầu tư xanh đã thúc đẩy khối lượng phát hành tại Đông Nam Á

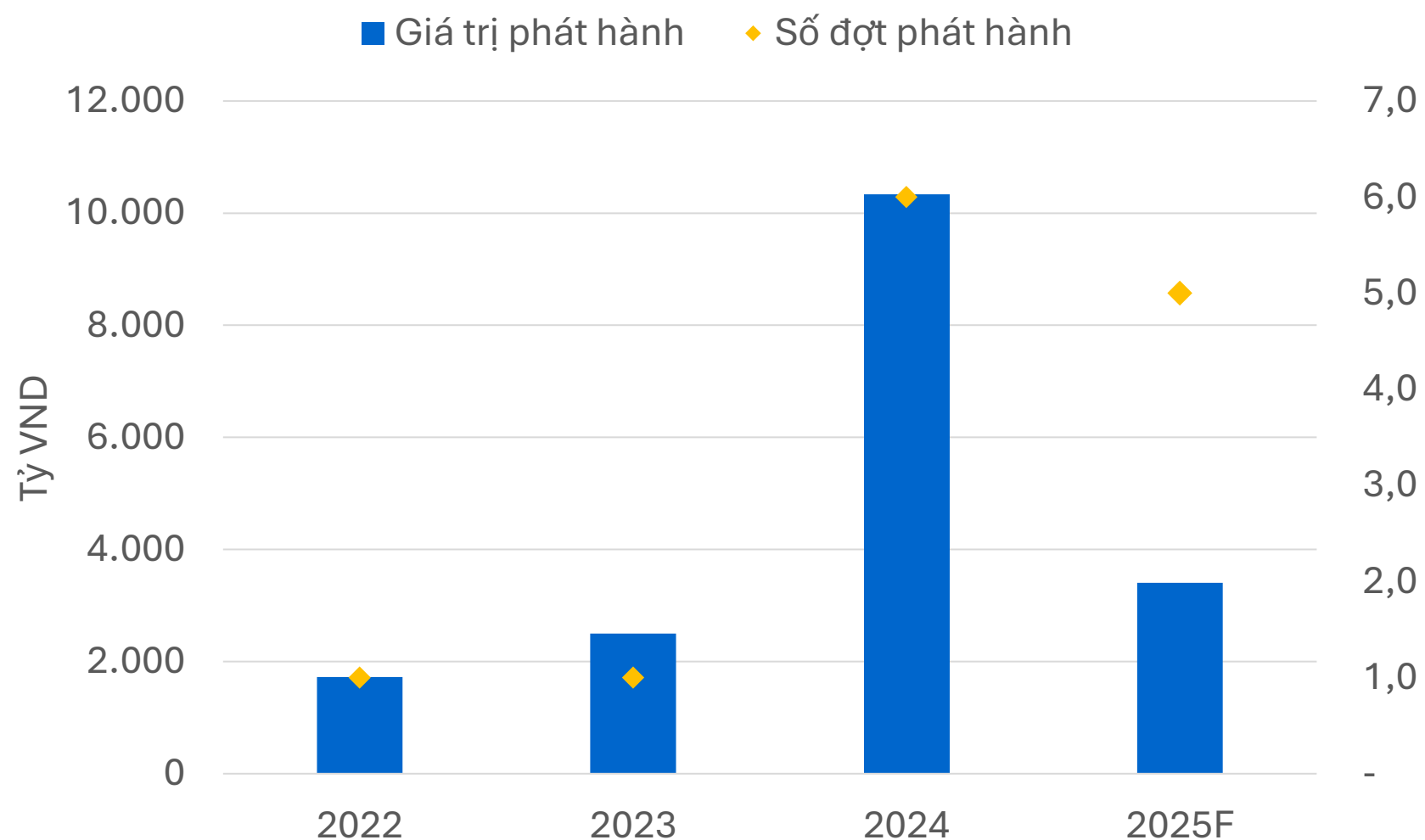


Nguồn: Environmental Finance Bond Database, S&P Global Ratings

Bức tranh thị trường – Việt Nam còn nhiều dư địa phát triển

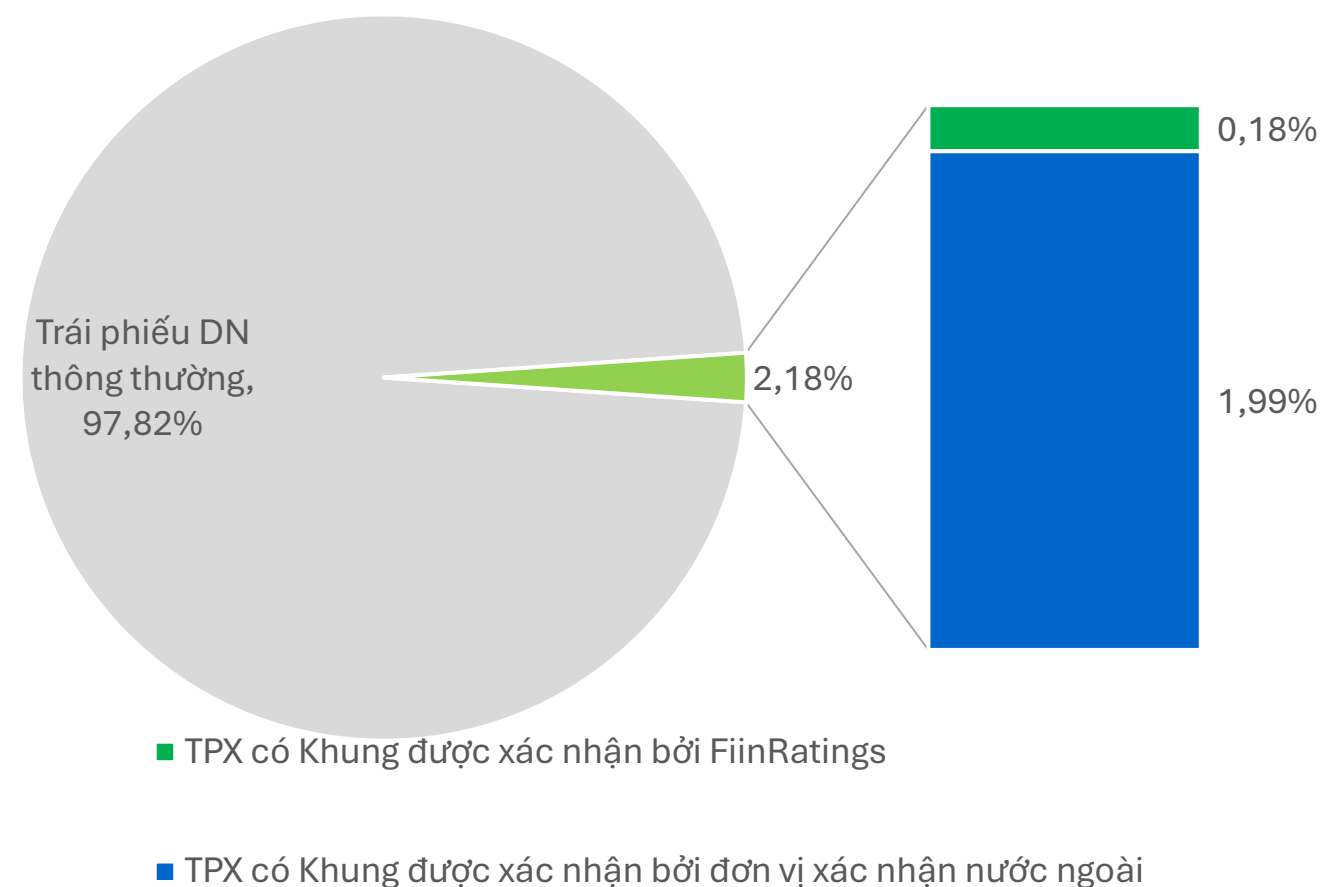
Hành trình phát triển của thị trường trái phiếu xanh toàn cầu và Việt Nam — liệu đây có phải thời điểm bứt phá?

Giá trị phát hành trái phiếu xanh và bền vững



Nguồn: FiinRatings

Dư nợ trái phiếu xanh, bền vững trên tổng dư nợ trái phiếu doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

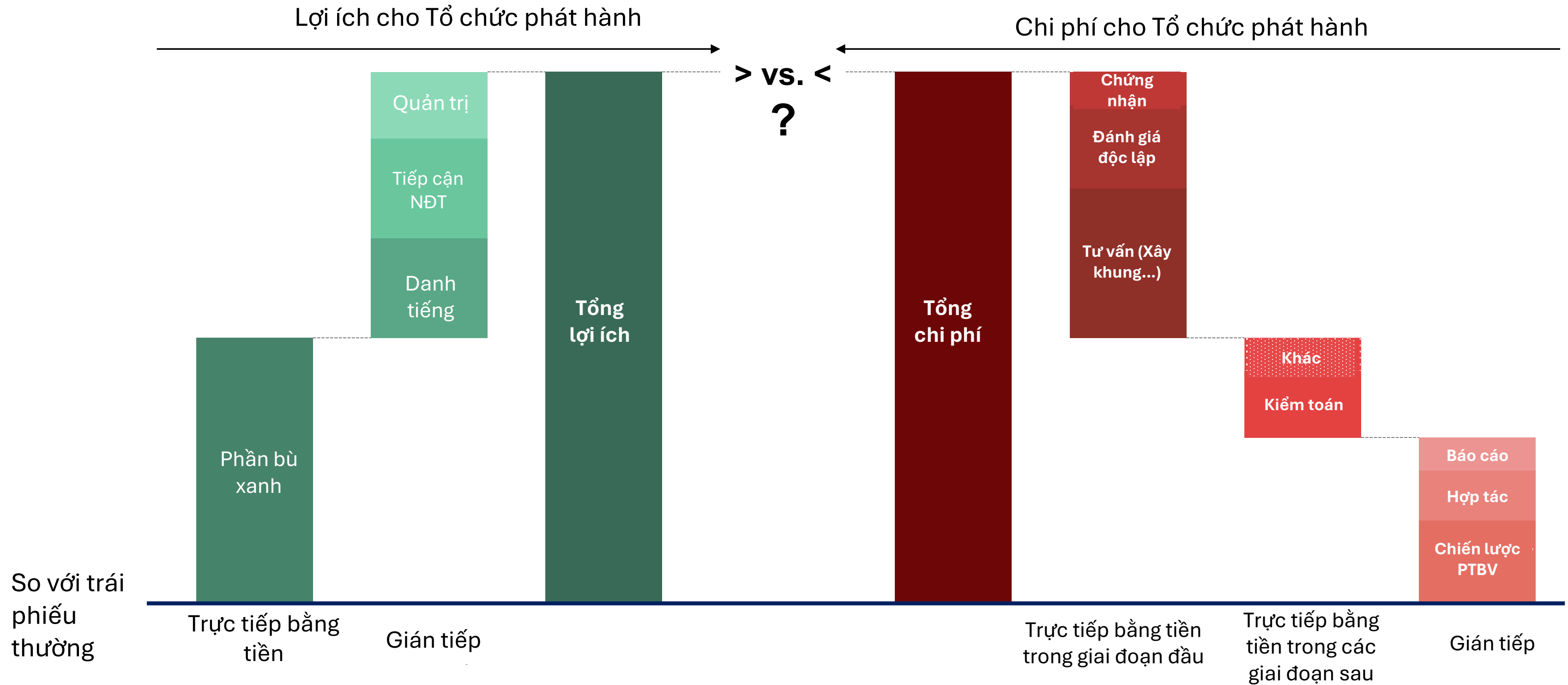


Source: FiinRatings tính toán dựa trên dữ liệu cập nhật ngày 02/02/2026

- Giá trị phát hành trái phiếu xanh, bền vững ghi nhận mức tăng trưởng đáng kể trong những năm gần đây, đạt 10.325,1 tỷ đồng trong năm 2024, tuy nhiên, giá trị phát hành dự báo có sự thu hẹp trong năm 2025.
- Cơ cấu trái phiếu xanh, bền vững đang lưu hành tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 cho thấy đây là một thị trường đang trong giai đoạn hình thành, chiếm chưa tới 2.2% dư nợ trên tổng giá trị lưu hành (được định giá trên 1,4 triệu tỷ đồng).



Lợi thế cạnh tranh

Đằng sau cái tên — trái phiếu xanh thực sự có chi phí và lợi ích gì đối với tổ chức phát hành và nhà đầu tư?



Nguồn: Diễn đàn Kinh tế Thế giới

Các lô trái phiếu Xanh, Bền vững bằng đồng nội tệ phát hành trong năm 2025

STT.	Tổ chức phát hành	Loại Trái phiếu	Giá trị (tỷ VND)	Kỳ hạn	Ngày công bố	Nguyên tắc áp dụng	Tổ chức đánh giá độc lập	Kết quả xếp hạng tín nhiệm nội địa
1	Công ty TNHH Truyền dẫn Nước sạch Xuân Mai – Hà Nội	Trái phiếu Xanh	317,2	20 năm	08/04/2025	ICMA	 FiinRatings A Strategic Partner of S&P Global	Xếp hạng tổ chức phát hành: BB ; Xếp hạng trái phiếu: AAA bởi FiinRatings
2	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB)	Trái phiếu Bền vững	680	5 năm	11/07/2025	ICMA	 S&P Global Ratings	Xếp hạng tổ chức phát hành: A bởi FiinRatings
3	Công ty TNHH Miza Nghi Sơn	Trái phiếu Xanh	150	7 năm	26/12/2025	ICMA	 FiinRatings A Strategic Partner of S&P Global	Xếp hạng tổ chức phát hành: BBB- bởi Thiên Minh Rating
4	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	Trái phiếu Xanh	260	7 năm	05/12/2025	ICMA	 FiinRatings A Strategic Partner of S&P Global	Xếp hạng tổ chức phát hành: BBB- ; Xếp hạng trái phiếu: AAA bởi FiinRatings
5	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	Trái phiếu Bền vững	2.000	2 năm	18/12/2025	ICMA	 Sustainable Fitch	Xếp hạng tổ chức phát hành: AAA ; Xếp hạng trái phiếu: AAA bởi FiinRatings
Tổng			3.407,2					

Nguồn: FiinRatings

Lợi ích của Phát hành Trái phiếu Xanh

Qua các case study thực tế mà FiinRatings tham gia



Lãi suất thấp hợp lý và thường cố định

- Lãi suất (coupon) thấp vì các tổ chức bảo lãnh có ratings rất cao (thường là AAA)
- Chi phí vốn (All-in Cost) ở mức hợp lý và phù hợp với Ratings
- Giảm rủi ro lãi suất – vì thường thiết kế với cơ chế lãi suất cố định và phù hợp với FS của dự án



Ưu thế về kỳ hạn dài

- Kỳ hạn dài (5–20 năm) so với Trái phiếu thường (3 năm)
- Đáp ứng nhu cầu đầu tư hạ tầng dài hạn
- Được cấu trúc trả nợ phù hợp với dòng tiền dự án



Gia tăng niềm tin của nhà đầu tư

- Bảo lãnh bởi các tổ chức quốc tế uy tín kết hợp với Xếp hạng tín nhiệm nội địa
- Được mua bởi các nhà đầu tư định chế thay vì cá nhân
- Giúp gia tăng niềm tin và thu hút nhà đầu tư trong & ngoài nước



Tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế

- Theo Nguyên tắc mà nhà đầu tư theo đuổi áp dụng ICMA hoặc CBI
- Đánh giá độc lập hoặc dán nhãn các tổ chức độc lập như FiinRatings
- Tăng minh bạch, hạn chế rủi ro 'rửa xanh'



Thúc đẩy đầu tư bền vững

- Gắn với dự án môi trường rõ ràng của DN
- Tăng minh bạch, dễ giám sát
- Phù hợp với chiến lược chuyển đổi xanh, bền vững của DN

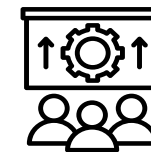
Trái phiếu xanh chỉ là bước khởi đầu — điều gì tiếp theo cho tài chính bền vững tại Việt Nam, và thị trường đã sẵn sàng?

Việt Nam đang cần nguồn vốn lớn cho quá trình chuyển đổi xanh (670-700 tỷ USD)



Cơ hội

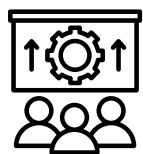
- Tiếp cận kỳ hạn dài hơn (10-20 năm so với mức bình quân thị trường 3 năm) Lãi suất cạnh tranh (5,75-6,7%)
- Đa dạng hóa cơ sở nhà đầu tư (cả trong nước và quốc tế)
- Nâng cao uy tín doanh nghiệp thông qua chứng nhận xanh
- Nhóm nhà đầu tư ESG ngày càng mở rộng trên toàn cầu



Thách thức

- Hướng dẫn triển khai thực thi danh mục phân loại xanh của Việt Nam
- Hạn chế về chuyên môn nội bộ trong lĩnh vực ESG/tài chính xanh
- Các yêu cầu nghiêm ngặt đòi hỏi sự phối hợp liên ngành giữa tài chính, kỹ thuật, khoa học môi trường và tuân thủ quy định
- Nguy cơ bị cáo buộc "tẩy xanh" (greenwashing)

Các tổ chức phát hành trong nước sẽ cần xây dựng một lộ trình toàn diện, tích hợp đầy đủ các yếu tố này để có thể thành công trong bối cảnh thị trường tài chính xanh đang hình thành tại Việt Nam.



Tăng cường Năng lực và Chuyên

- Thành lập các nhóm chuyên trách về ESG/tài chính xanh
- Đào tạo nhân sự về các tiêu chuẩn xanh quốc tế (nguyên tắc ICMA)
- Xây dựng danh mục dự án xanh phù hợp với danh mục phân loại xanh
- Chuẩn bị hệ thống đo lường tác động môi trường toàn diện
- Đầu tư vào kiến thức và chứng chỉ về phát triển bền vững



Đảm bảo Uy tín và Tuân thủ

- Tiến hành đánh giá độc lập từ các tổ chức được công nhận
- Tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế (Nguyên tắc Trái phiếu Xanh ICMA)
- Duy trì báo cáo và công bố thông tin minh bạch
- Thực hiện các quy trình lập hồ sơ, tài liệu đúng chuẩn



Xây dựng Quan hệ Đối tác Chiến

- Hợp tác với các tổ chức bảo lãnh phát hành có kinh nghiệm chuyên về trái phiếu xanh
- Làm việc với các tổ chức xác nhận độc lập để được chứng nhận trước và sau khi phát hành
- Phối hợp với các bên liên quan khác (pháp lý, tổ chức bảo lãnh, nhà cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, v.v.)

Quy trình phát hành trái phiếu thông thường và trái phiếu xanh

Trước phát hành:

- Được xếp hạng tín nhiệm
- Thu thập thông tin thị trường về đồng tiền, kỳ hạn và quy mô phát hành
- Lựa chọn tổ chức bảo lãnh phát hành
- Đăng ký với cơ quan quản lý trong nước
- Phát hành bản cáo bạch
- Thư xác nhận / thẩm định
- Tiếp cận nhà đầu tư thông qua các chuyến roadshow và hoạt động bán hàng

Sau phát hành:

- Định giá và phân bổ trái phiếu nhằm hỗ trợ hiệu quả giao dịch trên thị trường thứ cấp
- Truyền thông tới thị trường vốn
- Theo dõi, giám sát thị trường thứ cấp

Sau phát hành:

- Phân bổ nguồn vốn cho các dự án
- Theo dõi, giám sát các dự án và ghi nhận việc phân bổ vốn theo thời gian
 - Công bố báo cáo tác động
 - Kiểm toán sau phát hành nếu cần thiết

Trước phát hành:

Chuẩn bị

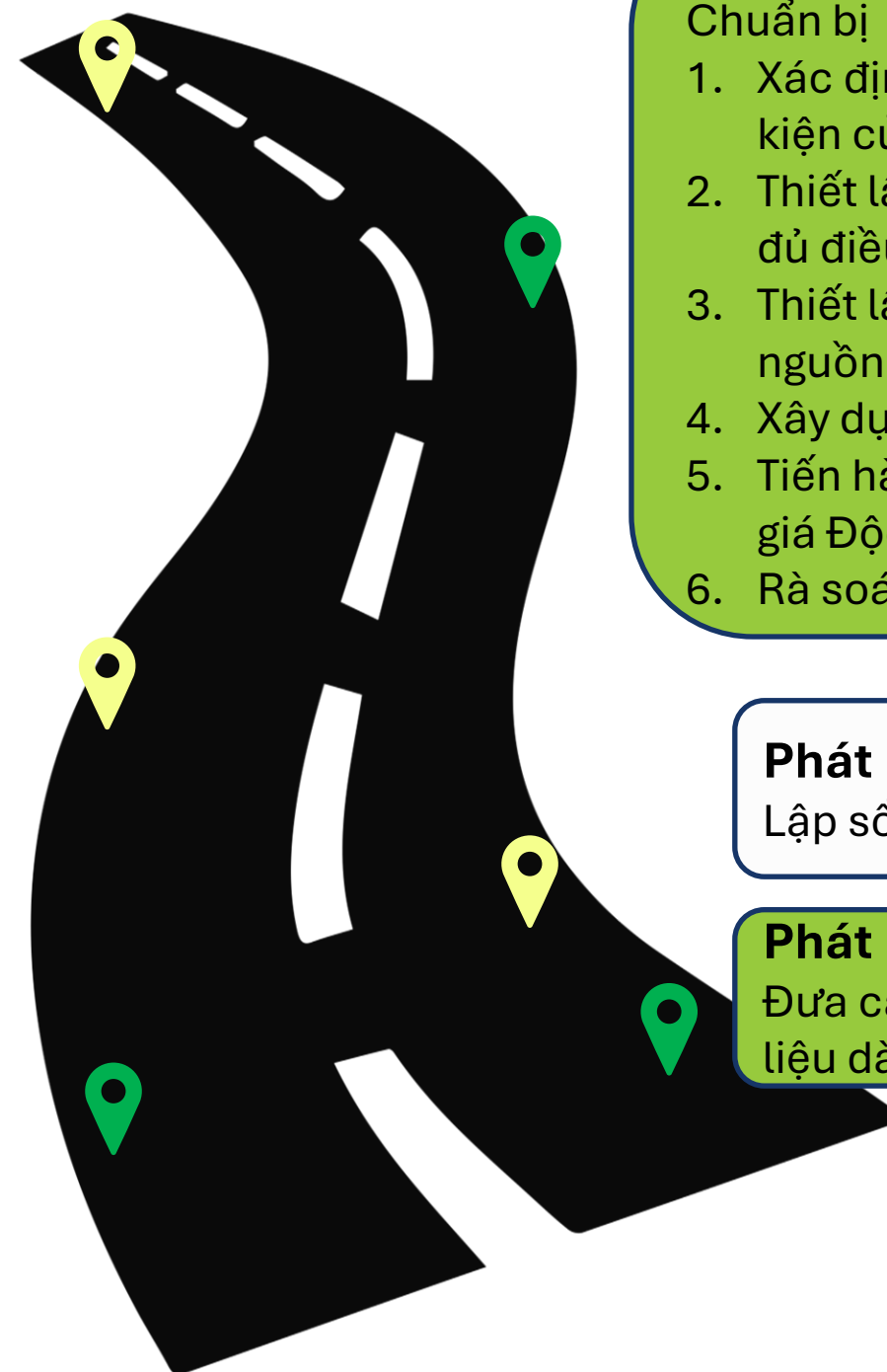
1. Xác định cách thức các dự án đáp ứng tiêu chí đủ điều kiện của trái phiếu xanh (Mục đích Sử dụng Vốn)
2. Thiết lập quy trình lựa chọn dự án và chọn các dự án đủ điều kiện (Lựa chọn Dự án và Tài sản)
3. Thiết lập tài khoản và quy trình để chỉ định và phân bổ nguồn vốn (Quản lý Nguồn vốn)
4. Xây dựng các quy trình báo cáo
5. Tiến hành đánh giá độc lập trước khi phát hành (Đánh giá Độc lập)
6. Rà soát các cơ chế hỗ trợ

Phát hành:

Lập sổ lệnh nhà đầu tư

Phát hành:

Đưa các đặc tính xanh vào tài liệu tiếp thị và tài liệu dành cho nhà đầu tư

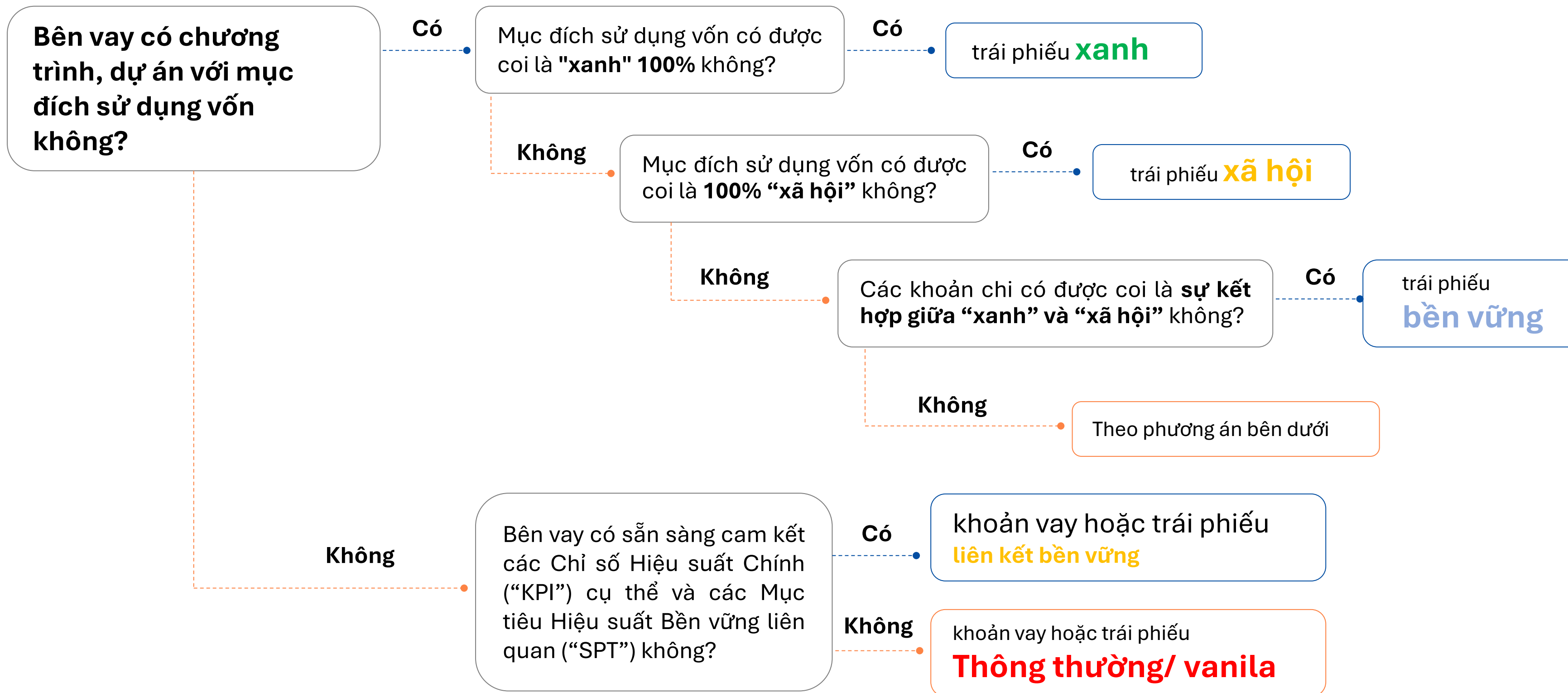


Trái phiếu Xanh



Trái phiếu thường

Nguồn: Tổ chức Sáng kiến Trái phiếu Khí hậu (CBI)





**Diễn đàn Thị trường Trái phiếu
Doanh nghiệp Việt Nam 2026**



Thứ Năm, ngày 2/4/2026



Hà Nội, Việt Nam

**AI và Chuyển đổi Số
trong Quản lý Quỹ:
Tác động đến Thị trường Vốn**

Diễn giả

Ông Nguyễn Hữu Hiệu

Tổng Giám đốc FiinGroup



Nội dung

01 | Bối cảnh ngành: Tăng trưởng & Thách thức

02 | Vấn đề cốt lõi

03 | Lợi thế cạnh tranh trong kỷ nguyên AI

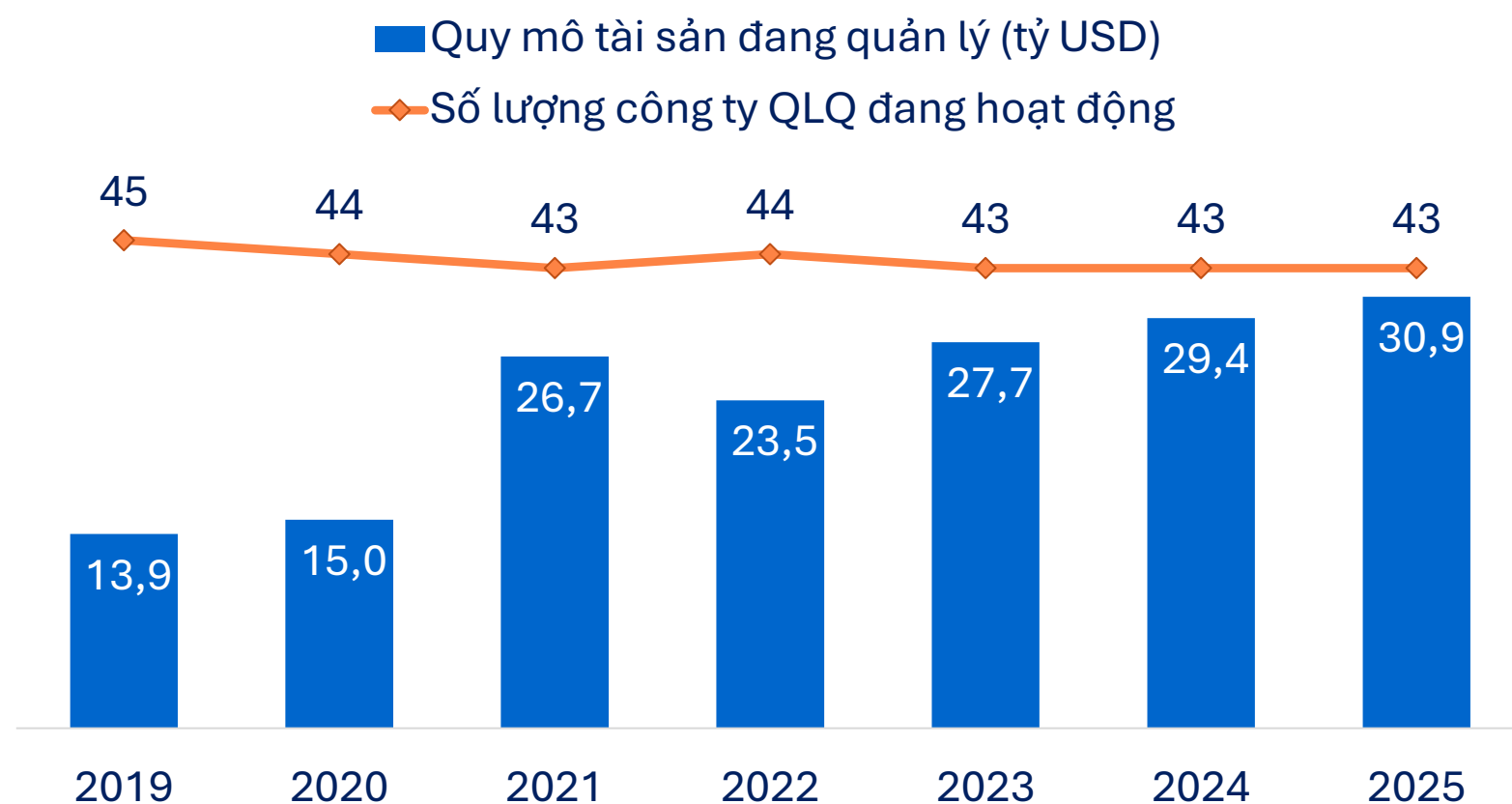
04 | Mô hình vận hành mới & khoảng trống

05 | Định hướng chuyển đổi



Bối cảnh Ngành: Tăng trưởng và Thách thức

Tổng giá trị tài sản (AUM) được quản lý bởi các công ty quản lý quỹ

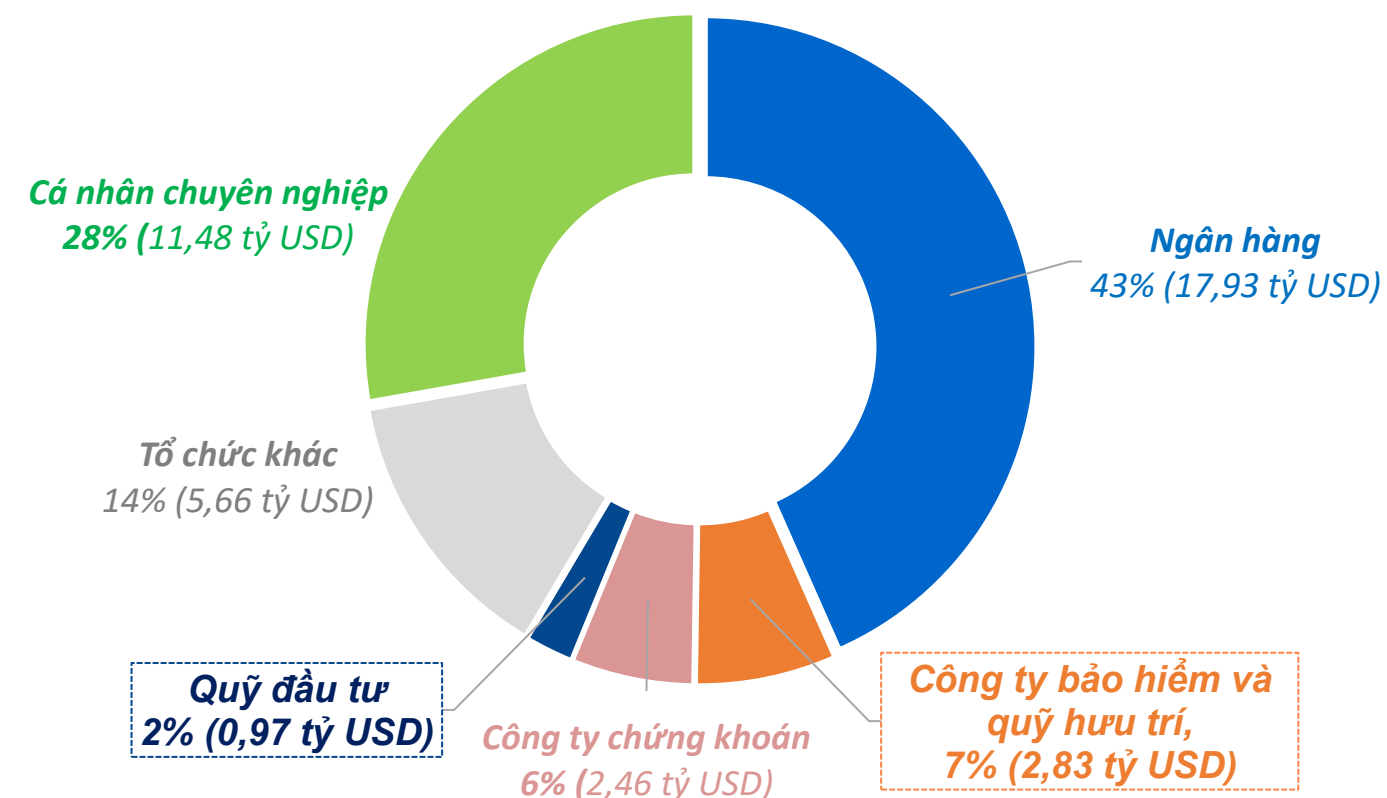


Nguồn: FiinGroup tổng hợp từ Báo cáo thường niên của UBCK

Ghi chú: Tổng giá trị tài sản quản lý ở các công ty quản lý quỹ được cấp phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Số liệu không bao gồm tài sản của các quỹ thành lập ở nước ngoài.

- Tổng tài sản AUM tăng trưởng mạnh mẽ đạt **30.9 tỷ USD năm 2025**
- Đa dạng hoá số lượng quỹ và sản phẩm đầu tư
- Nhu cầu tăng đầu tư từ các khối tổ chức và nhà đầu tư cá nhân

Cơ cấu nhà đầu tư sở hữu theo giá trị lưu hành Trái phiếu Doanh nghiệp Riêng lẻ tại 31/12/2023



Nguồn: FiinGroup, HNX

Ghi chú: Tỷ lệ % được tính theo giá trị dư nợ trái phiếu lưu hành tại thời điểm 31/12/2023

- Tỷ trọng trọng nắm giữ trái phiếu doanh nghiệp trên toàn thị trường của khối quỹ chỉ khoảng **0.9 tỷ USD**

**Quy mô AUM tăng mạnh, khả năng mở rộng sang các lớp tài sản phức tạp hơn vẫn còn hạn chế
--> đặt ra câu hỏi về năng lực vận hành hiện tại của ngành**

Mô hình vận hành hiện tại **KHÔNG THEO KỊP**
tốc độ chuyển đổi

21%

Công ty có tự động hoá thực sự

60-80%

Hệ thống chưa đồng bộ

50%

Công ty thiếu dữ liệu có cấu trúc

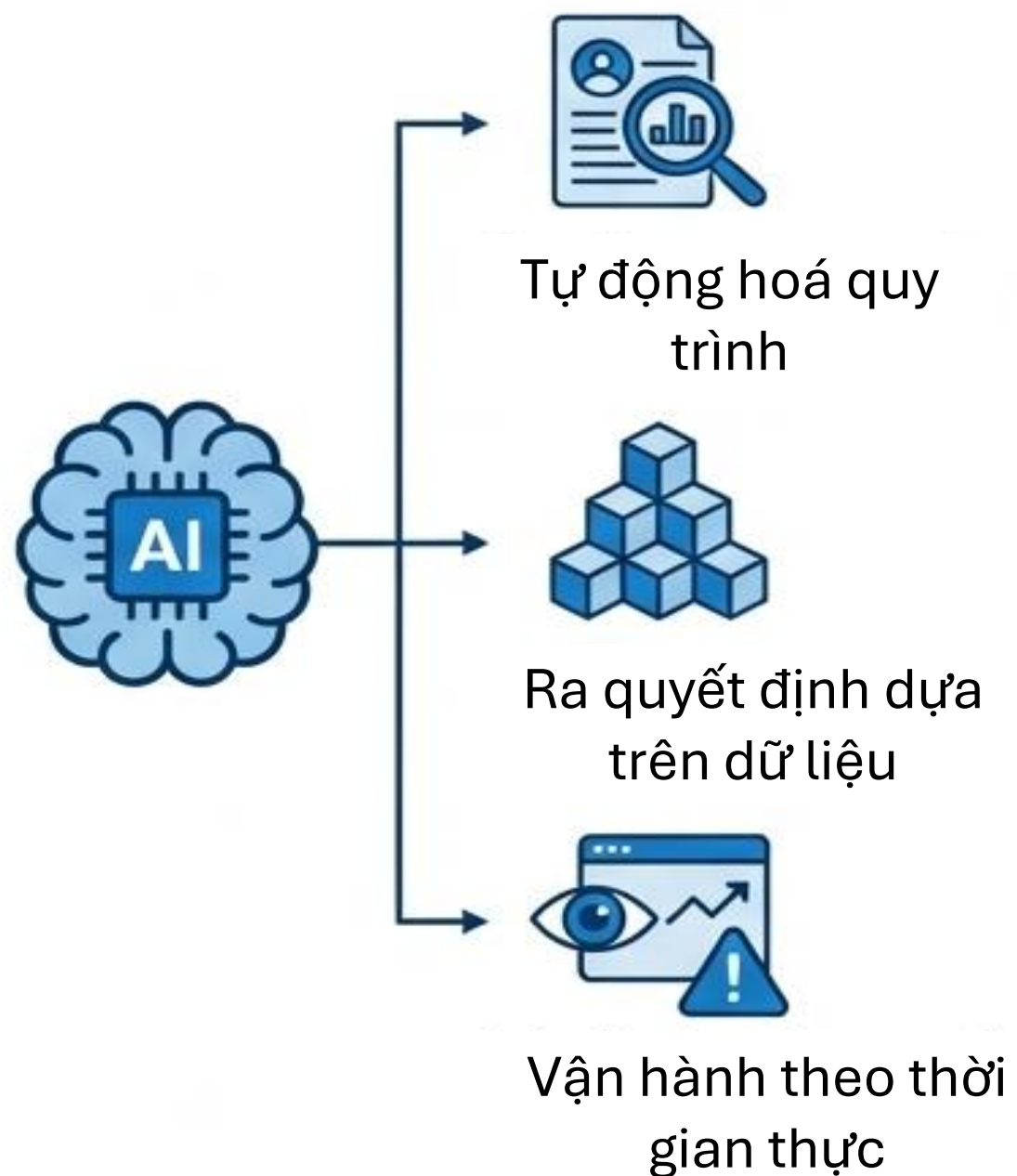
Nguồn: EY "Hybrid Wealth Management: Blending Digital and In-person" (2023)

- Việc vận hành cần được phát triển một cách có kiểm soát.
- Sai lệch giữa tốc độ tăng trưởng ngành và mức độ hoàn thiện của việc vận hành.



Tăng trưởng nhưng đi kèm độ phức tạp cao

AI đang thay đổi cách thức vận hành ngành quản lý quỹ



Kỳ vọng nhà đầu tư thay đổi: chuyển sang mô hình số hoá & data-driven

70%

Nhà đầu tư toàn cầu muốn dịch vụ kết hợp **nền tảng số và tư vấn trực tiếp**

45%

Nhà đầu tư **sẵn sàng rời bỏ tổ chức** hiện tại nếu có **nền tảng số tốt hơn**

80%

Nhóm người có thu nhập cao nhưng chưa giàu **ưu tiên các nền tảng có phân tích dữ liệu và AI**

Nguồn: PwC "Hybrid Wealth Management: Blending Digital and In-person" (2023)

Nội dung

01 | Bối cảnh ngành: Tăng trưởng & Thách thức

02 | Vấn đề cốt lõi

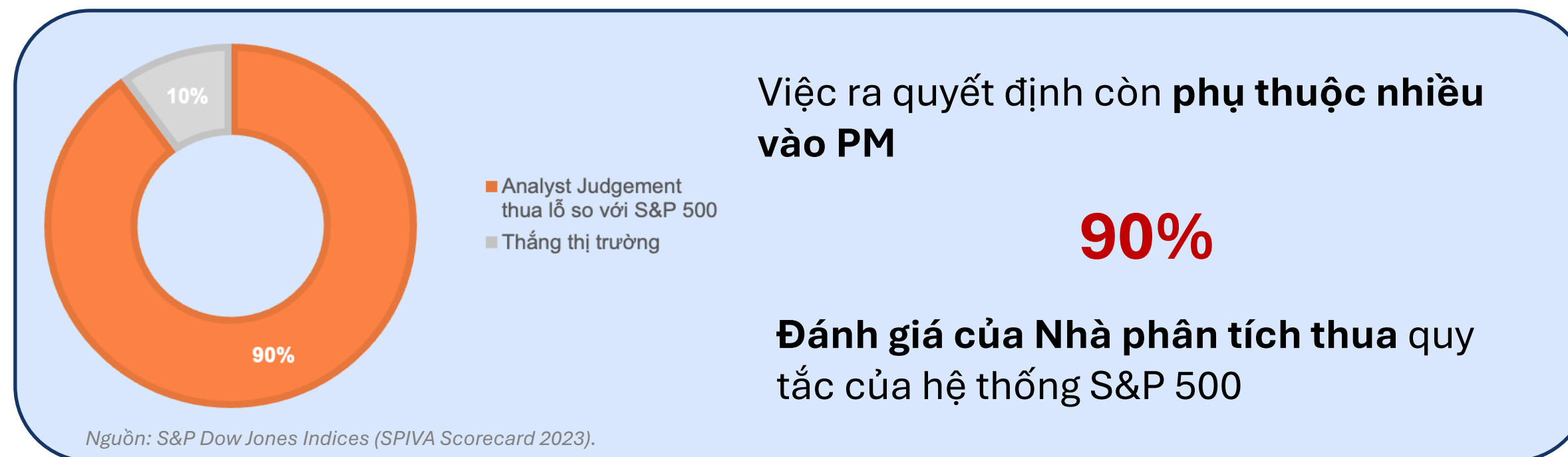
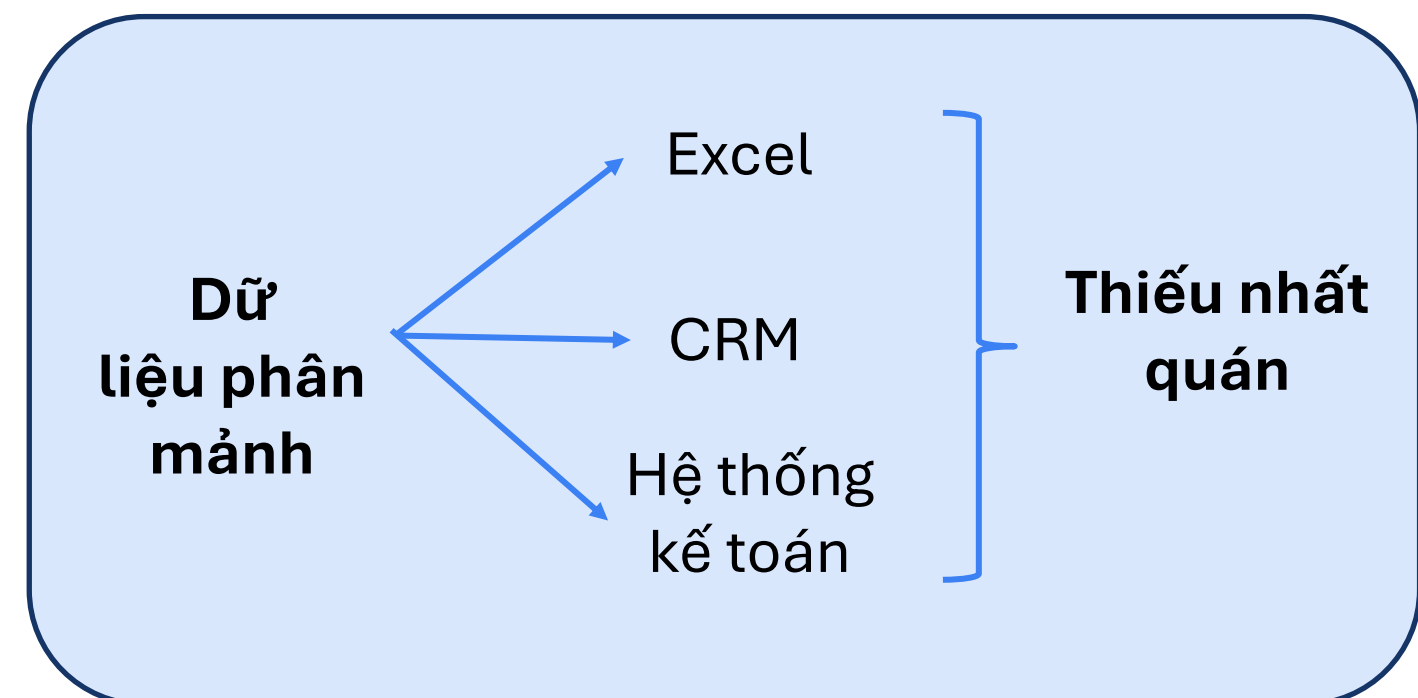
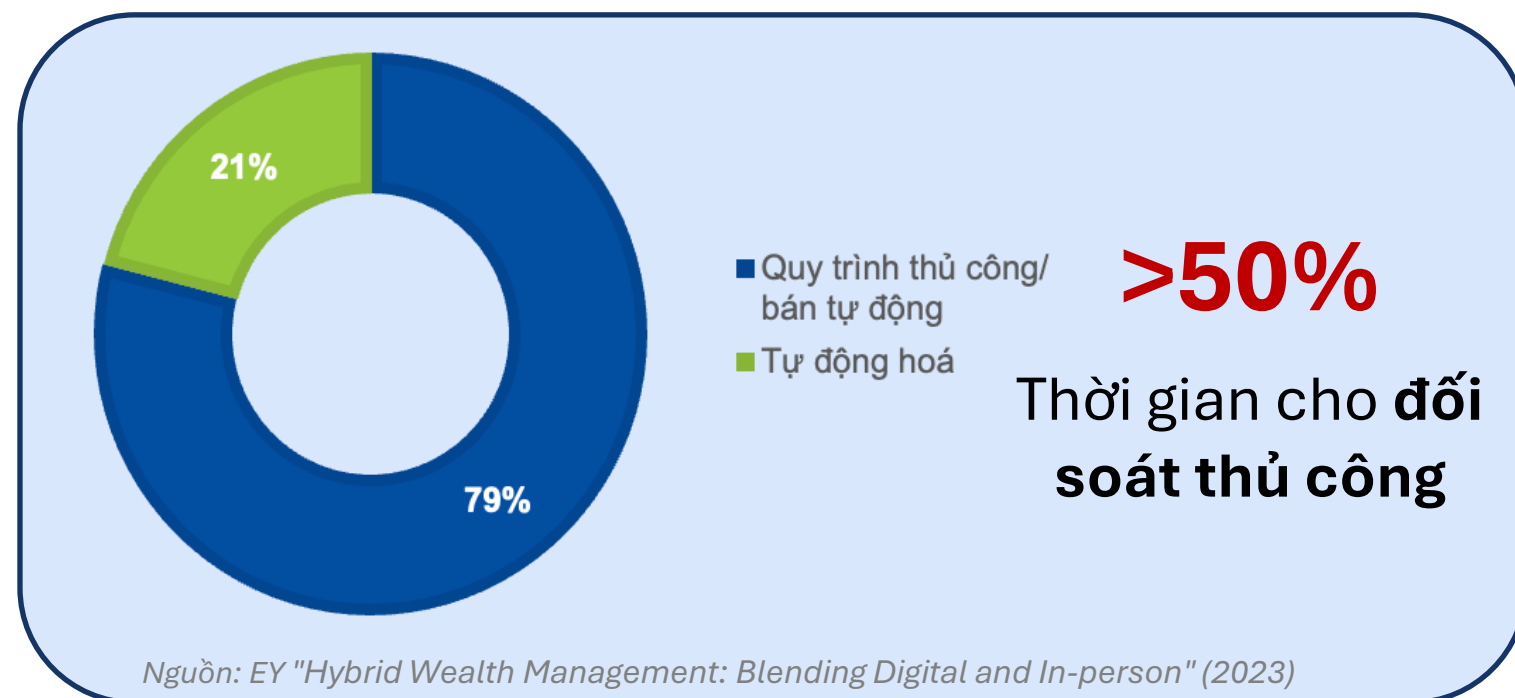
03 | Lợi thế cạnh tranh trong kỷ nguyên AI

04 | Mô hình vận hành mới & khoảng trống

05 | Định hướng chuyển đổi

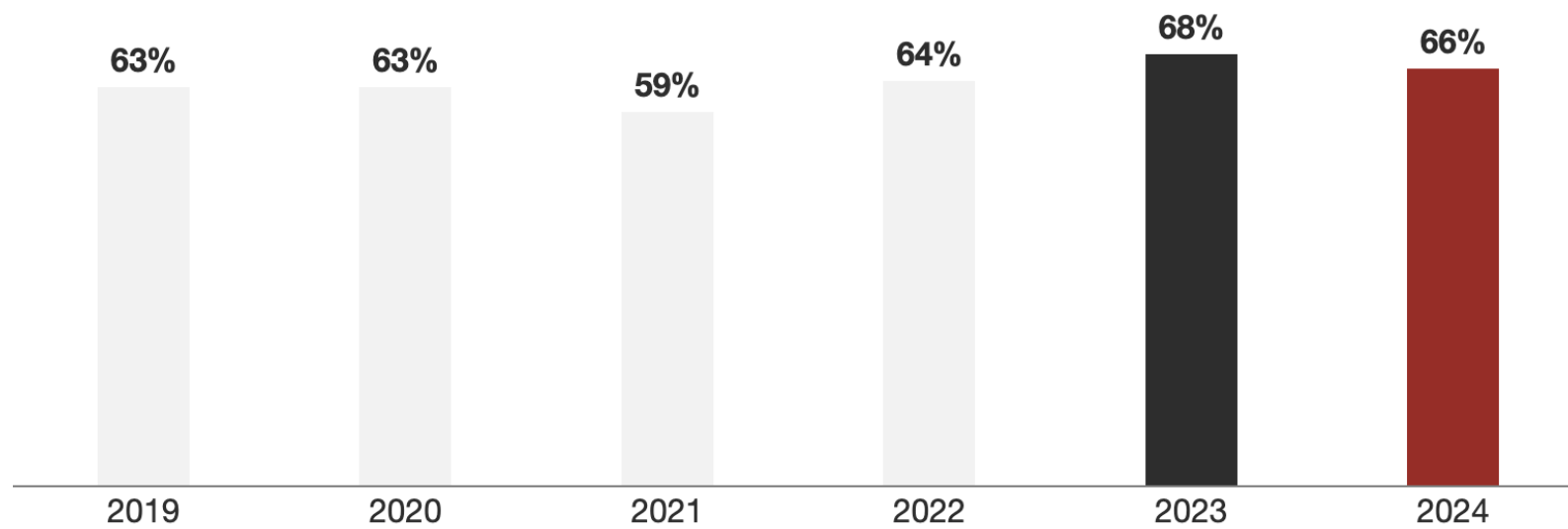


Giới hạn của mô hình vận hành hiện tại: **Phụ thuộc vào con người**



Khi quy mô tăng, không còn tạo lợi thế mà bắt đầu khiến việc **VẬN HÀNH KHÓ KHĂN**

Trung bình % CIR - Tỷ lệ Chi phí trên Thu nhập năm 2019-2024



Nguồn: Annual reports of respective asset managers, Strategy & analysis

Chi phí trên mỗi tài sản được quản lý tăng theo quy mô: Quy mô tăng nhưng chi phí tăng nhanh hơn

→ Quy mô càng lớn, ma sát càng cao

25%

Lỗi rủi ro vận hành trong dịch vụ tài chính

80%

Dữ liệu trong báo cáo cần xử lý thủ công

70%

Alpha đến từ quyết định của riêng PM

30%

Công ty có quá trình đầu tư được chuẩn hoá

20-30%

Tỷ lệ trùng lặp dữ liệu

6-12 tháng

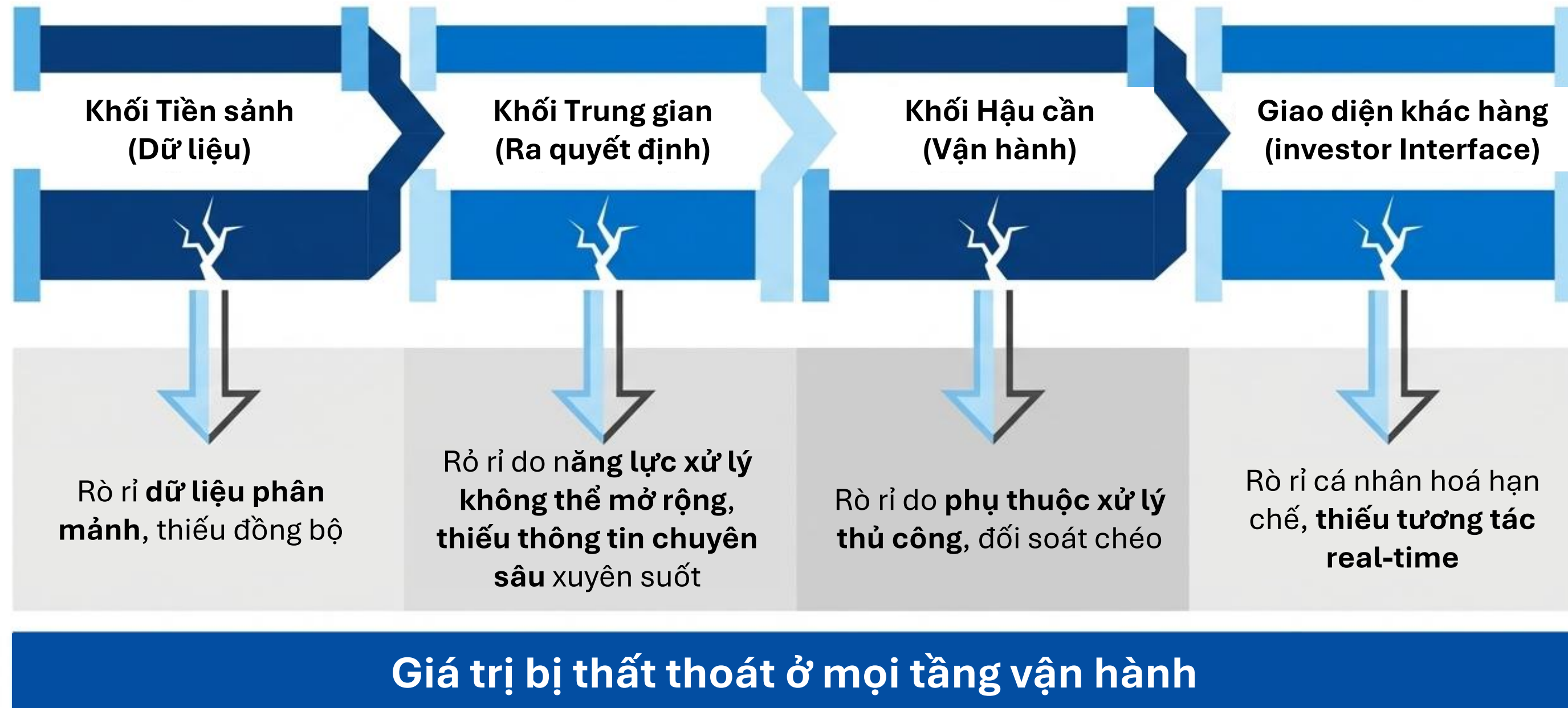
Thời gian triển khai một quỹ mới

Rủi ro vận hành tăng

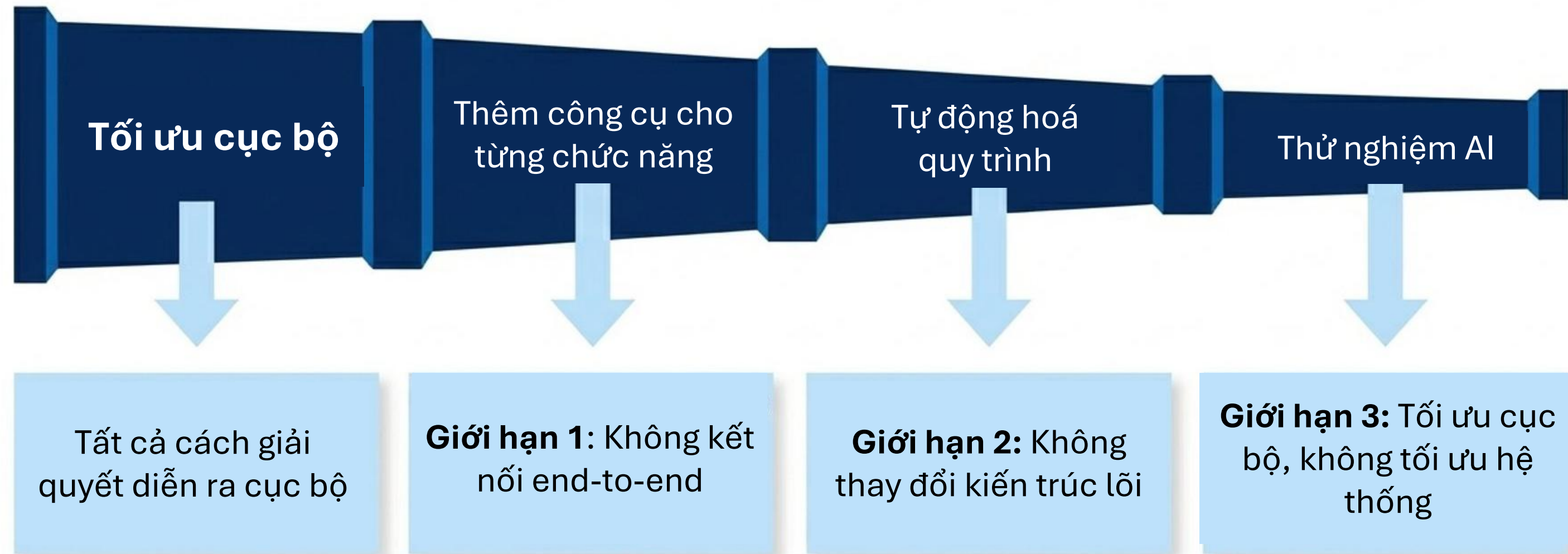
Khó chuẩn hoá quy trình ra quyết định

Không mở rộng vận hành đa quỹ hiệu quả

68% quỹ quản lý tài sản phải cấu trúc lại lực lượng lao động



Ngành đang giải quyết sai bài toán: tối ưu cục bộ thay vì chuyển đổi hệ thống



Tối ưu cục bộ ≠ Chuyển đổi hệ thống



Không giải quyết độ phức tạp ở cấp hệ thống

Nội dung

01 | Bối cảnh ngành: Tăng trưởng & Thách thức

02 | Vấn đề cốt lõi

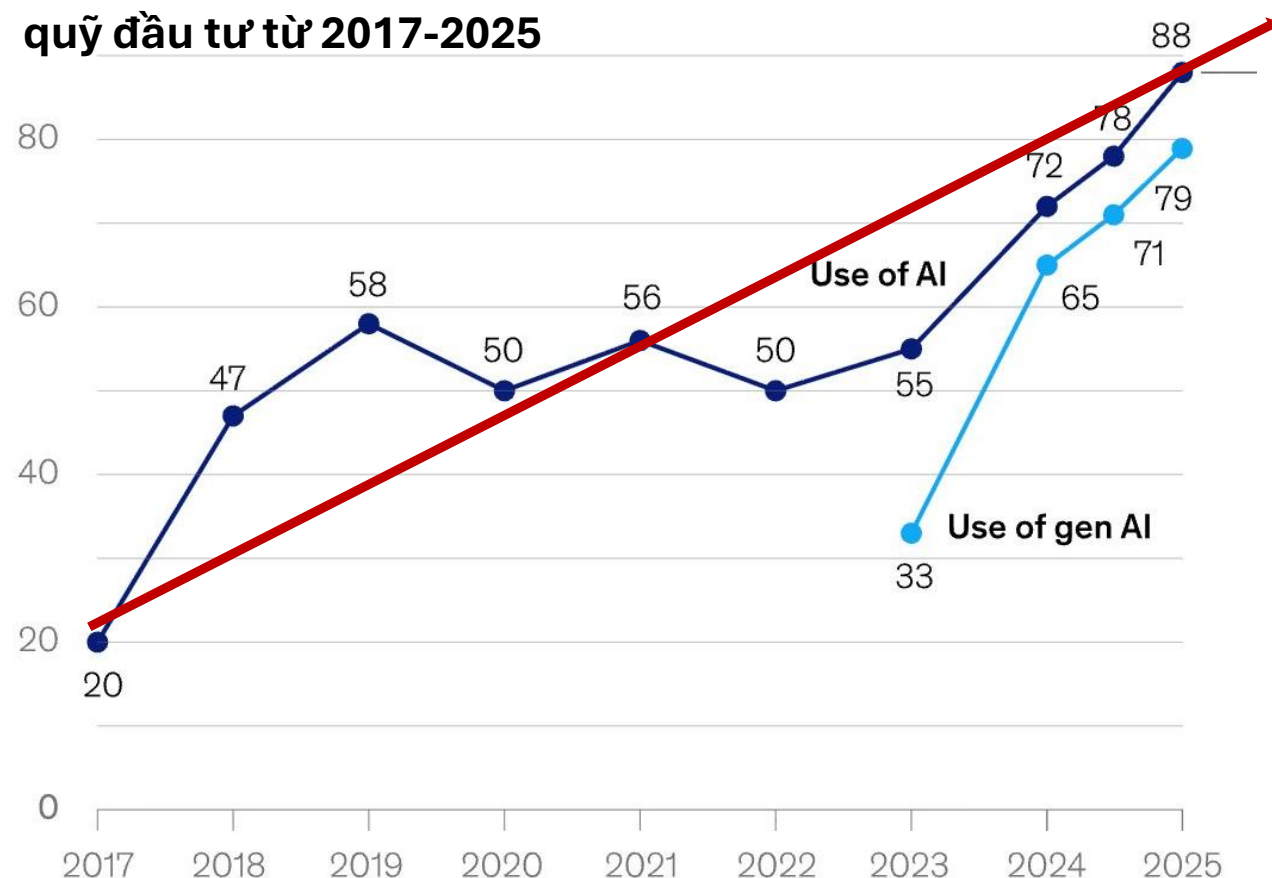
03 | Lợi thế cạnh tranh trong kỷ nguyên AI

04 | Mô hình vận hành mới & khoảng trống

05 | Định hướng chuyển đổi



% sử dụng AI trong ít nhất 1 đơn vị kinh doanh của các quỹ đầu tư từ 2017-2025



Nguồn: McKinsey – The State of AI 2024

Alpha ngày nay không nằm ở data, mà nằm ở khả năng xử lý dữ liệu

Kỷ nguyên AI



↓ 30-50%

Thời gian xử lý dữ liệu

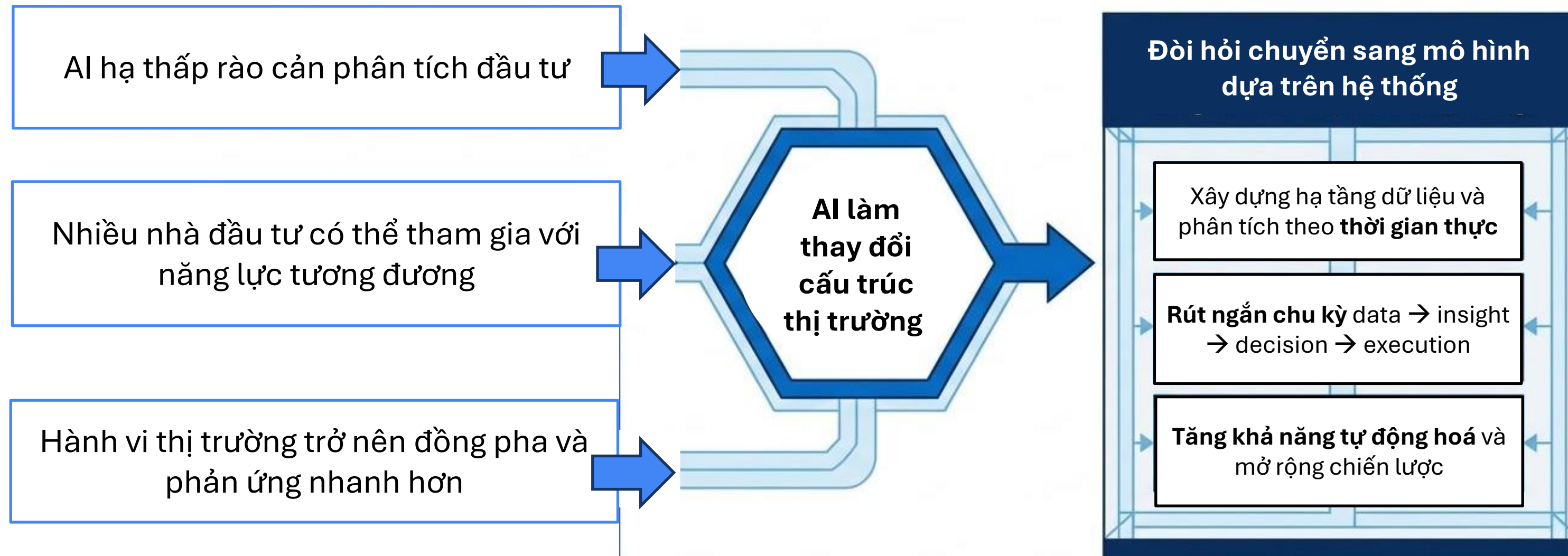
↑ x2-5

Tăng tốc độ quyết định

Nguồn: McKinsey & Company – The Age of Analytics

- **88% các quỹ đầu tư đã sử dụng AI** năm 2025 cho thấy sự thâm nhập nhanh chóng của AI.
- AI giúp rút ngắn **30-50% thời gian** từ dữ liệu đến quyết định.
- **Thị trường chuyển dịch rõ rệt:** Lợi thế cạnh tranh đến từ khả năng xử lý, phân tích và triển khai nhanh hơn.
- **Khả năng ứng dụng AI có kiểm soát** trở thành yếu tố then chốt để xây dựng niềm tin thị trường.

Sức mạnh của AI



AI thay đổi cả việc ai có thể đầu tư và cách thị trường vận hành

Nội dung

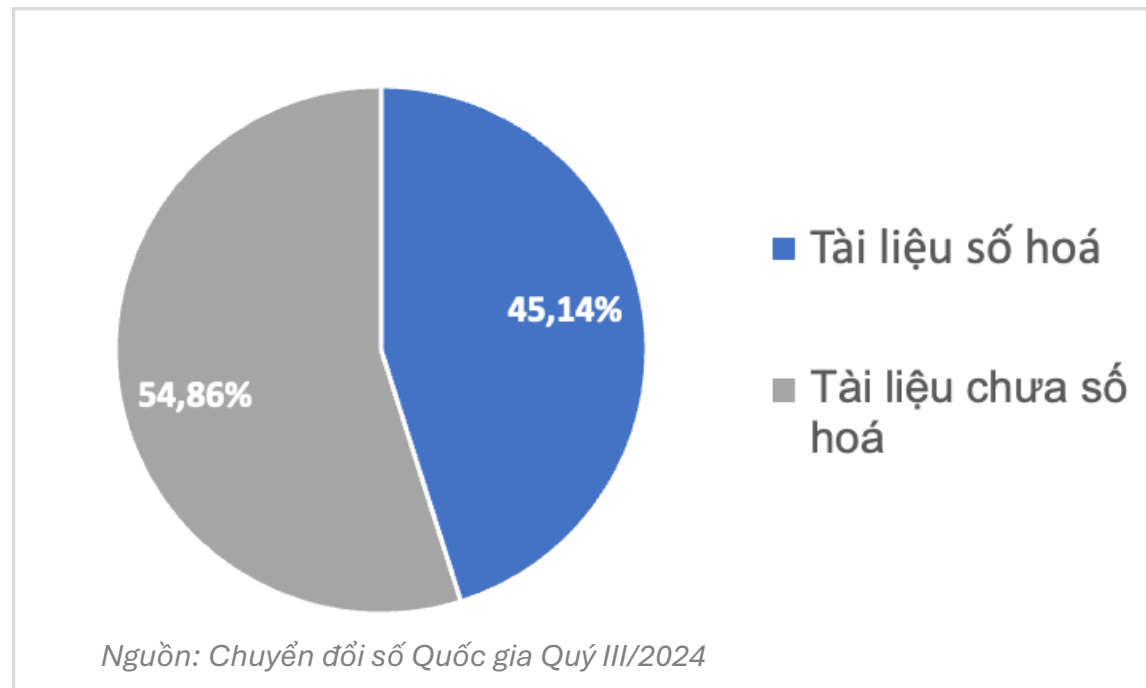
- 01 | Bối cảnh ngành: Tăng trưởng & Thách thức**
- 02 | Vấn đề cốt lõi**
- 03 | Lợi thế cạnh tranh trong kỷ nguyên AI**
- 04 | Mô hình vận hành mới & khoảng trống tại**
- 05 | Định hướng chuyển đổi**



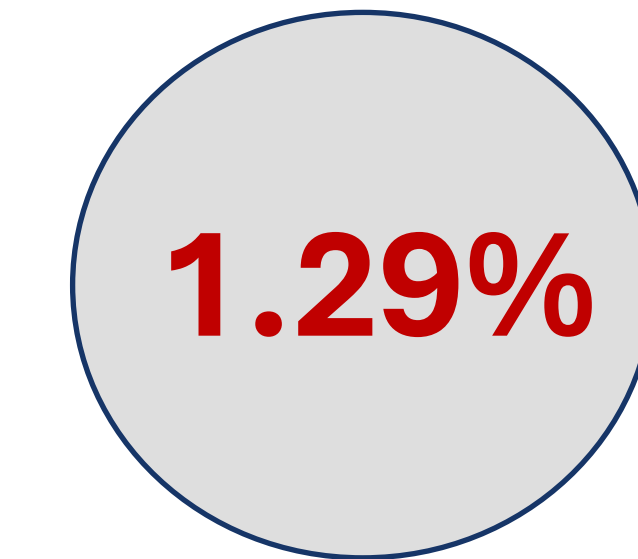
Các công ty hàng đầu đang chuyển dịch sang **mô hình dựa trên nền tảng**



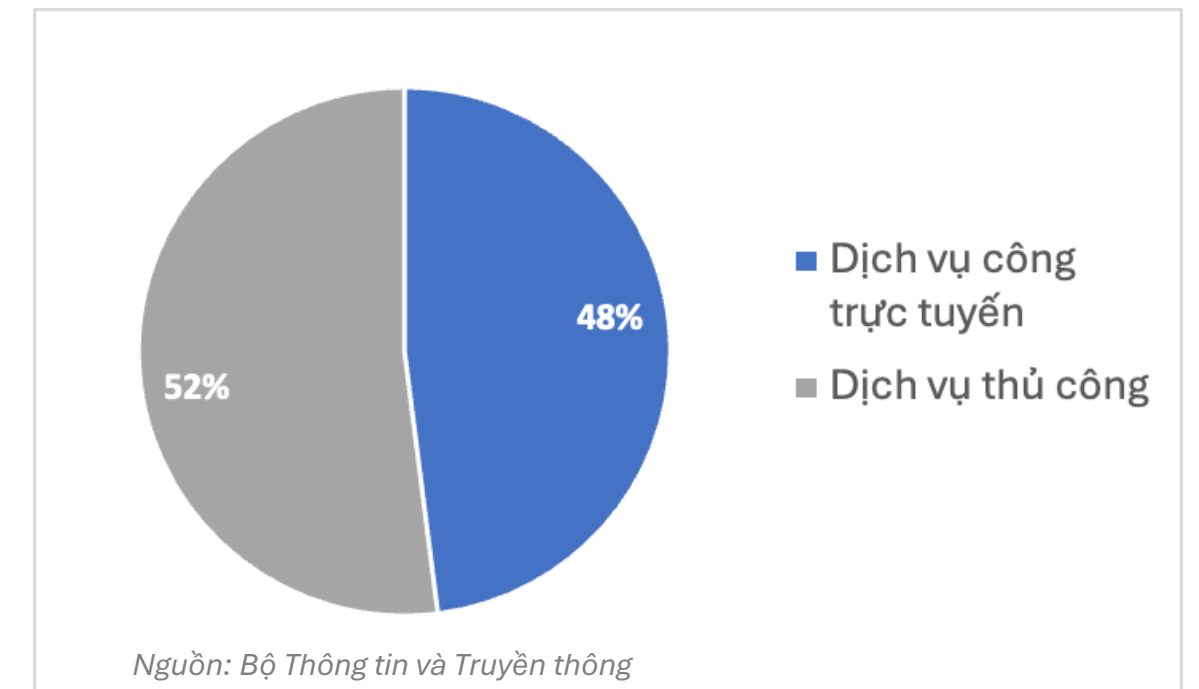
So với mô hình toàn cầu, thị trường Việt Nam còn khoảng cách đáng kể về hạ tầng



54,86% dữ liệu chưa được chuẩn hoá hoàn toàn



Tỷ lệ khai thác và sử dụng lại thông tin dữ liệu đã số hóa vẫn còn rất thấp

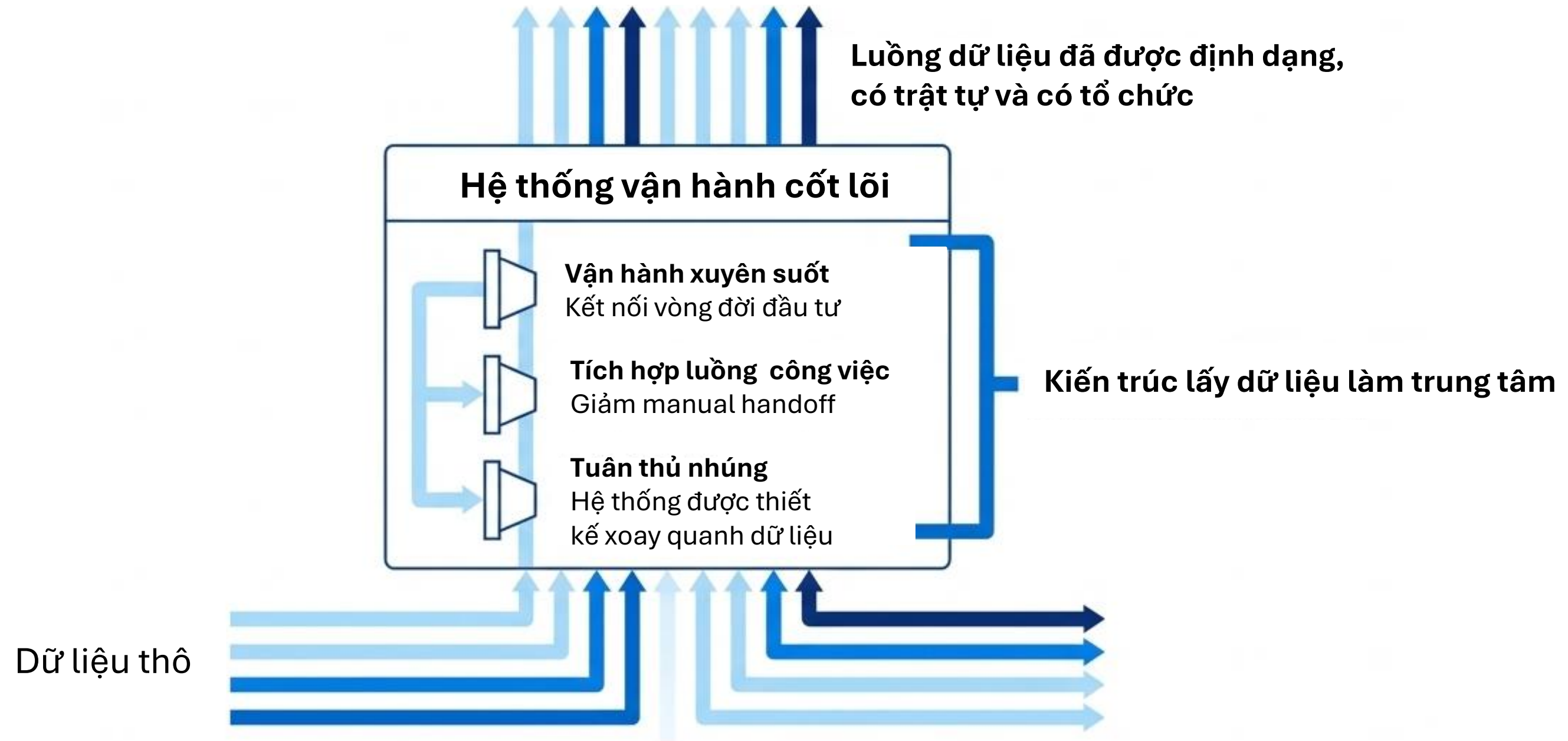


Quy trình làm việc rời rạc, chưa end-to-end, còn nhiều bước thủ công

Khoảng trống hạ tầng Việt Nam

Mô hình vận hành mới & khoảng trống tại Việt Nam

Đây là lớp **biến dữ liệu thành hành động** – nơi toàn bộ quy trình từ ra quyết định đến thực thi và báo cáo được kết nối end-to-end



Hạ tầng tại Việt Nam cần Hệ thống vận hành Cốt lõi để hoàn thiện Chuyển đổi

Nội dung

01 | Bối cảnh ngành: Tăng trưởng & Thách thức

02 | Vấn đề cốt lõi

03 | Lợi thế cạnh tranh trong kỷ nguyên AI

04 | Mô hình vận hành mới & khoảng trống VN

05 | Định hướng chuyển đổi



Chuyển đổi **KHÔNG PHẢI** tối ưu – mà là **Thiết kế lại toàn bộ hệ thống**

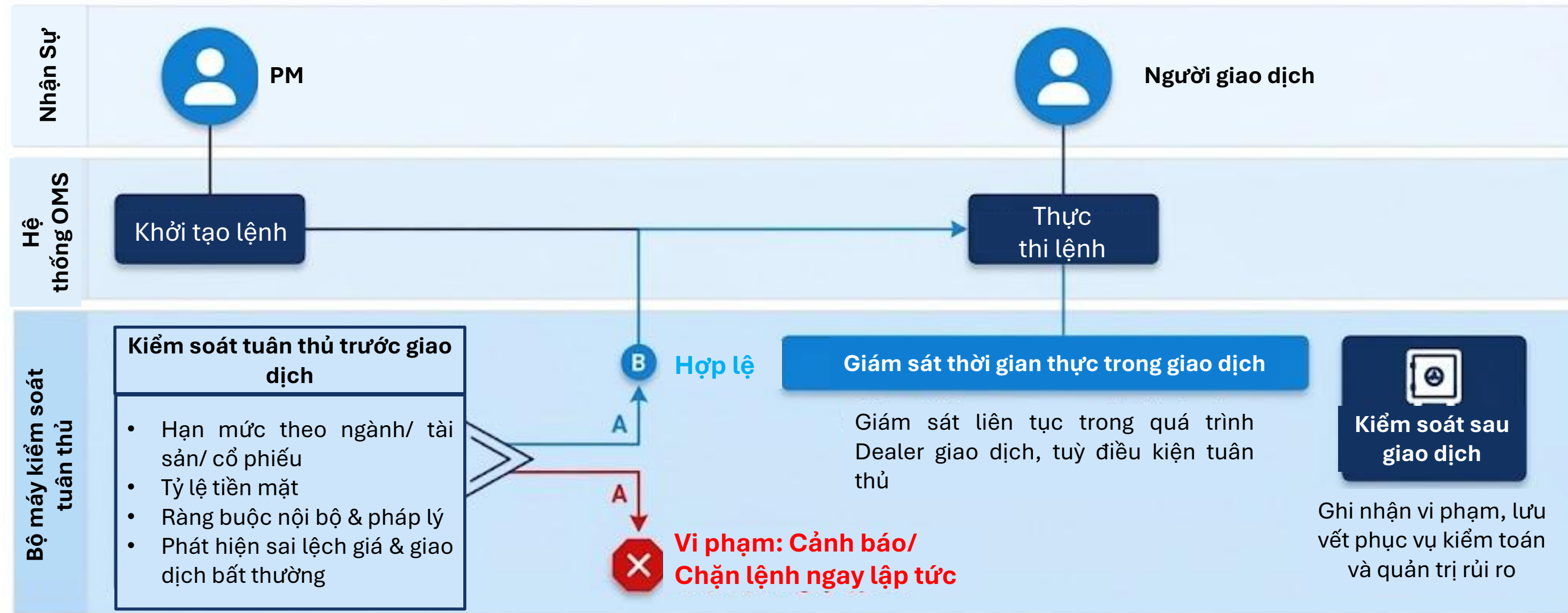
Chuyển đổi cục bộ = Tái thiết kế hệ thống



Việc nhúng AI vào các quy trình cũ chỉ giải quyết triệu chứng.

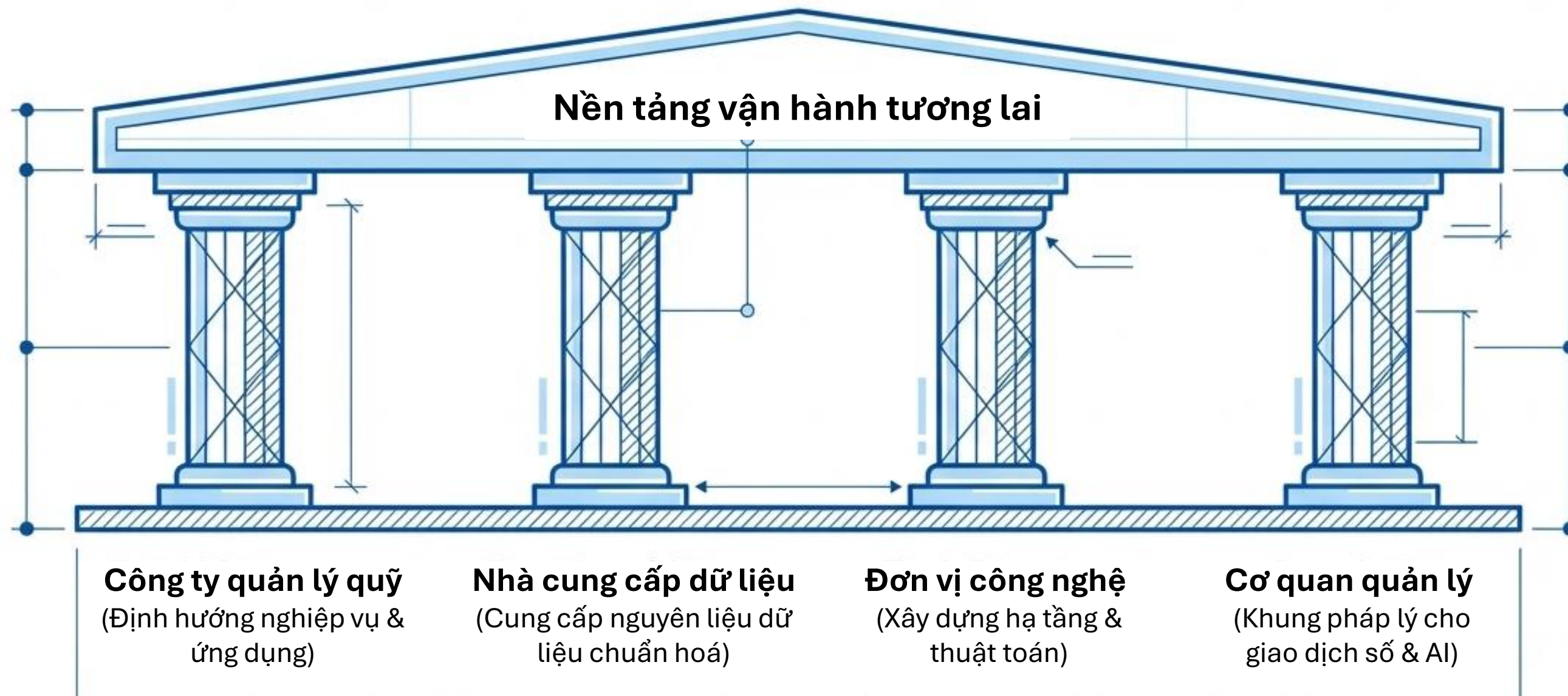
Chuyển đổi không phải là làm nhanh hơn quy trình cũ, mà là **thiết kế lại cách tổ chức vận hành từ ngày 0.**

Sơ Đồ Quy Trình: Kiểm Soát Đa Lớp Qua Hệ Thống OMS



Cơ chế kiểm soát đa lớp giúp giảm thiểu sai sót và nâng cao tính kỷ luật tuyệt đối trong vận hành đầu tư

Chuyển đổi là hành trình chung của toàn ngành



Câu hỏi của thập kỷ tới không phải là ai tự xây dựng hệ thống, mà là chúng ta kiến tạo hệ sinh thái này cùng nhau như thế nào.

Chiến lược hành động cho các Quỹ đầu tư trong 12-24 tháng tới





Diễn đàn Thị trường Trái phiếu Doanh nghiệp Việt Nam 2026

🕒 Thứ năm, Ngày 2/4/2026

📍 Hà Nội, Việt Nam

Diễn giả

Ông Nguyễn Hữu Hiệu

Tổng Giám đốc FiinGroup



Diễn đàn Thị trường Trái phiếu Doanh nghiệp Việt Nam 2026



Thứ Năm, ngày 2/4/2026



Hà Nội, Việt Nam

Phát triển Đường cong Lợi suất Trái phiếu và Hạ tầng Định giá – Động lực thúc đẩy Thị trường Trái Phiếu

Diễn giả

Ông Trần Phú Việt

Giám đốc Phát triển Sản phẩm & Định giá Trái phiếu, FiinGroup



Nội dung

01 | Bối cảnh thị trường & vấn đề thị trường

02 | Hệ quả và rủi ro thị trường

03 | Cơ chế định giá chuẩn

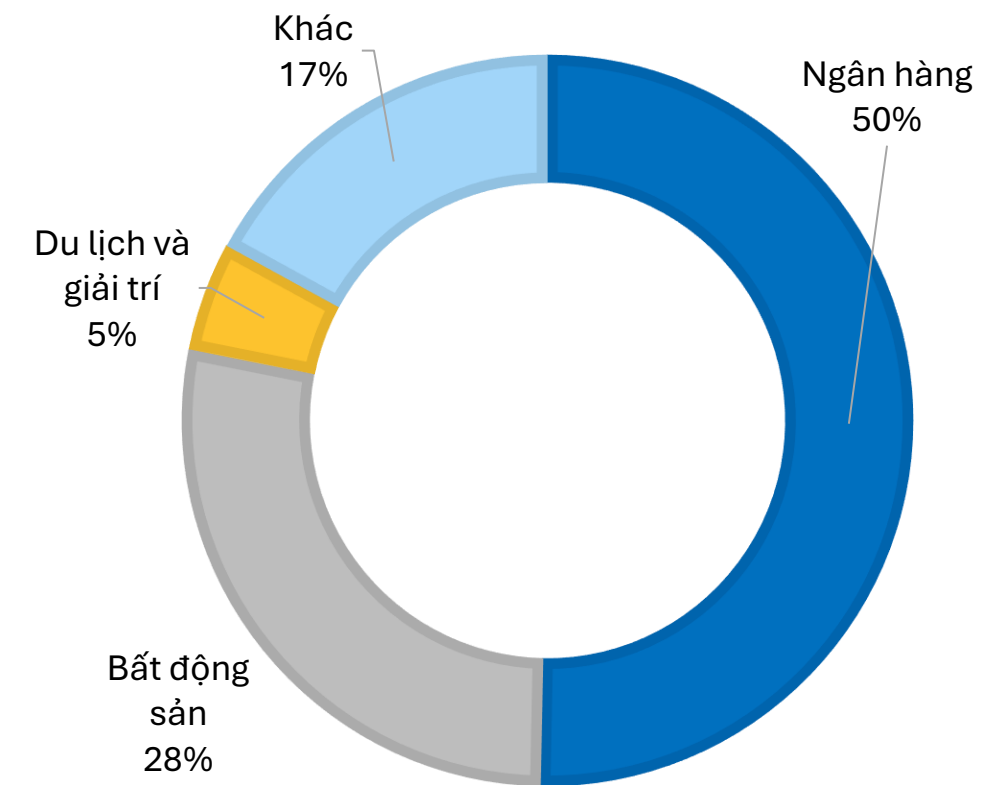
04 | Hạ tầng định giá và tác động thị trường



300 tổ chức phát hành hiện hữu đang hoạt động chưa có một thước đo rủi ro định lượng

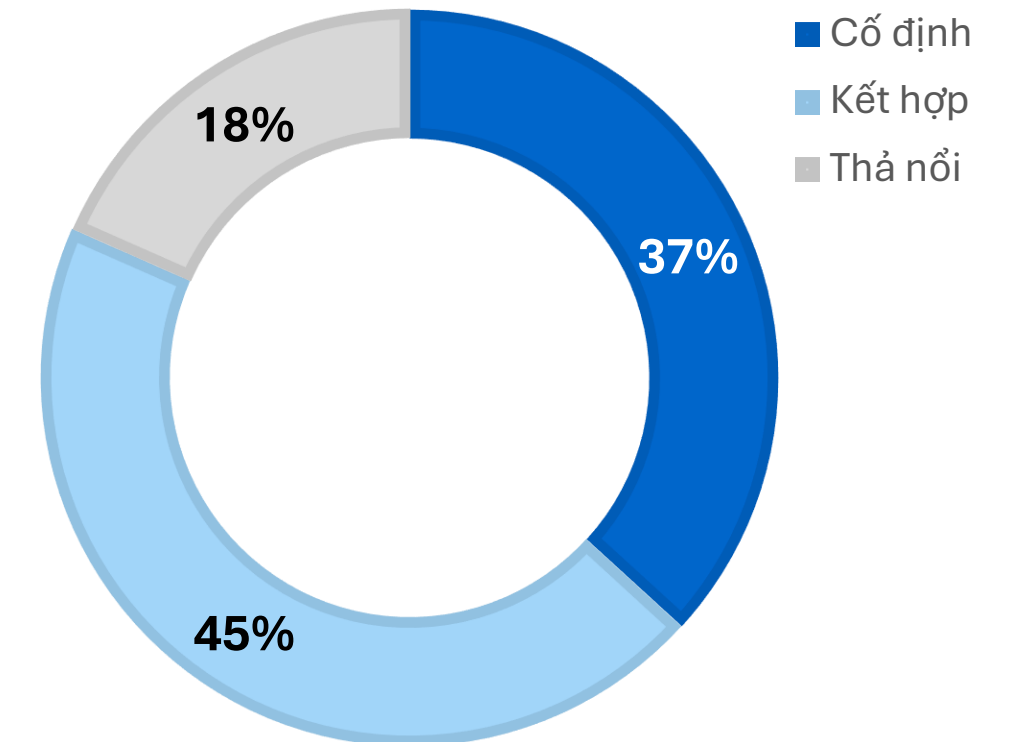
1.377.133 (Tỷ đồng)

(Tổng giá trị trái phiếu lưu hành tính đến 30/03/2026)



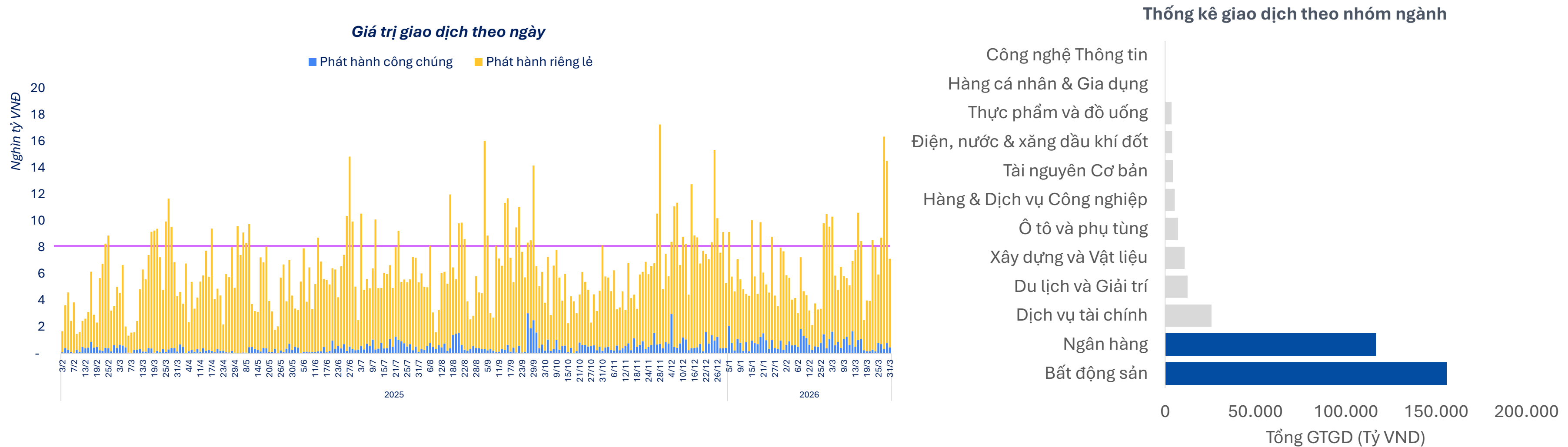
78% tập trung vào Bất động sản và Ngân hàng

Tổng giá trị trái phiếu lưu hành tính đến 30/03/2026. Nguồn FiinPro-X



82% là trái phiếu thả nổi/kết hợp. Cấu trúc dòng tiền phức tạp, khó theo dõi dòng tiền và định giá.

Tỷ lệ theo số lượng mã trái phiếu đến 30/03/2026. Nguồn FiinPro-X



Giao dịch phân mảnh

Khối lượng giao dịch tuy nhiều nhưng cục bộ ở kỳ hạn ngắn (1-3 năm) và tập trung vào một số ít nhóm ngành Bất động sản và Ngân hàng

Hệ quả định giá

Giá thị trường hiện tại thiếu tính đại diện và không phản ánh đúng cung - cầu tổng thể

Dữ liệu thị trường hiện tại

Dồi dào dữ liệu nhưng nhiều ngoại lai

LÃI SUẤT (YTM) BÌNH QUÂN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Lãi suất thực tế | Lãi suất nội suy | Thay đổi +/- YTM

1D | 1W | 1M | 3M | >7Y

TCPH	GTLH (Tỷ VND)	YTM BQ (%)	KHCL BQ (Tháng)	<6M	6 - 12M	12 - 18M	18 - 24M	24 - 36M	3 - 5Y	5 - 7Y	>7Y
BIDV	81,470.54	8.48%	77.76	--	--	--	--	--	--	8.48%	--
Agribank	69,111.20	8.60%	63.35	--	--	--	--	9.67%	--	8.06%	8.96%
HDBank	65,223.52	8.59%	54.05	--	--	--	--	--	--	8.59%	--
VietinBank	59,221.07	9.07%	90.80	--	--	--	--	--	--	9.07%	--
VinGroup	53,456.24	11.94%	22.19	8.37%	9.95%	11.12%	10.57%	15.23%	--	--	--
ACB	52,170.00	7.50%	18.13	7.50%	--	--	--	--	--	--	--
Vinhomes	48,590.00	10.75%	21.28	10.42%	10.25%	--	11.26%	10.70%	--	--	--
VPBank	43,464.80	5.61%	30.94	--	--	5.61%	--	--	--	--	--
MBBank	39,821.00	7.88%	52.84	--	--	--	--	--	--	--	7.88%
Vietjet Air	34,500.00	--	--	--	--	--	--	9.23%	9.70%	--	--
LPBank	27,873.00	--	--	--	--	--	--	--	--	8.67%	--
VIBBank	23,300.00	--	--	--	--	--	--	--	--	8.89%	--
Ngân hàng Bắc A	17,159.00	--	--	--	--	--	--	--	--	10.44%	--
SHB	15,030.00	--	--	--	--	--	--	--	--	8.75%	--
SX và Kinh doanh Vinfast	14,000.00	--	--	--	9.74%	--	--	11.68%	--	--	--
Becamex Group	13,906.00	--	--	--	--	8.73%	--	9.92%	--	--	--
Dịch Vụ Thương Mại Tổng Hợp...	12,000.00	--	--	--	3.32%	--	--	--	--	--	--
Đầu tư và Du lịch Vạn Hương	11,924.00	--	--	--	10.45%	9.23%	--	--	--	--	--
Đầu Tư Xây Dựng Thái Sơn	11,890.00	10.59%	17.46	10.72%	--	--	10.47%	--	--	--	--
Địa ốc Việt Hân	9,735.63	2.19%	21.83	--	--	--	--	2.19%	--	--	--
Bất động sản HANO - VID	9,090.15	2.76%	19.69	--	--	--	--	2.76%	--	--	--
Tập đoàn Masan	8,700.00	9.88%	22.34	--	--	--	9.88%	--	--	--	--
PT BĐS TNR Holdings Việt Nam	8,691.25	2.43%	15.45	--	--	--	--	2.43%	--	--	--
Điện gió Trung Nam Đắk Lắk 1	8,647.53	6.38%	104.00	--	--	--	--	--	6.38%	--	--

Dữ liệu được tính toán từ ngày 20/03/2026 đến ngày 27/03/2026

Khoảng trống dữ liệu
 Các tổ chức phát hành lớn vẫn thiếu giao dịch thường xuyên ở những kỳ hạn quan trọng

Khoảng trống dữ liệu
 Lợi suất bất thường do thiếu thanh khoản hoặc giao dịch thỏa thuận

Không thể sử dụng trực tiếp dữ liệu thô (single points) để xây dựng yield curve chuẩn. Cần có cơ chế tinh lọc và tổng hợp đa nguồn

Nguồn dữ liệu Bond Portal, FiinPro-X

Nội dung

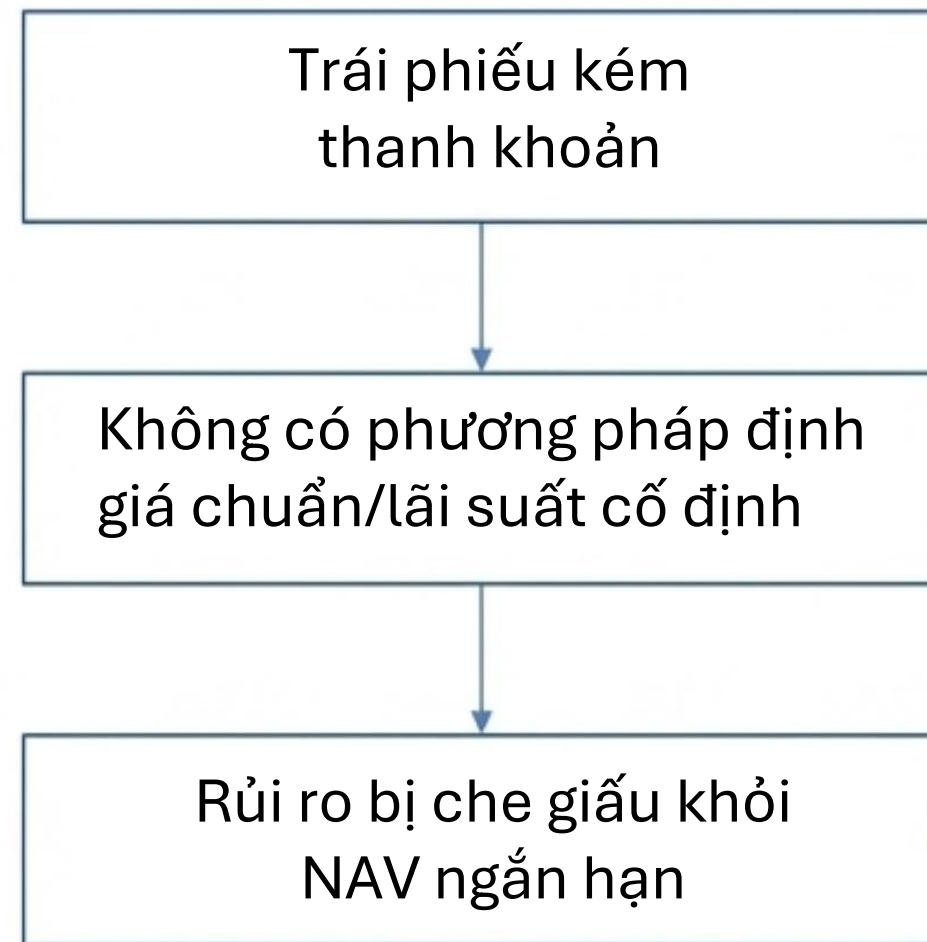
01 | Bối cảnh thị trường & vấn đề thị trường

02 | Hệ quả và rủi ro thị trường

03 | Cơ chế định giá chuẩn

04 | Hạ tầng định giá và tác động thị trường





Biến động lãi suất và rủi ro tín dụng không được phản ánh ngay lập tức vào định giá



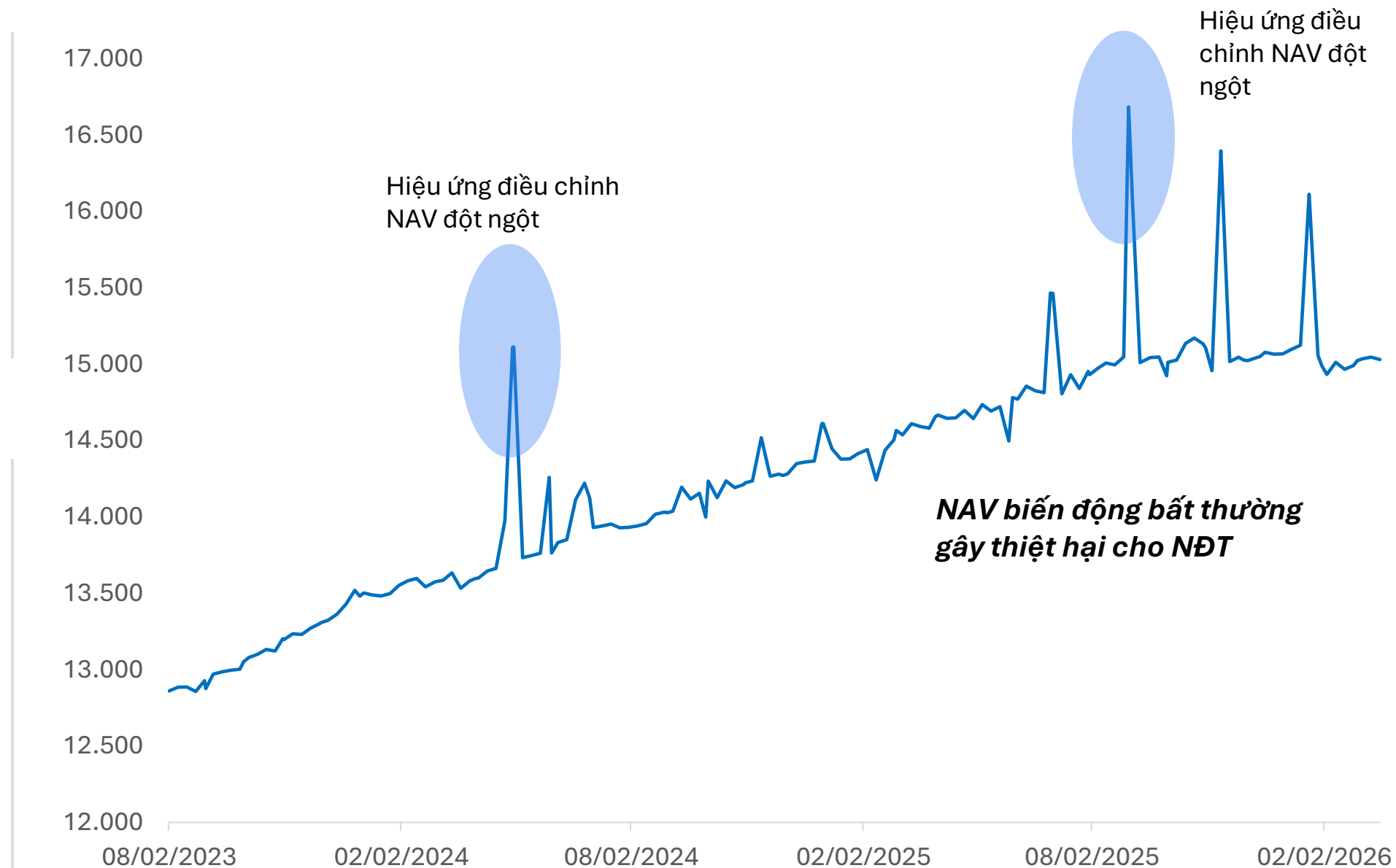
Biểu đồ NAV của 01 quỹ mở Bond Fund tại Việt Nam

Hiệu ứng điều chỉnh đột ngột

Khi công ty QLQ sở hữu trái phiếu kém thanh khoản, không có phương pháp định giá chuẩn, NAV dễ biến động bất thường gây ra sự

Độ ổn định không phản ánh rủi ro thực

Đường NAV tăng đều không đồng nghĩa với danh mục an toàn. Thực tế, rủi ro đang bị “ẩn đi” thay vì được phân bổ đều theo thời gian, khiến nhà đầu tư đánh giá sai về risk-return profile.



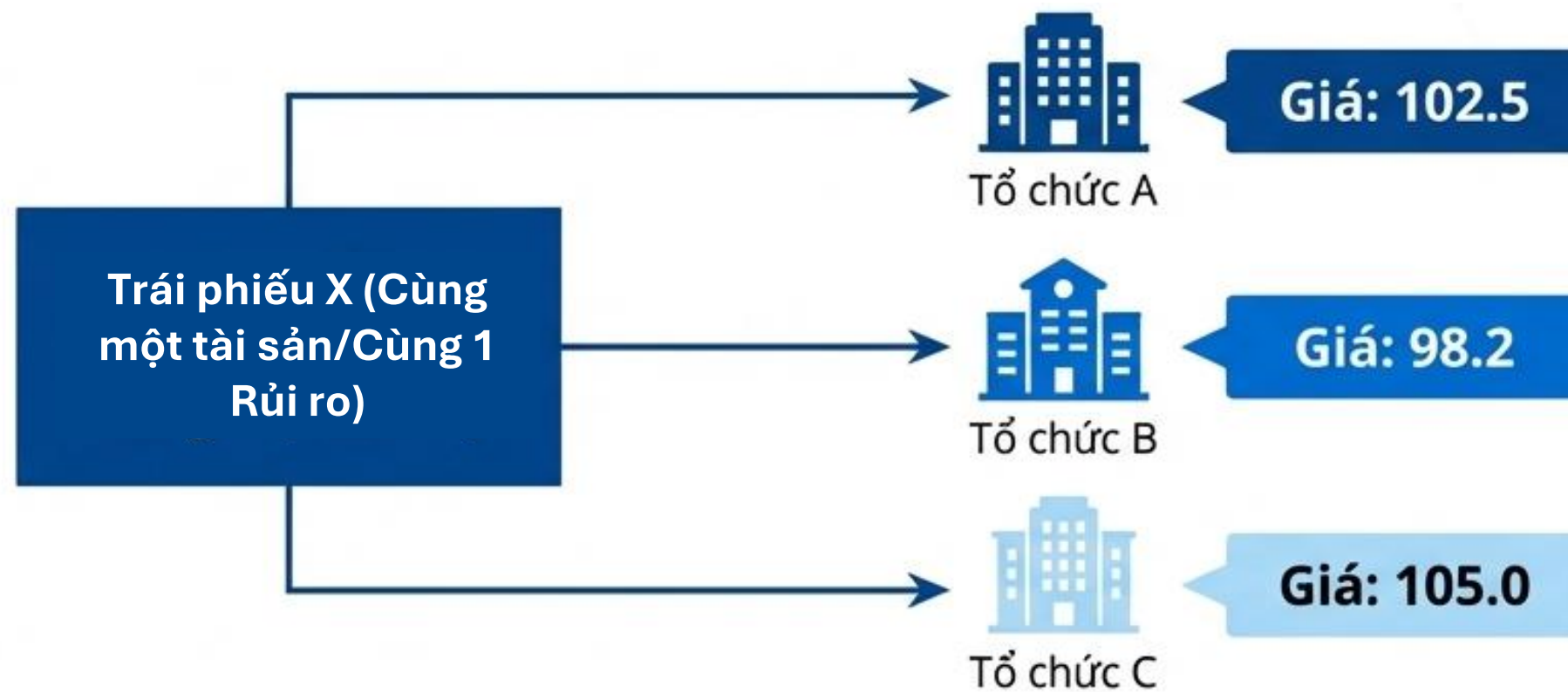
Độ trễ truyền dẫn

Đối với trái phiếu lãi suất cố định, biến động lãi suất và rủi ro tín dụng trên thị trường không được phản ánh ngay vào định giá.

Nguồn dữ liệu FiinPro-X

Hậu quả và rủi ro thị trường

Trái phiếu ghi nhận khác biệt giữa các định chế đầu tư



Định giá khác biệt

Các trái phiếu có đặc điểm tương đồng bị định giá hoàn toàn khác biệt giữa các tổ chức. Khả năng so sánh bị hạn chế tối đa

Suy giảm tính minh bạch

Hệ quả làm suy giảm tính minh bạch và bất khả thi khi so sánh hiệu quả đầu tư thực chất giữa các quỹ

Minh bạch chuẩn hóa phương pháp định giá trái phiếu

Tạo uy tín cho quỹ đầu tư trong việc huy động vốn.

Quỹ đầu tư 1



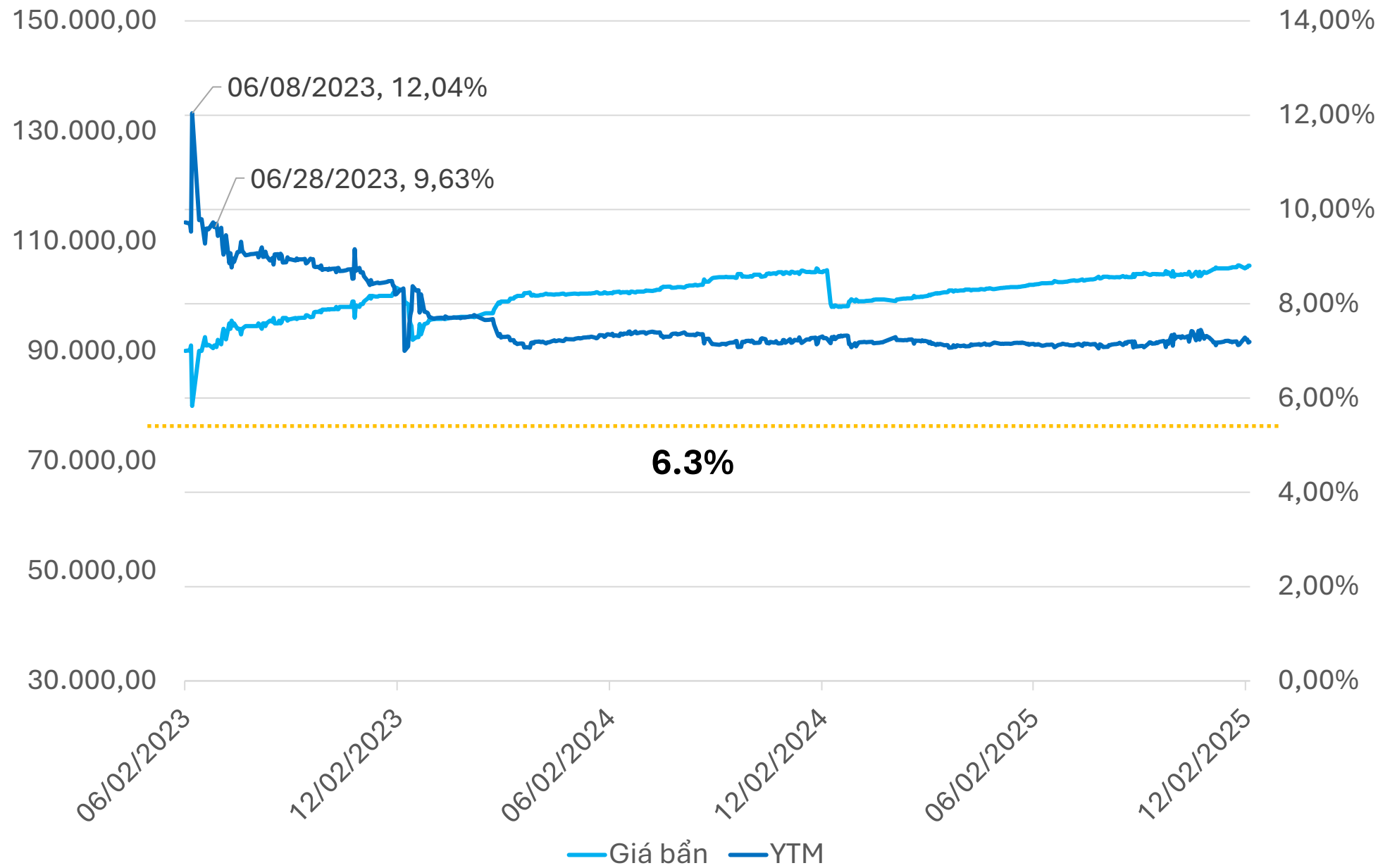
Quỹ đầu tư 2



Cùng rủi ro (Same Risk)

Hậu quả và rủi ro thị trường

Thiếu đường cong lãi suất chuẩn gây sự mismatch về giá



Biểu đồ giá trái phiếu VBA122001, nguồn FiinPro-X

Tổ chức	6 Tháng	9 Tháng	12 Tháng	24 Tháng	36 tháng
Agribank	5.00%	5.00%	6.30%	6.30%	--
VietinBank	5.00%	5.00%	6.30%	6.30%	6.30%
Vietcombank	5.00%	5.00%	6.30%	6.30%	6.30%
BIDV	5.00%	5.00%	6.30%	6.30%	6.30%
Techcombank	6.80%	6.80%	6.80%	6.80%	6.80%
MBBank	6.40%	6.50%	7.00%	6.80%	6.80%
VPBank	6.90%	7.00%	6.90%	7.90%	6.10%
TPBank	5.80%	5.90%	--	--	6.50%
ACB	6.20%	6.40%	6.60%	6.50%	6.50%
Indovina Bank	7.40%	7.60%	7.80%	8.10%	--
MBV Bank	7.20%	7.30%	7.40%	7.70%	7.70%
HDBank	6.60%	6.80%	7.00%	6.80%	6.80%
Lãi suất bình quân nhóm Big 4	5.00%	5.00%	6.30%	6.30%	6.30%
Nhỏ nhất	5.00%	5.00%	6.30%	6.30%	6.10%
Lớn nhất	7.40%	7.60%	7.80%	8.10%	7.70%
Trung bình	6.25%	6.36%	6.91%	7.01%	6.80%

Hệ quả
 Trái phiếu định giá sai lệch, không phản ánh đúng sự thay đổi của vĩ mô, dẫn tới việc nhà đầu tư không nhìn nhận được rủi ro thực sự của trái phiếu

Nội dung

01 | Bối cảnh thị trường & vấn đề thị trường

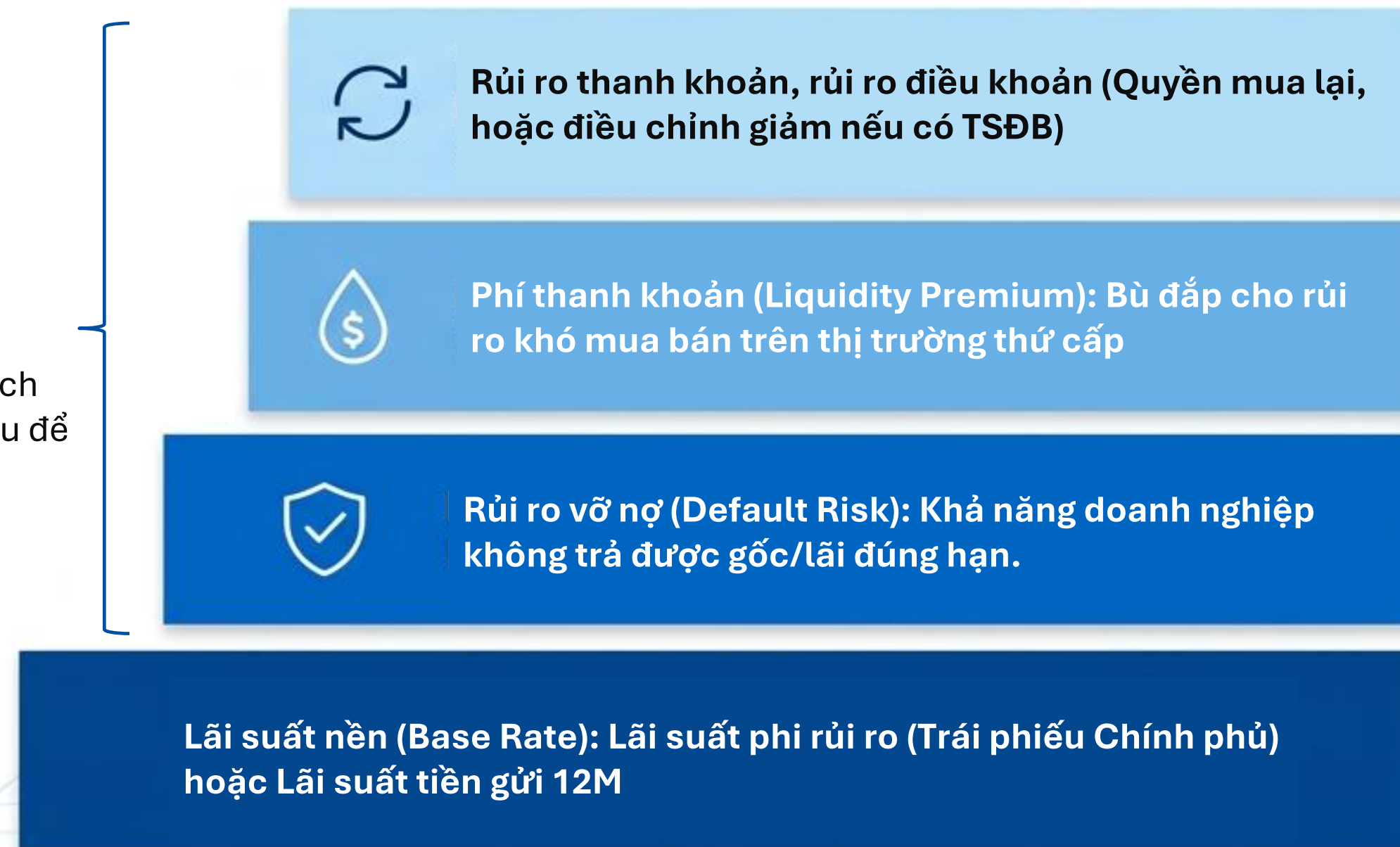
02 | Hệ quả và rủi ro thị trường

03 | Cơ chế định giá chuẩn

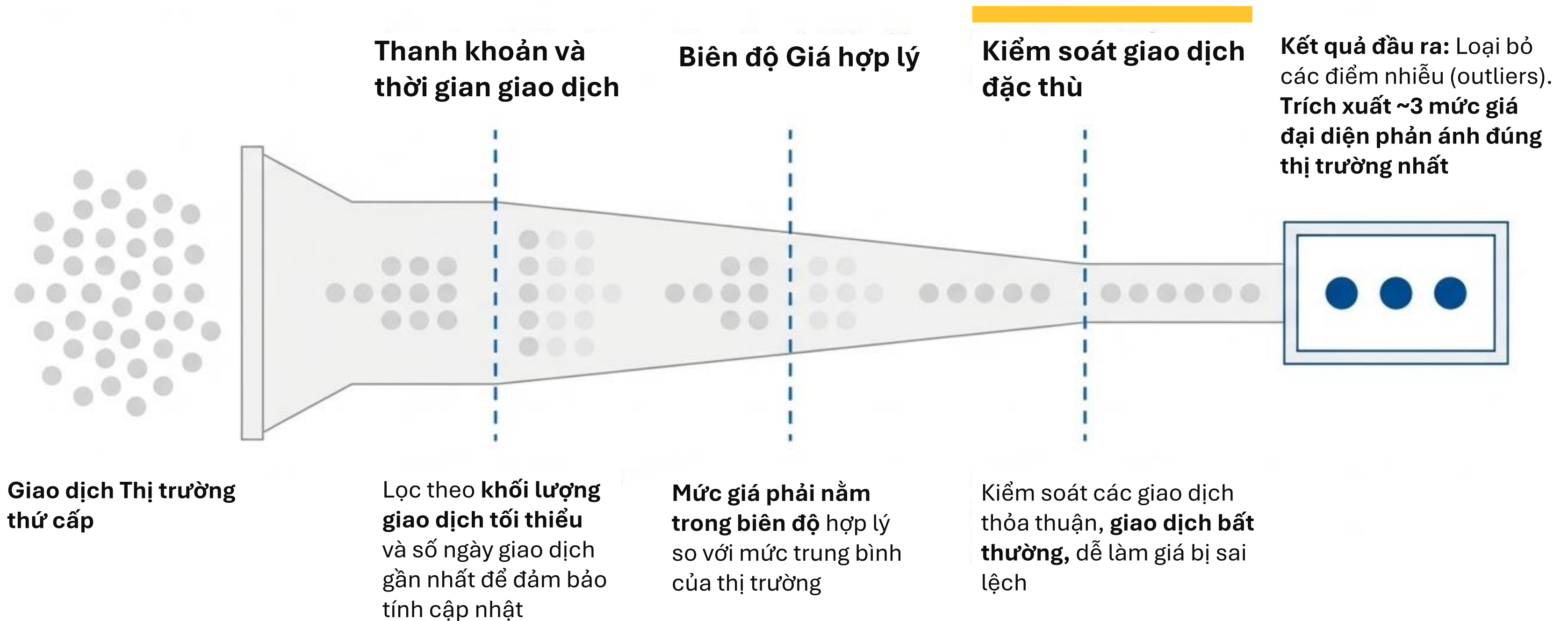
04 | Hạ tầng định giá và tác động thị trường



Phần bù rủi ro (Credit Spread):
Khoảng chênh lệch thị trường yêu cầu để bù đắp rủi ro.

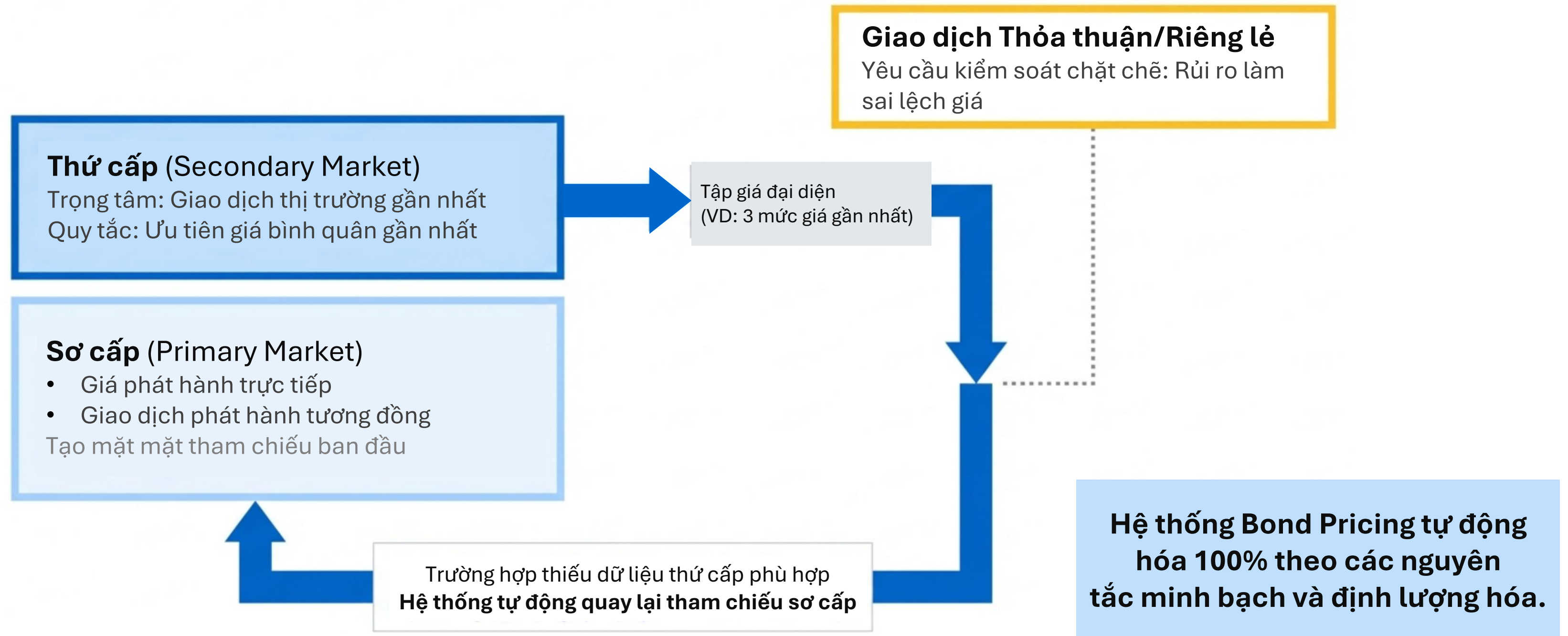


YTM là tổng mức sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư nhận được nếu nắm giữ trái phiếu cho đến ngày đáo hạn. YTM không chỉ là con số lợi suất danh nghĩa mà còn là tổng hòa của tín dụng, thanh khoản, điều khoản và niềm tin của NĐT



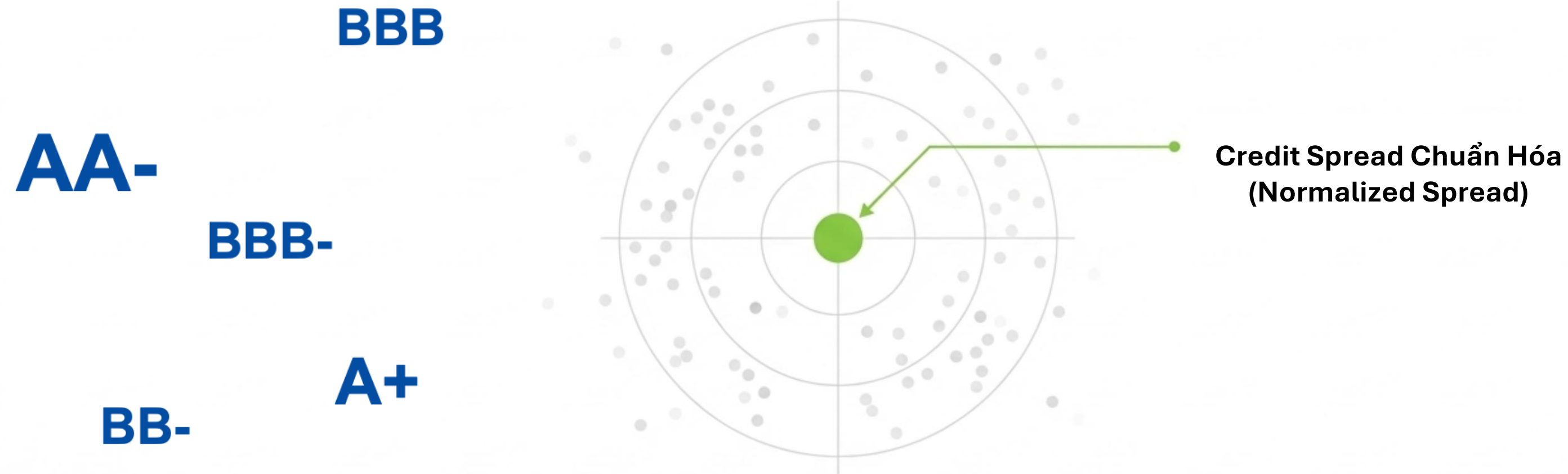
Mô hình thu thập dữ liệu

Thu thập từ nguồn dữ liệu sơ cấp và thứ cấp



Mô hình thu thập dữ liệu

Thu thập từ nguồn dữ liệu sơ cấp và thứ cấp



Đa nguồn (Multi-Sourced)

Tổng hợp chéo từ cả thị trường phát hành và giao dịch bình quan thứ cấp

Được sàng lọc kĩ càng

Bộ lọc về thanh khoản, biên độ giá và độ trễ thời gian

Kết hợp kết quả xếp hạng

Xây dựng tập hợp giá theo đường cong lãi suất tương quan với kết quả xếp hạng tín nhiệm

Bảo toàn tính toàn vẹn của kết quả định giá, không bị tác động bởi định tính, đảm bảo phản ánh chính xác chi phí rủi ro tín dụng thực tế trên thị trường

Nội dung

01 | Bối cảnh thị trường & vấn đề thị trường

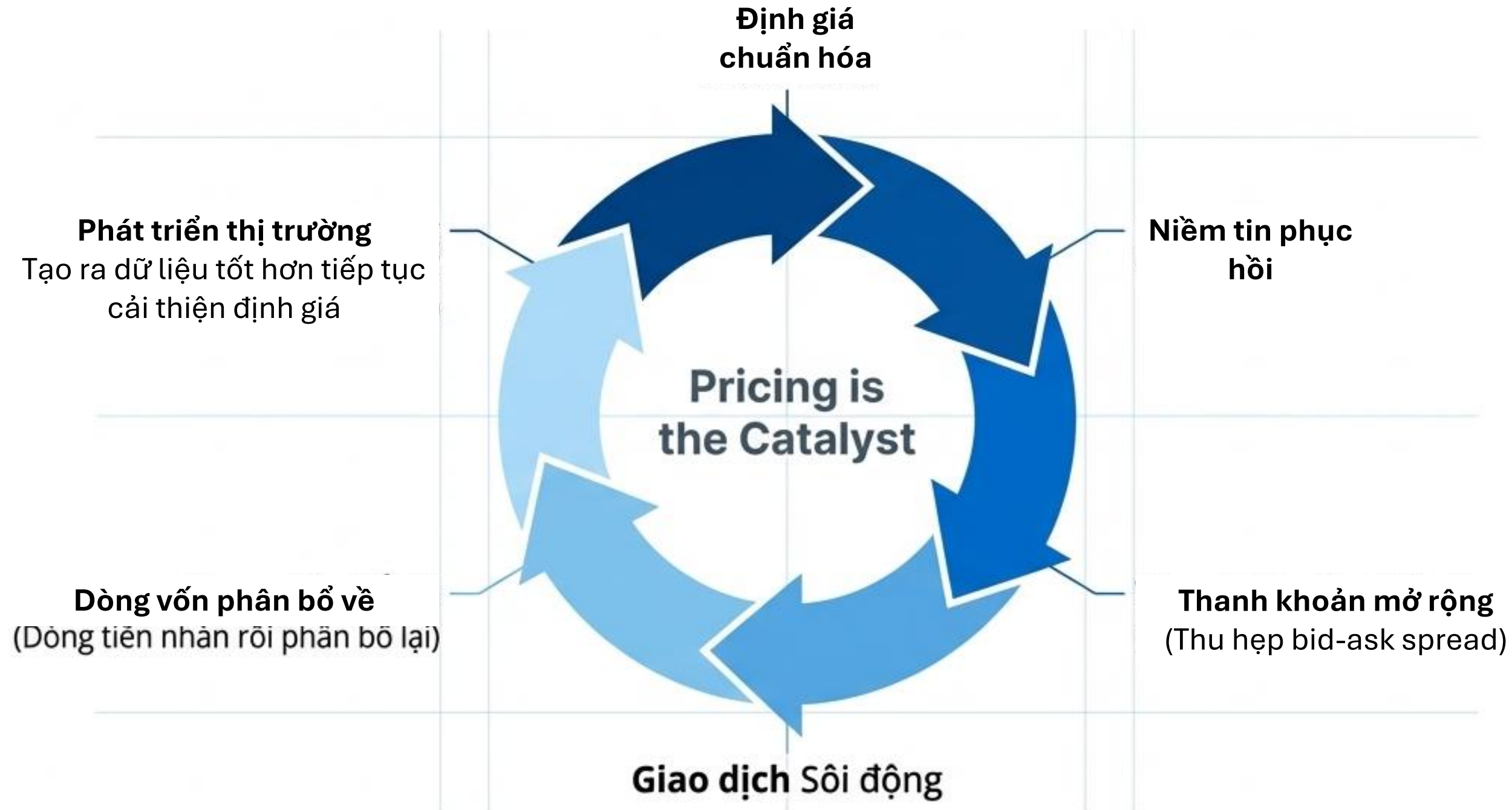
02 | Hệ quả và rủi ro thị trường

03 | Cơ chế định giá chuẩn

04 | Hạ tầng định giá và tác động thị trường



Chuỗi phản ứng Flywheel của định giá chuẩn hóa



Việc áp dụng hệ thống định giá đồng bộ kích hoạt vòng lặp tích cực: Kích thích dòng tiền nhàn rỗi phân bổ lại vào các tài sản thu nhập cố định thay vì găm giữ ngắn hạn



Diễn đàn Thị trường Trái phiếu Doanh nghiệp Việt Nam 2026

🕒 Thứ năm, Ngày 2/4/2026

📍 Hà Nội, Việt Nam

Diễn giả

Ông Trần Phú Việt

Giám đốc Phát triển Sản phẩm & Định giá
Trái phiếu, FiinGroup

Diễn đàn Thị trường Trái phiếu
Doanh nghiệp Việt Nam 2026



Thứ Năm, ngày 2/4/2026



Hà Nội, Việt Nam

PHIÊN THẢO LUẬN

Củng cố Hạ tầng Thị trường Trái phiếu Doanh nghiệp Việt Nam



Khách mời

Bà Dương Kim Anh

Giám đốc Đầu tư, Công Ty
TNHH Quản Lý Quỹ Đầu Tư
Chứng Khoán Vietcombank



Khách mời

Bà Nguyễn Xuân Quỳnh

Giám đốc Đầu tư, Công Ty
TNHH Quản lý SSI



Khách mời

Ông Trần Phú Việt

Giám đốc Sản phẩm &
Định giá Trái phiếu, FiiGroup



Điều phối

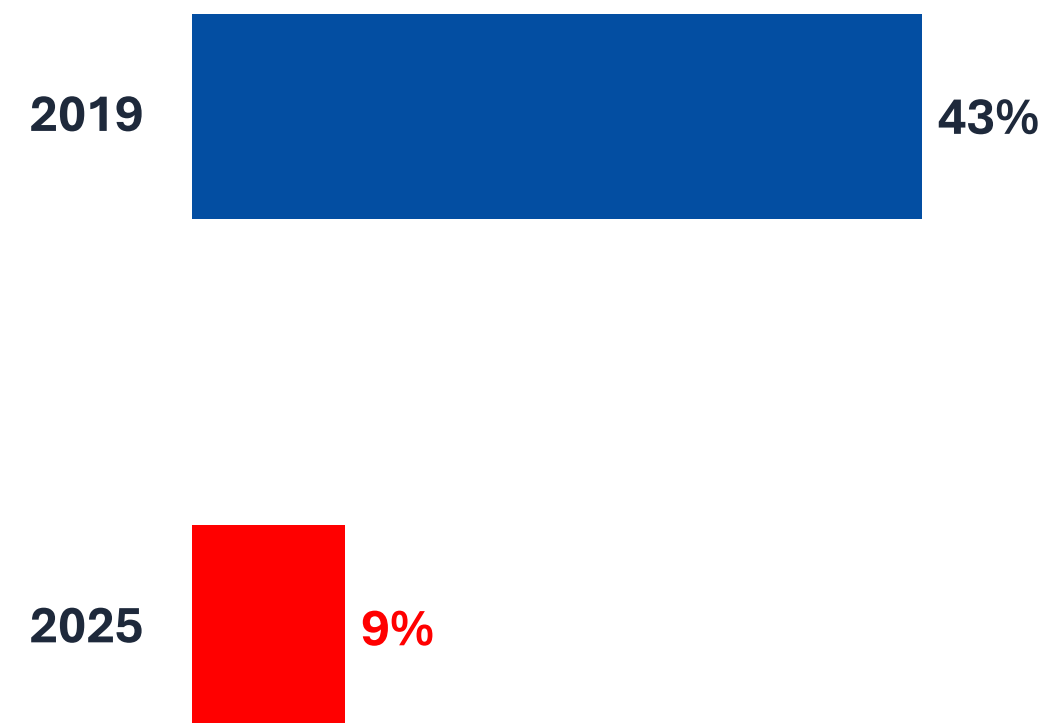
Bà Trương Diệu Linh

Giám đốc, Ban kinh doanh
Sản phẩm Vốn, Ngân hàng
Vietcombank

Kỳ hạn ngắn, phát hành riêng lẻ và tập trung nhóm ngành ngân hàng, bất động sản, làm hạn chế chiều sâu và sự đa dạng của thị trường

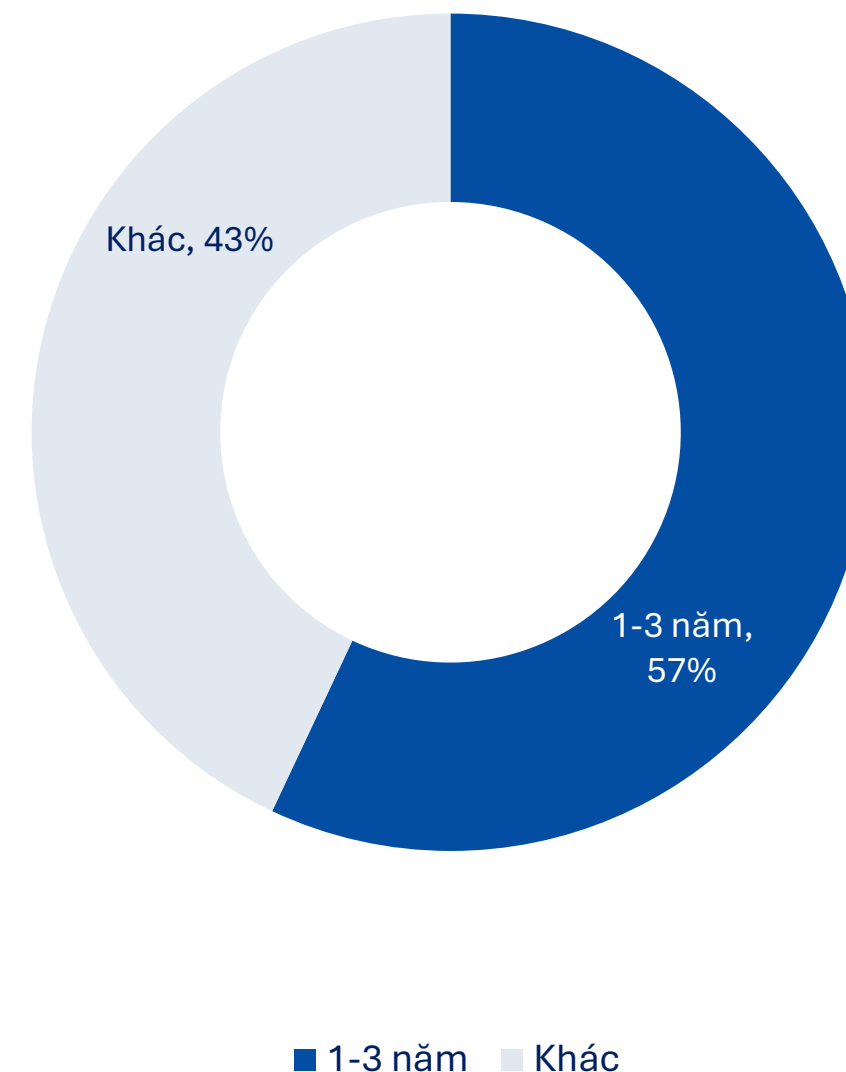
Hạn chế phát hành của nhóm Sản xuất/ Hạ tầng

9% Tỷ trọng phát hành năm 2025 (từ mức 43%)



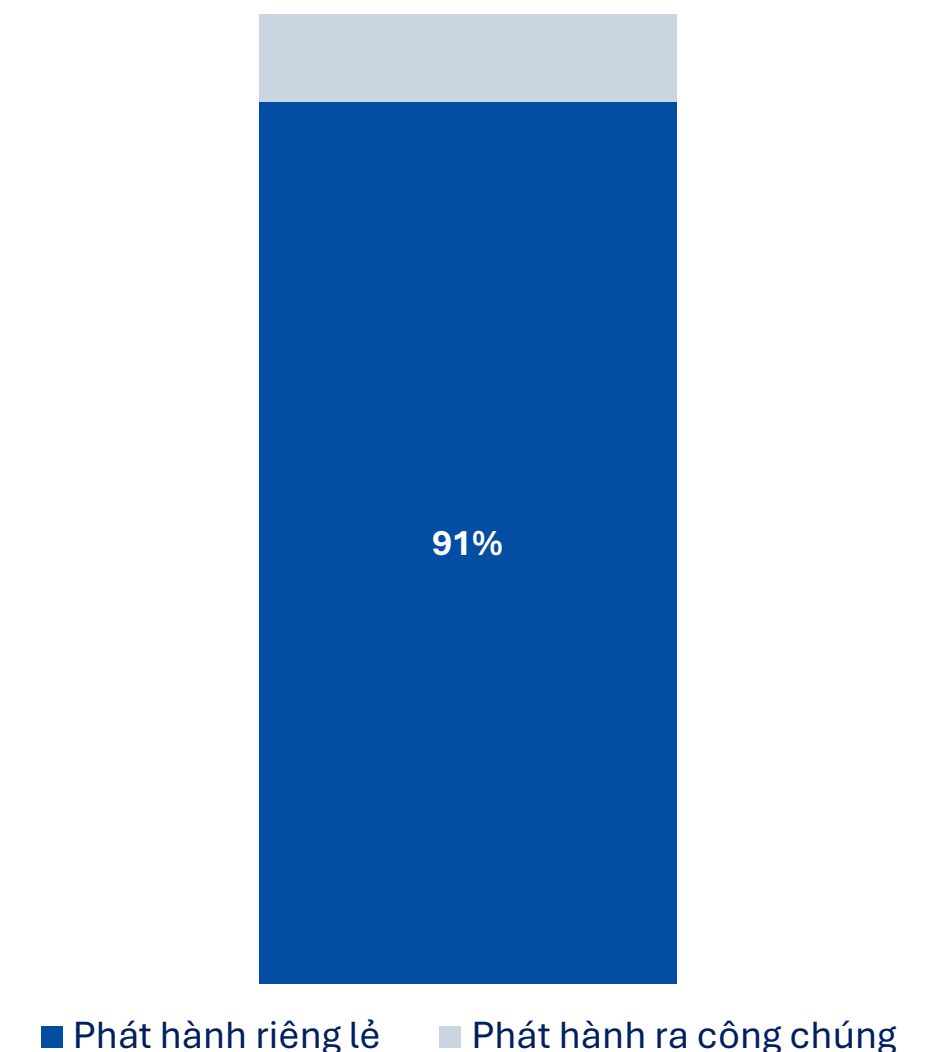
Kỳ hạn tương đối ngắn

57% Khối lượng phát hành năm 2025 có kỳ hạn 1–3 năm



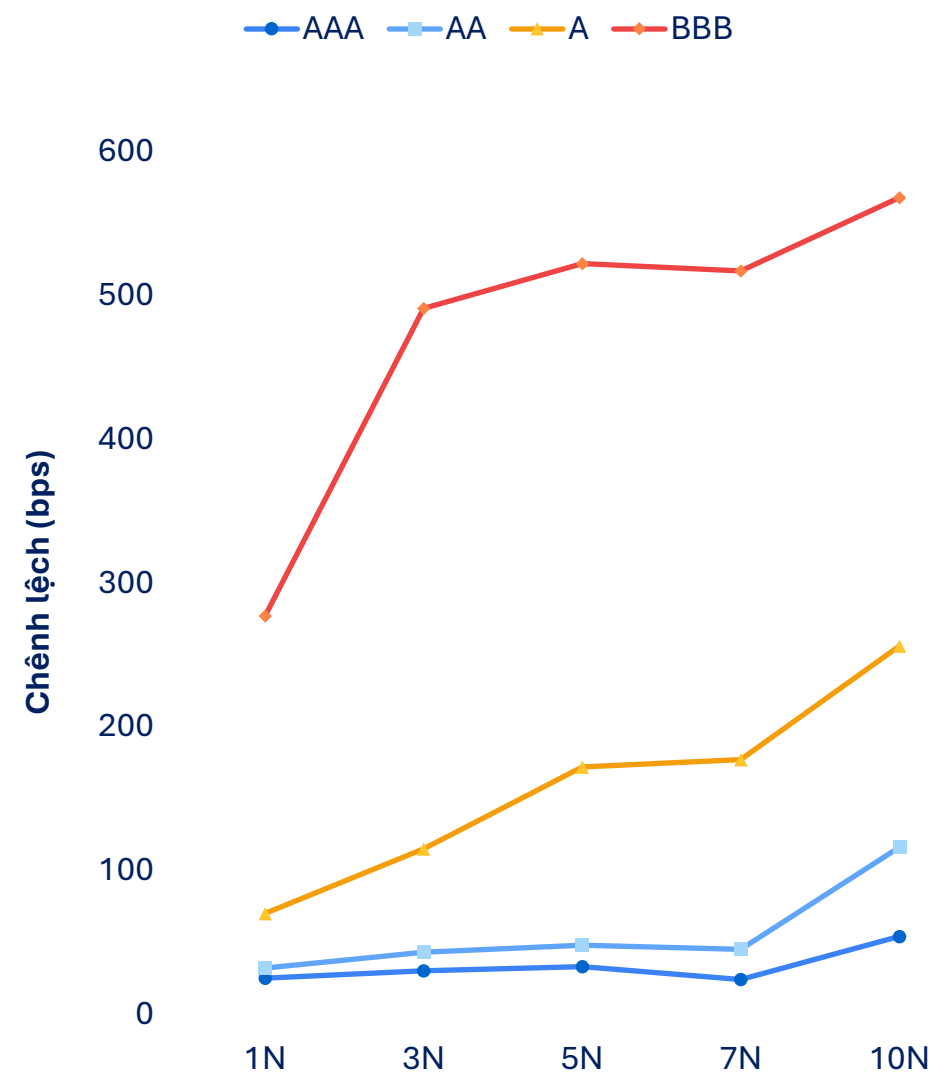
Phát hành riêng lẻ chiếm ưu thế

91% Tỷ trọng phát hành năm 2025



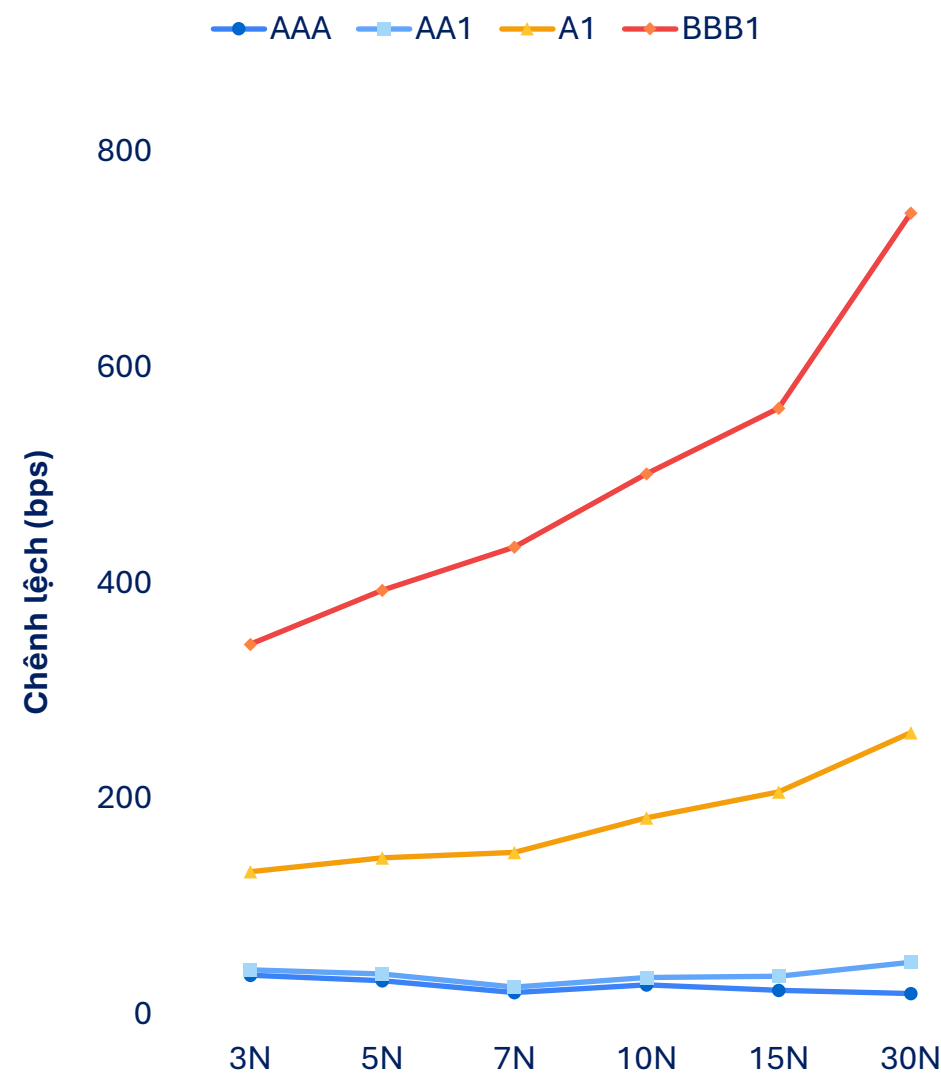
Hàn Quốc

Tổ chức Định giá: KOFIA



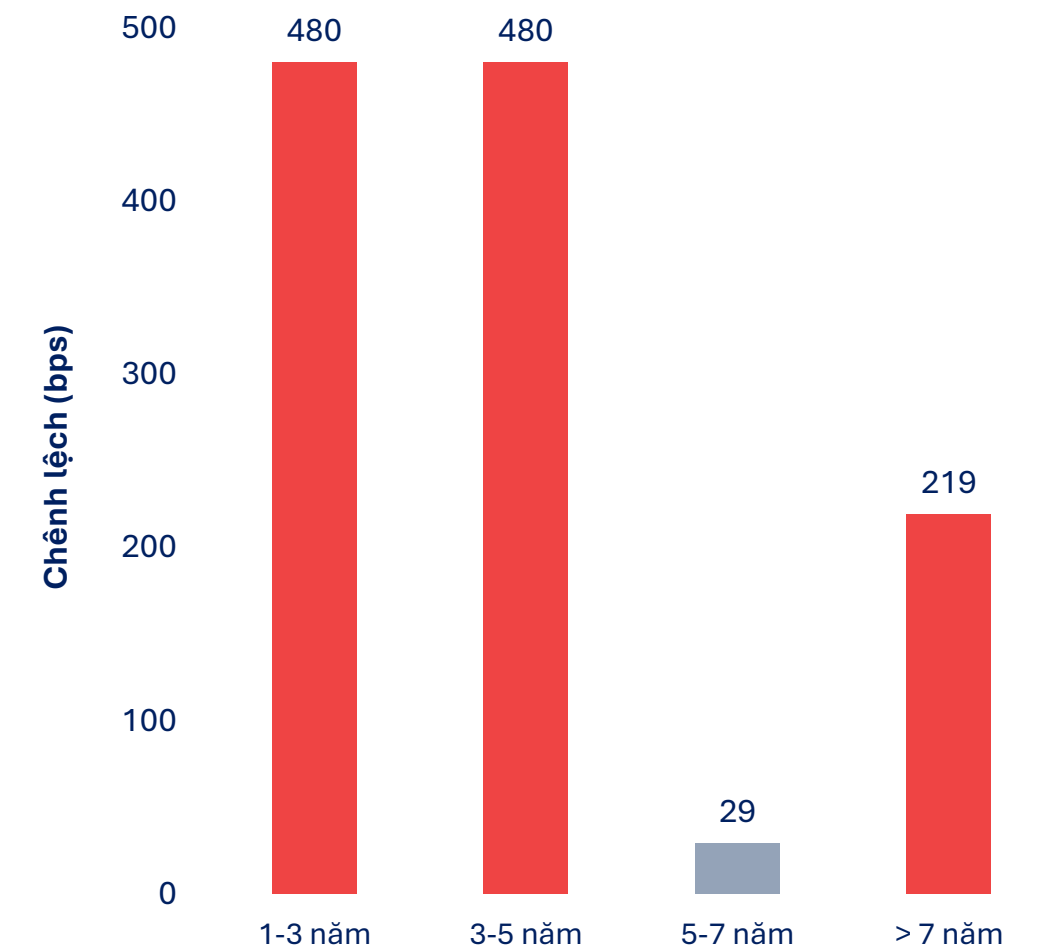
Malaysia

Tổ chức Định giá: BPAM



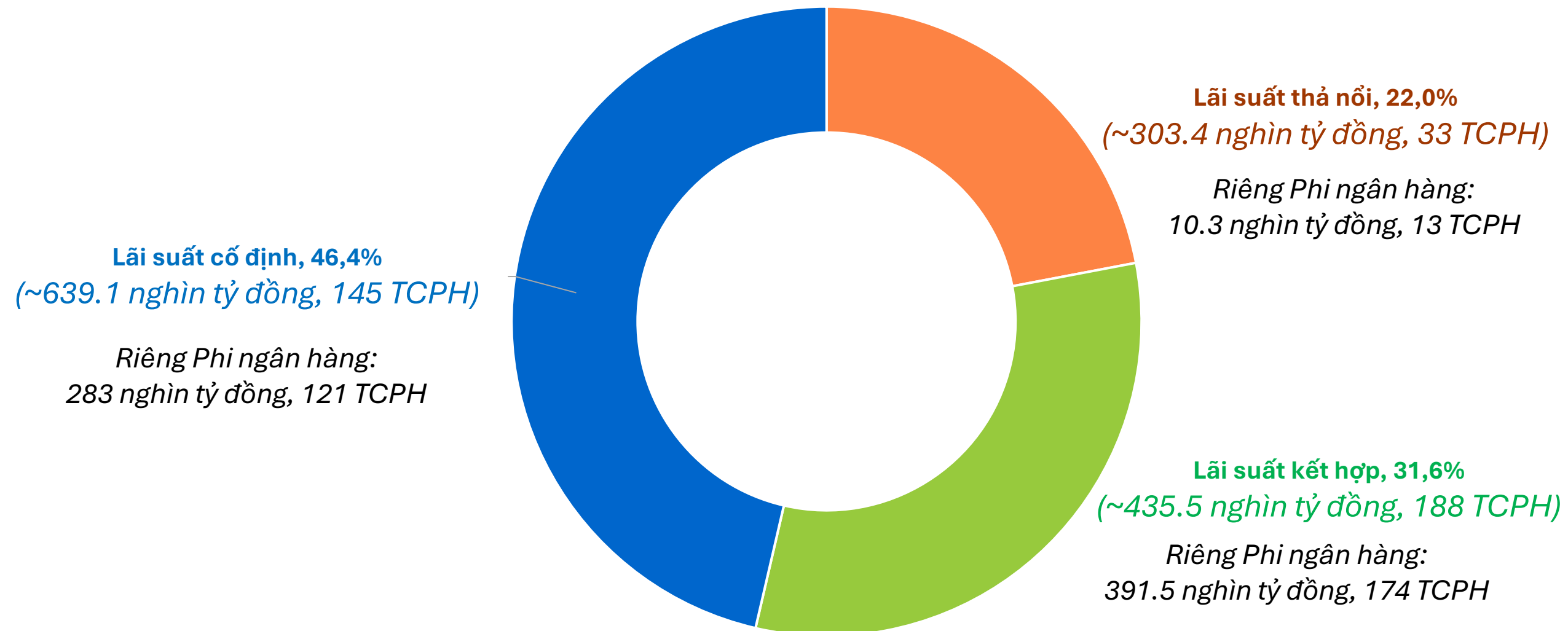
Việt Nam

Tổ chức Định giá TP: Không có



Nguồn: FiinRatings; CGIF. Dữ liệu Hàn Quốc tính đến 15/07/2025; Malaysia tính đến 20/09/2024; Việt Nam tính đến 2025. Biểu đồ VN: Chênh lệch giữa lãi suất coupon bình quân của trái phiếu Ngân hàng và trái phiếu Bất động sản, hai phân khúc giao dịch có khối lượng lớn nhất trên thị trường.

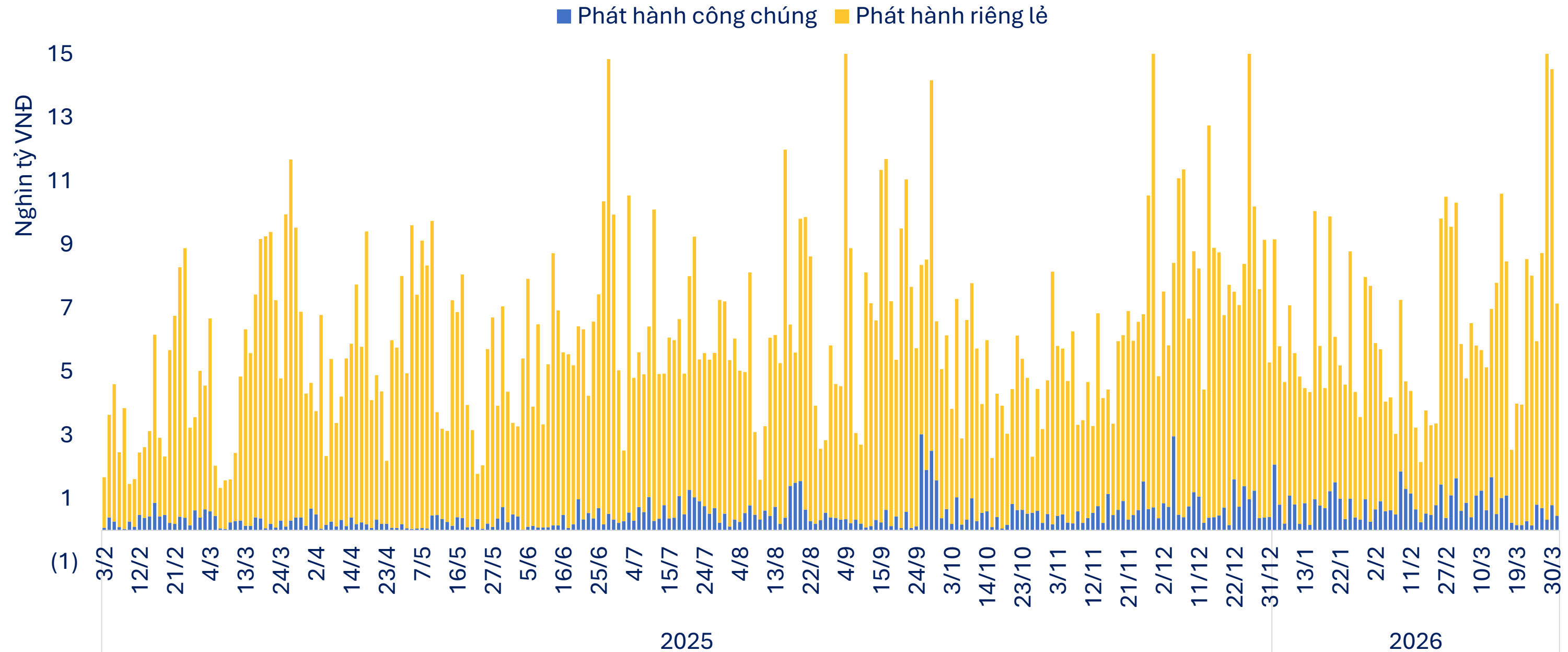
Cơ cấu Lãi suất TPDN (% Giá trị TPDN đang lưu hành tại ngày 26/3/2026)



Nguồn: FiinPro-X Platform.

Ghi chú: Dữ liệu được cập nhật đến ngày 26/3/2026. Các cơ chế lãi suất TPDN bao gồm: (1) **Lãi suất Cố định (Fixed)**: Mức lãi suất được ấn định không thay đổi trong suốt kỳ hạn của trái phiếu; (2) **Lãi suất Thả nổi (Floating)**: Lãi suất thay đổi định kỳ, được xác định bằng lãi suất tham chiếu (thường là bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng của nhóm Big4) cộng với một biên độ cố định; (3) **Lãi suất Kết hợp (Hybrid)**: Lãi suất cố định sẽ được áp dụng trong giai đoạn đầu (thường 1–2 năm), sau đó chuyển sang cơ chế thả nổi theo thị trường cho thời gian còn lại.

Quy mô giao dịch TPDN theo loại hình phát hành

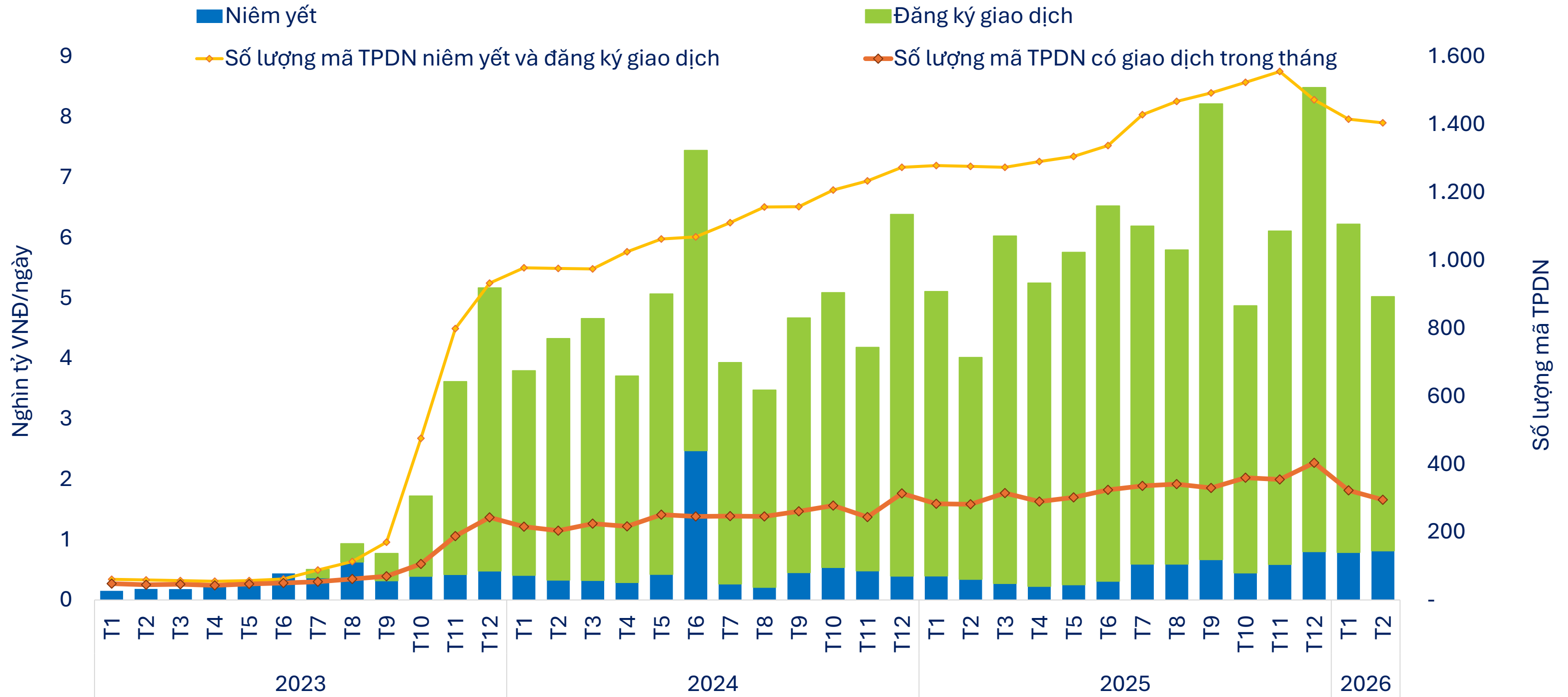


Nguồn FiinPro-X Platform. Ghi chú: Dữ liệu bao gồm giao dịch khớp lệnh và thỏa thuận trên HNX, cập nhật đến hết ngày 26/3/2026.

Những vấn đề về hạ tầng “mềm” thị trường TPDN

Thanh khoản thứ cấp thấp, với số lượng mã TPDN có phát sinh giao dịch rất hạn chế

Thị trường TPDN thứ cấp - GTGD bình quân theo Trạng thái giao dịch



Nguồn FiinPro-X Platform. Ghi chú: Dữ liệu bao gồm giao dịch khớp lệnh và thỏa thuận trên HNX, cập nhật đến hết tháng 2/2026.

Diễn đàn Thị trường Trái phiếu Doanh nghiệp Việt Nam 2026

**Củng cố Niềm tin, tính Minh bạch
và phát triển Cơ sở hạ tầng
cho mục tiêu Tăng trưởng Bền vững**

Thứ Năm, ngày 2/4/2026 | Hà Nội, Việt Nam